| | |
|---|---|
| **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK**<br>***MAYBANK SECURITIES LIMITED***<br>--- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM***<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>***Independence – Freedom – Happiness***<br>--- |
| Số: 376 /26/CV-MSVN | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2026*<br>*Ho Chi Minh City, 14 October 2026* |

**THÔNG BÁO**

***NOTICE***

**Phát hành chứng quyền có bảo đảm**

***On Covered Warrant Issuance***

*(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm số 477/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/10/2026)*

*(Certificate of registration for the offering of covered warrants No. 477/GCN-UBCK issued by the Chairperson of the State Securities Commission dated 07 October 2026)*

1. Tên tổ chức phát hành: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK**
   *The Issuer: Maybank Securities Limited*
2. Địa chỉ trụ sở chính: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, Số 5 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
   *Head office address: VP-10-01, 10th Floor, Pearl 5 Building, No. 5 Le Quy Don Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*
3. Số điện thoại/*Tel No.*: +84 28 44 555 888
4. Số Fax/*Fax No*: +84 28 38 271 030
5. Tên, địa chỉ tổ chức bảo lãnh phát hành: Không có
   *Name and address of the underwriting organization: None*
6. Thông tin về chứng quyền có bảo đảm đăng ký chào bán:
   *Information on the covered warrants registered for offering:*

- Tên chứng quyền có bảo đảm: Chứng quyền HDB/MSVN/7M/0126
  *Warrant name: Warrant HDB/MSVN/7M/0126*
- Mã chứng quyền có bảo đảm *(trường hợp thông báo phát hành bổ sung)*: Không có
  *Warrant code (in case of additional offering): None*
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: HDB
  *Name (code) of the underlying securities: HDB*
- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
  *Issuer of the underlying securities: Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank*
- Loại chứng quyền: Chứng quyền mua
  *Warrant type: Call warrant*
- Kiểu chứng quyền: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn

*Exercise style: A covered warrant in which the warrant holder can only exercise the right only on the expiry date*

- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
  *Exercise method: The covered warrant is cash-settled*
- Thời hạn: 7 tháng
  *Tenure: 7 months*
- Ngày đáo hạn: 19/05/2027
  *Expiry date: 19 May 2027*
- Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1
  *Conversion rate: 2:1*
- Giá thực hiện: 22.100 đồng
  *Exercise price: VND 22,100*
- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: 9.000.000.000 đồng
  *Value of collateral asset: VND 9,000,000,000*

7. Số lượng đăng ký chào bán: 6.000.000 chứng quyền
   *Subscription offering quantity: 6,000,000 warrants*
8. Giá chào bán: 3.000 đồng/chứng quyền
   *Offering price: VND 3,000 per warrant*
9. Số lượng chứng quyền có bảo đảm đã phát hành *(trường hợp thông báo phát hành bổ sung)*: 0 chứng quyền
   *Number of covered warrants issued (in case of additional offering): 0 warrants*
10. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: 1.000 chứng quyền
    *Minimum subscription quantity: 1,000 warrants*
11. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ 9h00 ngày 19/10/2026 đến 15h30 ngày 21/10/2026
    *Subscription period: From 9:00 AM on 19 October 2026 to 15:30 PM on 21 October 2026*
12. Địa điểm nhận đăng ký mua chứng quyền và công bố Bản cáo bạch:
    *Subscription location and Prospectus disclosure:*
    Nhà đầu tư có thể đăng ký mua chứng quyền tại Hội sở, Chi nhánh và/hoặc kênh trực tuyến thông qua ứng dụng Maybank Trade VN của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank
    *Investors may subscribe to the warrants at the Head office, Branches and/or through the online channel via the Maybank Trade VN of Maybank Securities Limited*

| **Văn phòng Hội Sở/Head Office** | **Chi nhánh Sài Gòn/*Saigon Branch*** |
|---|---|
| Địa chỉ: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, Số 5 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh<br>*Address: VP-10-01, 10th Floor, Pearl 5 Building, No. 5 Le Quy Don Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City*<br>Điện thoại/*Tel*: +84 28 44 555 888<br>Fax: +84 28 38 271 030 | Địa chỉ: VP-09-01, Tầng 9, Tòa nhà Pearl 5, Số 5 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh<br>*Address: VP-09-01, 9th Floor, Pearl 5 Building, No. 5 Le Quy Don Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City*<br>Điện thoại/*Tel*: +84 28 62 610 778<br>Fax: +84 28 38 59 06 99 |

| | |
|---|---|
| **Chi nhánh Phú Nhuận/Phu Nhuan Branch**<br>Địa chỉ: 456 Phan Xích Long, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh<br>*Address: 456 Phan Xich Long Street, Cau Kieu Ward, Ho Chi Minh City*<br>Điện thoại/*Tel*: +84 28 62 927 029<br>Fax: +84 28 62 927 019 | **Chi nhánh Đồng Nai/*Dong Nai Branch***<br>Địa chỉ: Tầng 3, Phòng 303, Toà nhà NK, 208D Phạm Văn Thuận, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai<br>*Address: 3rd Floor, Room 303, NK Building, 208D Pham Van Thuan Street, Tam Hiep Ward, Dong Nai*<br>Điện thoại/*Tel*: +84 25 13 940 490<br>Fax: +84 25 13 940 499 |
| **Chi nhánh An Giang/*An Giang Branch***<br>Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà H&T, số 204 - 204A Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang<br>*Address: 3rd Floor, H&T Building, Nos. 204 - 204A Tran Hung Dao Street, Long Xuyen Ward, An Giang*<br>Điện thoại/*Tel*: +84 296 3922 229<br>Fax: +84 296 76 3922 899 | **Chi nhánh Hà Nội/Hanoi Branch**<br>Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Coalimex, Số 33 Phố Tràng Thi, Phường Cửa Nam, Hà Nội<br>*Address: 5th Floor, Coalimex Building, No. 33 Trang Thi Street, Cua Nam Ward, Hanoi*<br>Điện thoại/*Tel*: +84 24 39 44 05 06<br>Fax: +84 24 39 44 05 08 |

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm:
*Bank opening the blocked account to receive subscription payments for covered warrants:*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
*Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Nam Ky Khoi Nghia Branch*
Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCO số 66,68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
*Address: No. 56 (rear), 58, 60, 62, 64 and Ground Floor, 10th Floor, 11th Floor, TASCO Building, No. 66, 68 Nam Ky Khoi Nghia Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City*
Điện thoại/*Tel*: +84 28 3821 8812

| | |
|---|---|
| Tên người thụ hưởng<br>*Beneficiary's name* | **Công ty TNHH Chứng khoán Maybank**<br>***Maybank Securities Limited*** |
| Số tài khoản<br>*Account number* | **8640042466** |

14. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư:
*Commitment to fulfill the obligations of the Issuer to investors:*
Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của Thông báo này và thực hiện tất cả các nghĩa vụ với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan.

*The Issuer commits to take responsibility for the accuracy of this Notice and to fulfill all obligations to investors in accordance with the relevant laws.*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2026

*Ho Chi Minh City, 14 October 2026*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

***LEGAL REPRESENTATIVE***

Tài liệu đính kèm/*Attached documents:*
Bản cáo bạch Chứng quyền HDB/MSVN/7M/0126
*Prospectus of Covered warrant HDB/MSVN/7M/0126*

S.G.P: 117 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK
P. XUÂN HÒA - T.P HỒ CHÍ MINH

**Kim Thiên Quang**
**Tổng Giám đốc**
***Chief Executive Officer***

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("**UBCKNN**") cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm của Tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của Tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro ở trang 03 đến 07 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

Giá giao dịch chứng quyền có bảo đảm có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của Tổ chức phát hành và các chứng quyền có bảo đảm phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

*(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 117/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 01 năm 2014 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán gần nhất số 68/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 05 tháng 06 năm 2026)*

## CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM
## CHỨNG QUYỀN HDB/MSVN/7M/0126

*(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm số 477/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/10/2026)*

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền tại:

| | |
|---|---|
| Maybank Investment Bank | **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK** ***(Sau đây gọi là "Tổ chức phát hành" hoặc "MSVN")*** |
| | Địa chỉ trụ sở chính: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.<br>Điện thoại: +84 28 44 555 888 Fax: +84 28 3827 1030<br>Website: https://www.maybank-kimeng.com.vn |

| **Phụ trách công bố thông tin** | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Họ và tên | : | Nguyễn Võ Vân Hà | Điện thoại | : | +84 28 44 555 888 |
| Chức vụ | : | Giám đốc Tài chính | Fax | : | +84 28 3827 1030 |

## CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

*(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 117/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 01 năm 2014 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán gần nhất số 68/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 05 tháng 06 năm 2026)*

## CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

| | | |
|---|---|---|
| **Tên chứng quyền có bảo đảm** | : | Chứng quyền HDB/MSVN/7M/0126 |
| **Tên (mã) chứng khoán cơ sở** | : | HDB |
| **Tên Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | : | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh |
| **Loại chứng quyền** | : | Chứng quyền mua |
| **Kiểu thực hiện** | : | Chứng quyền mà Người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại Ngày đáo hạn |
| **Phương thức thực hiện chứng quyền** | : | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| **Thời hạn của chứng quyền** | : | 7 tháng |
| **Ngày phát hành dự kiến** | : | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| **Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến** | : | Hai (2) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| **Ngày đáo hạn dự kiến** | : | Trong tháng 05/2027 - 07/2027 |
| **Tỷ lệ chuyển đổi** | : | 2:1 |
| **Giá thực hiện/Khoảng giá thực hiện** | : | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của Chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| **Giá chào bán/Khoảng giá chào bán** | : | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| **Tổng số lượng chào bán** | : | 6.000.000 chứng quyền |
| **Tổng giá trị chào bán** | : | Từ 6.000.000.000 VND đến 18.000.000.000 VND. Tổng giá trị chứng quyền chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |

**TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH:** Không có

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

| | | |
|---|---|---|
| Công ty | : | Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam |
| Trụ sở chính | : | Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Điện thoại | : | +84 28 3824 5252 Số fax: +84 28 3824 5250 |
| Website | : | https://www.ey.com/vi_vn |

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:** Không áp dụng

## MỤC LỤC

**I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ..... 3**
1. Rủi ro liên quan đến Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm ..... 3
2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền có bảo đảm ..... 4
3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở ..... 5
4. Các rủi ro khác ..... 6
**II.NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .. 7**
1. Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm ..... 7
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn ..... 7
**III.CÁC KHÁI NIỆM ..... 8**
1. Khái niệm ..... 8
2. Thuật ngữ và viết tắt ..... 10
**IV.CƠ HỘI ĐẦU TƯ ..... 11**
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam ..... 11
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư ..... 13
3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm ..... 14
**V.THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM ..... 15**
1. Các thông tin chung về Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm ..... 15
2. Các thông tin về kết quả hoạt động của Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm ..... 34
3. Tình hình tài chính ..... 37
**VI.CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM ..... 39**
1. Thông tin chung về chứng quyền có bảo đảm ..... 39
2. Thông tin về chứng khoán cơ sở ..... 41
3. Thời gian phân phối chứng quyền có bảo đảm ..... 44
4. Đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm ..... 45
5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm ..... 46
6. Thực hiện chứng quyền có bảo đảm ..... 47
7. Quyền của Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm ..... 50
8. Điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm ..... 52

9. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền có bảo đảm ..... 53

10. Hoạt động tạo lập thị trường ..... 54

**VII.PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM ..... 55**

**VIII.QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM ..... 56**

1. Quy trình quản trị rủi ro ..... 56

2. Phương án phòng ngừa rủi ro ..... 62

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền có bảo đảm của Tổ chức phát hành ..... 69

**IX.CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN ..... 69**

1. NGÂN HÀNG LƯU KÝ ..... 69

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN ..... 70

**X.XUNG ĐỘT LỢI ÍCH ..... 70**

**XI.CAM KẾT ..... 70**

**XII.PHỤ LỤC ..... 71**

*(Phần còn lại của trang được chủ ý bỏ trống)*

## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc Bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là "**chứng quyền**"), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền.

Chứng quyền là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền (sau đây gọi tắt là "**Người sở hữu**") không nên hiểu việc phát hành chứng quyền như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, Người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này.

### 1. Rủi ro liên quan đến Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

- **Rủi ro từ giao dịch của Tổ chức phát hành:** Tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền trên thị trường và chứng quyền này có thể được nắm giữ, bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền.

- **Rủi ro thanh toán:** Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi Tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro Tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho Người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.

- **Rủi ro chứng quyền bị hủy bỏ niêm yết:** Chứng quyền sẽ bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (và các văn bản sửa đổi, bổ sung) bao gồm:

  - Chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán;
  - Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; hoặc khi phát hiện tổ chức phát hành không ký quỹ bảo đảm thanh toán hoặc không có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng;

- Tổ chức phát hành vi phạm nghĩa vụ phòng ngừa rủi ro hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ tạo lập thị trường dẫn đến bị chấm dứt hoạt động tạo lập thị trường theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán ("**SGDCK**");
- Tổ chức niêm yết bị thu hồi Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;
- Các chứng quyền đã được hoàn tất việc thực hiện quyền hoặc đã đáo hạn.

Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền bị hủy trước Ngày đáo hạn.

- **Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của Tổ chức phát hành:** Người sở hữu chứng quyền nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan đến quyền lợi của Người sở hữu chứng quyền, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cẩn trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với Tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền.

- **Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi:** Tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với Người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền này.

- **Rủi ro không thẩm định, đánh giá Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:** Tổ chức phát hành không tiến hành bất kỳ thẩm định hoặc đánh giá chính thức nào về hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Nhà đầu tư nên lưu ý rằng Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở không tham gia vào việc thiết lập các điều khoản và điều kiện của chứng quyền. Hơn nữa, các Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở không có nghĩa vụ đối với nhà đầu tư khi thực hiện chứng quyền. Theo đó, quyết định đầu tư của nhà đầu tư phải dựa trên đánh giá và thẩm định độc lập của chính nhà đầu tư đối với chứng quyền và Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Việc đầu tư vào chứng quyền mà không có sự đánh giá và không đánh giá đầy đủ có thể dẫn đến những tổn thất mà lẽ ra có thể tránh được.

## 2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền có bảo đảm

- **Rủi ro đầu tư chung:** Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá chứng quyền và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. Chứng quyền là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.

- **Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền:** Do chứng quyền có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có thể bị giảm khi đến gần Ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến Ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền.

- **Rủi ro về giá:** Là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền. Sự thay đổi giá của chứng quyền phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, giá của chứng quyền còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền. Mặc dù Tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền theo khối lượng đã đăng ký với UBCKNN, tuy nhiên, Tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền thông qua phương thức phát hành bổ sung, miễn là hạn mức phát hành chứng quyền đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của UBCKNN. Việc phát hành bổ sung có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền.

- **Rủi ro từ tính đòn bẩy:** Đầu tư vào chứng quyền chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.

- **Rủi ro thanh khoản:** Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền tại mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền đó. Thanh khoản của chứng quyền phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động tạo lập thị trường của Tổ chức phát hành. Mặc dù Tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền, Tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền sẽ sôi động.

- Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền không có quyền lợi như cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở, bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

**3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở**

- Một số sự kiện xảy ra (bao gồm phát hành cổ phiếu thưởng hoặc phân phối tiền bởi Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh

các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy bỏ niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy bỏ niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

- **Chấm dứt sớm do hoạt động của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và/hoặc các sự kiện khác:** Trong trường hợp chứng khoán cơ sở bị hủy bỏ niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch trong một khoảng thời gian không xác định hoặc Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở bị giải thể, phá sản hoặc bị tiếp quản, chứng quyền có thể bị ngừng giao dịch và đáo hạn trước Ngày đáo hạn. Do đó, khi xảy ra các sự kiện như vậy, chứng quyền có thể bị đáo hạn sớm mà không đạt được kỳ vọng của nhà đầu tư hoặc khiến nhà đầu tư chịu lỗ hoặc giảm lợi nhuận.

- **Tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan:** Mặc dù Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở phải tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, quy tắc, quy định, hướng dẫn, yêu cầu hoặc quyết định có liên quan do các cơ quan hữu quan ở Việt Nam ban hành, áp dụng tùy từng thời điểm, nhưng không có sự đảm bảo nào về việc Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở sẽ tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định và yêu cầu đó. Hiệu suất kinh doanh của các Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở có liên quan có thể bị ảnh hưởng do không tuân thủ luật pháp và quy định liên quan, do đó có thể ảnh hưởng đến giá trị và/hoặc hiệu quả hoạt động đầu tư chứng quyền tương ứng.

**4. Các rủi ro khác**

- **Rủi ro kinh tế:** Triển vọng tài chính và kinh doanh của các Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở hoặc Tổ chức phát hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi và nghiêm trọng bởi sự thay đổi về những bất ổn kinh tế nơi Tổ chức phát hành có hoạt động kinh doanh. Khi tăng trưởng kinh tế chậm lại sẽ tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán, các Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và hoạt động đầu tư nói chung. Cụ thể, nền kinh tế toàn cầu đang đối diện với nhiều thách thức do thị trường tài chính chưa hoàn toàn hồi phục, cùng với các rủi ro địa chính trị leo thang ở một số khu vực trên thế giới. Điều này có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến nền kinh tế và thị trường tài chính Việt Nam, từ đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá của chứng khoán cơ sở và do đó ảnh hưởng đến giá của chứng quyền, ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

- **Rủi ro chính trị:** Rủi ro do các sự kiện chính trị, những quyết định trong chính sách điều hành của chính phủ, những thay đổi trong luật lệ của chính phủ từ đó ảnh hưởng đến nền kinh tế, hoạt động của doanh nghiệp và lợi ích của nhà đầu tư.

- **Rủi ro luật pháp:** Tổ chức phát hành là một định chế tài chính hoạt động dưới sự quản lý chặt chẽ của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp cùng các văn bản hướng dẫn theo quy định của pháp luật. Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh hội nhập kinh tế toàn cầu, khung pháp lý về thị trường tài chính liên tục được rà soát, cập nhật và hoàn thiện để phù hợp với thông lệ quốc tế, việc

không kịp thời tiếp nhận, đánh giá và triển khai những quy định mới có thể khiến Tổ chức phát hành phải đối mặt với rủi ro pháp lý và rủi ro hoạt động.

- **Tính kịp thời và hạn chế của thông tin:** Một số thông tin nhất định của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở có thể được lấy hoặc trích xuất từ các nguồn của bên thứ ba như nhà cung cấp dịch vụ tin tức tài chính hoặc nhà cung cấp dữ liệu thông tin tài chính. Mặc dù vậy, không có sự đảm bảo nào về tính kịp thời, đầy đủ của các thông tin quan trọng của các Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở được lấy từ các nguồn bên thứ ba này. Do đó, nguy cơ chậm trễ trong việc truyền tải, thông tin không đầy đủ hoặc không có sẵn từ các nguồn bên thứ ba mà Tổ chức phát hành dựa vào nhằm mục đích tạo lập thị trường có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá của chứng quyền vì những thông tin và/hoặc giá này có thể không phải là thông tin và/hoặc giá hiện hành mới nhất. Tổ chức phát hành đã trích xuất thông tin và giá có liên quan từ các nguồn công khai hoặc bên thứ ba một cách thiện chí và do đó, chưa xác minh độc lập những thông tin đó. Các nhà đầu tư được yêu cầu tự tìm hiểu và khi thích hợp, cần được tư vấn trước khi đưa ra bất kỳ quyết định đầu tư nào.

- **Rủi ro về thuế:** Nhà đầu tư cần lưu ý về quy định thuế khi thực hiện quyền đối với chứng quyền. Trong trường hợp chứng quyền đáo hạn trong trạng thái có lãi, và nhà đầu tư giữ chứng quyền đến thời điểm đáo hạn và thực hiện quyền, nhà đầu tư có thể gặp phải rủi ro khi tiền thuế mà nhà đầu tư phải nộp có thể nhiều hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ Tổ chức phát hành cho chứng quyền này, căn cứ theo quy định pháp luật tại thời điểm áp dụng. Nếu nhà đầu tư chưa hiểu rõ các quy định thuế hoặc rủi ro có liên quan nêu trên, vui lòng tham khảo ý kiến của các cố vấn thuế độc lập trước khi đầu tư vào chứng quyền.

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Ông** | : | Philip Tan Puay Koon | **Chức vụ** | : | Chủ tịch Hội đồng thành viên |
| **Ông** | : | Kim Thiên Quang | **Chức vụ** | : | Tổng Giám đốc |
| **Bà** | : | Nguyễn Võ Vân Hà | **Chức vụ** | : | Giám đốc Tài chính |
| **Bà** | : | Trần Ngọc Anh Đào | **Chức vụ** | : | Giám đốc, Phòng Kiểm toán Nội bộ |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực, đầy đủ và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn

Không có.

## III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, trừ khi có quy định cụ thể hoặc ngữ cảnh yêu cầu phải được hiểu khác đi, những khái niệm, thuật ngữ và từ viết tắt dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

### 1. Khái niệm

| | |
|---|---|
| **Chứng quyền có bảo đảm/ Chứng quyền** | là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá thanh toán tại thời điểm thực hiện. |
| **Chứng khoán cơ sở** | là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền. |
| **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền. |
| **Tổ chức phát hành/ Công ty/ Tổ chức đăng ký chứng quyền/Tổ chức tạo lập thị trường** | là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền. Trong Bản cáo bạch này, Tổ chức phát hành là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank (gọi tắt là "**MSVN**"). |
| **Ngân hàng lưu ký** | là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do Tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của Tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán. |
| **Điều lệ** | là Điều lệ Công ty TNHH Chứng khoán Maybank đã được Hội đồng thành viên Công ty thông qua. |
| **Luật Chứng khoán** | là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ. |
| **Luật Doanh nghiệp** | là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ. |
| **Tập đoàn Maybank** | là Malayan Banking Berhad và các công ty liên quan của Malayan Banking Berhad, bao gồm nhưng không giới hạn MSVN. |
| **MIBGH** | là Maybank IBG Holdings Limited. |

| | |
|---|---|
| **Phòng Sản phẩm Cấu trúc** | là phòng Sản phẩm Cấu trúc của MSVN, chịu trách nhiệm chào bán và kinh doanh sản phẩm cấu trúc phái sinh, bao gồm chứng quyền tại MSVN. |
| **Người sở hữu chứng quyền (Người sở hữu)** | là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ chức phát hành và không phải là Tổ chức phát hành chứng quyền. |
| **Giá thực hiện** | là mức giá được Tổ chức phát hành dùng để xác định khoản tiền thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền. |
| **Tỷ lệ chuyển đổi** | là tỷ lệ giữa số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở. Tỷ lệ chuyển đổi được làm tròn đến bốn chữ số thập phân sau dấu phẩy. |
| **Ngày đáo hạn** | là ngày mà Người sở hữu chứng quyền thực hiện chứng quyền và Tổ chức phát hành phải thanh toán đối với chứng quyền có lãi. |
| **Chứng quyền đang lưu hành** | là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi Người sở hữu chứng quyền. |
| **Chứng quyền có lãi (ITM)** | là chứng quyền mua có Giá thực hiện thấp hơn Giá thanh toán. |
| **Chứng quyền lỗ (OTM)** | là chứng quyền mua có Giá thực hiện cao hơn Giá thanh toán. |
| **Chứng quyền hòa vốn (ATM)** | là chứng quyền mua có Giá thực hiện bằng Giá thanh toán. |
| **Delta** | là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở<br>Công thức:<br>$\text{Delta} = \frac{\text{Mức độ thay đổi Giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi Giá chứng khoán cơ sở}}$ |
| **Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền (Giá thanh toán)** | là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (5) ngày giao dịch liền trước Ngày đáo hạn, không bao gồm Ngày đáo hạn. |
| **Số tiền thanh toán** | là số tiền phải trả khi thực hiện hợp lệ các chứng quyền. |

## 2. Thuật ngữ và viết tắt

| | |
|---|---|
| **BCTC** | Báo cáo tài chính |
| **CNTT** | Công nghệ thông tin |
| **CPI** | Chỉ số giá tiêu dùng |
| **FDI** | Đầu tư trực tiếp nước ngoài |
| **GDP** | Tổng sản phẩm trong nước |
| **HĐQT** | Hội đồng Quản trị |
| **HNX** | Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội |
| **HOSE** | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| **MSVN/Tổ chức phát hành/ Công ty** | Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank |
| **MTV** | Một thành viên |
| **QTRR** | Quản trị rủi ro |
| **SGDCK** | Sở Giao dịch Chứng khoán |
| **TMCP** | Thương mại Cổ phần |
| **TNHH** | Trách nhiệm hữu hạn |
| **TSLĐ** | Tài sản lưu động |
| **UBCKNN** | Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước |
| **USD** | Đồng Đô-la Mỹ |
| **VCSH** | Vốn chủ sở hữu |
| **VND** | Đồng Việt Nam |
| **VSDC** | Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam |

## IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

### 1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Trong sáu (6) tháng đầu năm 2026, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp và khó dự báo do xung đột tại Trung Đông tiếp tục kéo dài, ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng, giá năng lượng, thương mại và tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, chuyển đổi số, phát triển trí tuệ nhân tạo, công nghệ cao, chuyển đổi xanh và tái cấu trúc chuỗi giá trị diễn ra mạnh mẽ tạo ra cả cơ hội và thách thức cho các nền kinh tế. Trong bối cảnh đó, lạm phát toàn cầu có dấu hiệu gia tăng trở lại trong điều kiện thị trường tài chính trở nên thắt chặt hơn và triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới suy yếu. Mặc dù có những biến động kinh tế không thuận lợi của tình hình kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt được những kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực và ngành kinh tế nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ và việc triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Những nỗ lực này hướng tới mục tiêu đầy tham vọng là đạt mức tăng trưởng kinh tế hai con số trong năm 2026.

**Tổng sản phẩm trong nước**

GDP của Việt Nam quý II/2026 ghi nhận mức tăng trưởng khá, với tốc độ tăng ước đạt 8,39% so với cùng kỳ năm trước; theo đó, GDP sáu (6) tháng đầu năm 2026 cũng đạt mức tăng 8,18% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 tăng 7,63%); trong đó, ba khu vực kinh tế chủ chốt đều ghi nhận tăng trưởng với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,87%, đóng góp 5,66% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.
- Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,81%, đóng góp 47,20%.
- Khu vực dịch vụ tăng 8,09%, đóng góp 47,14%.

**Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản**

Năm 2025, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành nông nghiệp mặc dù chịu tác động bất lợi bởi các yếu tố thời tiết như bão, lũ, thiên tai tại nhiều địa phương trên cả nước, tuy nhiên nhờ sự can thiệp và hỗ trợ kịp thời của Nhà nước trong công tác ứng phó và khắc phục hậu quả, lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn duy trì tăng trưởng ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và phục vụ xuất khẩu.

Sáu (6) tháng đầu năm 2026, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì tăng trưởng ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, đồng thời thị trường xuất khẩu nông sản tiếp tục được mở rộng. Giá trị tăng thêm các ngành sáu (6) tháng đầu năm 2026 như sau:

- Ngành nông nghiệp tăng 3,57% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 3,83% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế nhờ vào việc sản xuất lúa đông xuân tăng cả về năng suất và sản lượng, sản lượng cây ăn quả đạt khá, công tác quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng, giá trị nông sản và mở rộng thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó, lĩnh vực chăn nuôi được đẩy mạnh chăn nuôi an toàn sinh học, sử dụng giống có năng suất cao, trong khi các doanh nghiệp và trang trại quy mô lớn duy trì sản xuất ổn định.

- Ngành lâm nghiệp tăng 3,98%, đóng góp 0,27%, do sản lượng gỗ khai thác tăng nhờ nhu cầu chế biến và xuất khẩu tích cực.

- Ngành thủy sản tăng 4,88%, đóng góp 1,56% do tăng cường ứng dụng công nghệ cao và thời tiết khá thuận lợi.

**Công nghiệp và xây dựng**

Năm 2025, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp tăng 8,80% so với năm trước; đóng góp 35,15% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế; là động lực chính cho tăng trưởng chung.

Sang năm 2026, trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ các động lực tăng trưởng được củng cố, sự phục hồi đơn hàng xuất khẩu và tác động lan tỏa mạnh mẽ của đầu tư công. Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp sáu (6) tháng đầu năm 2026 tăng 9,86% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 40,35% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 10,23%, đóng góp 33,07%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,34%, đóng góp 5,14%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,72%, đóng góp 0,54%; ngành khai khoáng tăng 6,67%, đóng góp 1,60%. Ngành xây dựng tăng 9,51%, đóng góp 6,85%.

**Thương mại và dịch vụ**

Trong năm 2025, hoạt động thương mại, du lịch và dịch vụ diễn ra sôi động. Giá trị tăng thêm của khu vực dịch vụ năm 2025 ước tăng 8,62%. Hoạt động du lịch phục hồi mạnh mẽ, khách quốc tế đến Việt Nam trong năm 2025 cao nhất từ trước đến nay và đóng góp tích cực và tăng trưởng của khu vực dịch vụ.

Trong khu vực dịch vụ, hoạt động thương mại, vận tải, du lịch đạt mức tăng trưởng khá nhờ nhu cầu tiêu dùng tăng cao sáu (6) tháng đầu năm 2026, hoạt động lưu thông hàng hóa và đi lại của người dân sôi động nhờ vào chính sách thị thực thuận lợi, các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch được đẩy mạnh cùng với đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường khách quốc tế đã thu hút khách quốc tế đến Việt Nam, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung nền kinh tế. Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ sáu (6) tháng đầu năm 2026 tăng 8,09% so với cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành đóng góp tỷ trọng lớn như: Ngành vận tải, kho bãi tăng 10,18% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 7,73%; bán buôn và bán lẻ tăng 9,67%, đóng góp 13,51%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 8,05%, đóng góp 2,73%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,97%, đóng góp 4,71%; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 8,99%, đóng góp 1,81%.

Sáu (6) tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 549,69 tỷ USD; tăng 27,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 266,52 tỷ USD, tăng 21,0%; trong khi kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 283,17 tỷ USD, tăng 33,4%. Tốc độ tăng của kim ngạch nhập khẩu cao hơn kim ngạch xuất khẩu cho thấy nhu cầu đối với các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất của nền kinh tế tiếp tục mở rộng, đồng thời phản ánh sự phục hồi mạnh mẽ của hoạt động sản xuất, đặc biệt là trong khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

**Đầu tư trực tiếp nước ngoài**

Thu hút Đầu tư trực tiếp nước ngoài ("**FDI**") là một điểm sáng nổi bật. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam năm 2025 đạt mức 38,42 tỷ USD, tăng nhẹ 0,5% so với năm 2024; vốn FDI thực hiện năm 2025 ước đạt 27,6 tỷ USD, tăng gần 9% so với năm trước và là mức cao nhất trong vòng 05 năm. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 30/6/2026 đạt 34,65 tỷ USD, tăng 61,0% so với cùng kỳ năm trước. Vốn FDI thực hiện tại Việt Nam sáu (6) tháng đầu năm 2026 ước đạt 13,03 tỷ USD; tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước.

**Chỉ số giá tiêu dùng**

Bình quân sáu (6) tháng đầu năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 4,12% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 4,38% của CPI bình quân chung. CPI bình quân quý II/2026 tăng 5,25% so với quý II/2025. CPI bình quân sáu (6) tháng đầu năm 2026 tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước.

Trong sáu (6) tháng đầu năm 2026, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là những bất ổn địa chính trị bắt nguồn từ xung đột tại Trung Đông gây tác động đáng kể đến kinh tế toàn cầu và trong nước, bức tranh kinh tế tổng thể cho thấy tính toàn diện và bền vững trong tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Những kết quả đạt được cho thấy Việt Nam đang bước vào một chu kỳ tăng trưởng kinh tế mới, được hỗ trợ bởi sự đóng góp cân bằng từ ba trụ cột chính là nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ; dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài mạnh mẽ; công tác điều hành kinh tế vĩ mô hiệu quả; cùng với sự gia tăng niềm tin từ cộng đồng quốc tế. Mục tiêu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế hai con số được xây dựng trên nền tảng chính trị vững chắc, thể chế được cải thiện, nền quản trị hiện đại hơn, bộ máy hành chính hoạt động hiệu quả hơn và năng lực quốc gia được tăng cường.

*(Nguồn: Cục Thống kê – Bộ Tài chính)*

## 2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Trong sáu (6) tháng đầu năm 2026, thị trường tài chính Việt Nam tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực trong bối cảnh kinh tế vĩ mô ổn định và phục hồi mạnh mẽ. Cùng với đó, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tài khóa và tiền tệ theo hướng chủ động, linh hoạt, góp phần ổn định mặt bằng lãi suất, tỷ giá và thanh khoản hệ thống ngân hàng, qua đó củng cố niềm tin của nhà đầu tư và hỗ trợ hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp.

Thị trường chứng khoán tiếp tục là điểm sáng của thị trường tài chính. Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/06/2026, VN-Index đạt 1.860,01 điểm, tăng khoảng 4,23% so với cuối năm 2025 và là một trong những thị trường có mức tăng nổi bật trong khu vực. Thanh khoản thị trường duy trì ở mức cao phản ánh dòng tiền trong nước tiếp tục đóng vai trò chủ đạo. Quy mô vốn hóa thị trường tiếp tục mở rộng cùng với số lượng tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư đạt khoảng 13,16 triệu tài khoản vào cuối tháng 05/2026, cho thấy mức độ tham gia của nhà đầu tư cá nhân ngày càng gia tăng và phản ánh niềm tin của nhà đầu tư đối với triển vọng của thị trường. Hoạt động huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán tiếp tục được duy trì, góp phần đáp ứng nhu cầu vốn trung và dài hạn của nền

kinh tế. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp cũng ghi nhận những tín hiệu phục hồi tích cực nhờ môi trường pháp lý dần hoàn thiện và niềm tin của nhà đầu tư từng bước được cải thiện.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thị trường tài chính vẫn chịu tác động từ các yếu tố bất định của kinh tế thế giới như xung đột địa chính trị, áp lực lạm phát, biến động tỷ giá, xu hướng điều hành chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn và diễn biến dòng vốn quốc tế. Tuy nhiên, với nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định cùng các giải pháp hoàn thiện khung pháp lý, tăng cường minh bạch và hiện đại hóa hạ tầng thị trường của cơ quan quản lý, thị trường tài chính Việt Nam tiếp tục khẳng định vai trò là kênh huy động vốn quan trọng cho nền kinh tế và tạo nền tảng cho mục tiêu phát triển bền vững trong những năm tới.

Động lực duy trì và tăng trưởng cho năm 2026 được hỗ trợ bởi các yếu tố sau:

- Chính sách tiền tệ duy trì ở trạng thái hỗ trợ, tập trung vào ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, điều hành linh hoạt tạo điều kiện thuận lợi cho định giá thị trường;

- Kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết nhờ chất lượng các doanh nghiệp niêm yết ngày càng cải thiện, song hành cùng việc nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, minh bạch thông tin, khả năng quản trị rủi ro, áp dụng các tiêu chuẩn phát triển bền vững, góp phần thu hút dòng vốn ngoại; sự phục hồi đầu tư công, tiêu dùng trong nước, hoạt động xuất khẩu, sự phục hồi ở khu vực doanh nghiệp tư nhân, cải thiện và củng cố nền tảng sản xuất kinh doanh, qua đó hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán;

- Việc tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, nâng cấp hạ tầng giao dịch, thúc đẩy chuyển đổi số và triển khai các giải pháp đáp ứng tiêu chí nâng hạng thị trường đã góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả hoạt động và sức hấp dẫn của thị trường chứng khoán.

## 3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là một loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành, được niêm yết và giao dịch trên HOSE. Chứng quyền cung cấp cho nhà đầu tư một công cụ để tối ưu hóa nguồn vốn đầu tư thay vì tham gia đầu tư chứng khoán cơ sở. Chứng quyền có bảo đảm có một số ưu điểm đối với nhà đầu tư gồm: tận dụng đòn bẩy tài chính (chi phí đầu tư thấp, giá ban đầu mua chứng quyền nhỏ hơn nhiều lần so với giá mua chứng khoán cơ sở, tuy nhiên nhà đầu tư có thể đạt được tỷ lệ lợi nhuận như kỳ vọng nếu đầu tư vào chứng khoán cơ sở); mức lỗ tối đa được xác định trước; giao dịch và thanh khoản dễ dàng, tương tự như giao dịch một loại cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán (thời gian giao dịch, phương thức giao dịch, các loại lệnh áp dụng).

Với hiệu ứng đòn bẩy của chứng quyền, một thay đổi nhỏ trong giá trị của chứng khoán cơ sở có thể dẫn đến những thay đổi lớn hơn về giá trị của chứng quyền, làm tăng thêm lợi nhuận khi chứng khoán cơ sở biến động theo hướng có lợi cho nhà đầu tư. Hiệu ứng đòn bẩy cũng có thể dẫn đến tổn thất tiềm ẩn lớn hơn khi chứng khoán cơ sở có biến động giá trái với mong muốn của nhà đầu tư, tuy nhiên, tổn thất được giới hạn ở giá mua phải trả cho chứng quyền và mọi chi phí giao dịch liên quan.

MSVN là Tổ chức phát hành chứng quyền và đồng thời là nhà tạo lập thị trường đối với các chứng quyền do MSVN phát hành. MSVN tạo thanh khoản cho các chứng quyền này bằng cách cung cấp giá chào mua và giá chào bán cho chứng quyền trên hệ thống giao dịch của HOSE.

Chứng quyền chỉ phù hợp với những nhà đầu tư hiểu đầy đủ về rủi ro liên quan và chuẩn bị chấp nhận việc mất hoàn toàn quyền đăng ký hoặc giá mua đã trả cho chứng quyền. Nhà đầu tư nên tìm hiểu hoặc cùng cố vấn của mình xem xét cẩn thận tính phù hợp của chứng quyền trước khi đưa ra quyết định đầu tư.

## V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

### 1. Các thông tin chung về Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

### 1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### a) Maybank IBG Holdings Limited

Maybank IBG Holdings Limited (được gọi tắt là "**MIBGH**") là công ty mẹ của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank (được gọi tắt là "**MSVN**") và các công ty thành viên tại sáu (6) quốc gia Đông Nam Á cùng với Hồng Kông, Ấn Độ và Vương quốc Anh.

Trước đây được biết đến với tên gọi Maybank Kim Eng Holdings Limited, MIBGH là pháp nhân được thành lập sau thương vụ mua lại Kim Eng Holdings Limited – công ty môi giới chứng khoán niêm yết đầu tiên tại Singapore vào năm 2011.

Thông qua các công ty thành viên, MIBGH cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính, bao gồm: tư vấn và sắp xếp nợ thông qua Sukuk/trái phiếu, tài trợ dự án, tài chính đòn bẩy và cho vay hợp vốn, tài chính doanh nghiệp, thị trường vốn cổ phần, tư vấn mua bán và sáp nhập, tư vấn ngành, cổ phiếu phái sinh, môi giới và nghiên cứu chứng khoán tổ chức và bán lẻ.

Chủ sở hữu của MIBGH, Malayan Banking Berhad, là ngân hàng lớn nhất Malaysia tính theo vốn hóa thị trường và tổng tài sản, đồng thời là ngân hàng lớn thứ tư Đông Nam Á tính theo tài sản, với mạng lưới toàn cầu gồm 2.597 chi nhánh tại 18 quốc gia. Tập đoàn Maybank là một trong hai thương hiệu Malaysia và là tổ chức tài chính duy nhất của Malaysia được xếp hạng trong 500 thương hiệu giá trị nhất thế giới của Brand Finance. Đây cũng là công ty Malaysia được xếp hạng cao nhất ở vị trí thứ 103 trong Danh sách các công ty tốt nhất thế giới năm 2024 của tạp chí Time.

Sứ mệnh "**Dịch vụ Tài chính Nhân văn**" (Humanising Financial Services) của Tập đoàn Maybank được thể hiện thông qua mục tiêu trở thành tổ chức tài chính có tác động tích cực nhất, mang đến các giải pháp tài chính hiệu quả, trách nhiệm cho khách hàng và đối tác.

#### b) Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14

tháng 12 năm 2007 của UBCKNN và chính thức đi vào hoạt động tháng 04 năm 2008.

Sau khi Tập đoàn Maybank mua lại toàn bộ cổ phần của Kim Eng Holdings Limited, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng theo Giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC-UBCKNN ngày 10 tháng 08 năm 2012 với 49% cổ phần được kiểm soát bởi Tập đoàn Maybank thông qua MIBGH.

Ngày 03 tháng 01 năm 2014, Công ty chính thức được UBCKNN chấp thuận chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn với tên gọi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK, và trở thành công ty chứng khoán 100% vốn nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam.

Ngày 23 tháng 03 năm 2022, sau hơn 10 năm sáp nhập hoàn toàn vào Tập đoàn Maybank, Công ty được UBCKNN chấp thuận đổi tên thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank, theo Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK. Với tên gọi mới, Công ty cam kết tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ và không ngừng nỗ lực để hướng đến trở thành một công ty chứng khoán đi đầu trong các chương trình phát triển bền vững tại Việt Nam.

Trong suốt hơn 18 năm qua, Công ty đã xây dựng được sự hiện diện mạnh mẽ tại thị trường Việt Nam với trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh và năm (5) chi nhánh tại Hà Nội và một số tỉnh/thành khác. Số lượng nhân sự của Công ty là 258 người tính đến ngày 30/06/2026. Từ mức vốn điều lệ 200.000.000.000 VND (*Hai trăm tỷ Đồng Việt Nam*) ban đầu, đến nay vốn điều lệ của Công ty đạt 3.496.600.000.000 VND (*Ba nghìn bốn trăm chín mươi sáu tỷ sáu trăm triệu Đồng Việt Nam*), tăng gấp 17,5 lần. Việc tăng vốn là một trong những tiền đề mạnh mẽ giúp Công ty nâng cao vị thế cạnh tranh, triển khai thêm nhiều sản phẩm tài chính hấp dẫn, đặc biệt là đẩy mạnh hơn nữa các sản phẩm chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm và mảng kinh doanh trái phiếu.

Ngoài ra, Công ty trở thành thành viên của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam từ năm 2017 và là thành viên của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam từ năm 2022.

**Giải thưởng:**

Trong suốt 18 năm hoạt động tại thị trường Việt Nam, MSVN tự hào về những nỗ lực để tạo dựng niềm tin với các nhà đầu tư, đối tác trong và ngoài nước. Công ty tin rằng, niềm tin từ các nhà đầu tư và đối tác là nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Trong những năm qua, Công ty đã liên tục được vinh danh ở nhiều giải thưởng uy tín, ở nhiều mảng hoạt động kinh doanh như:

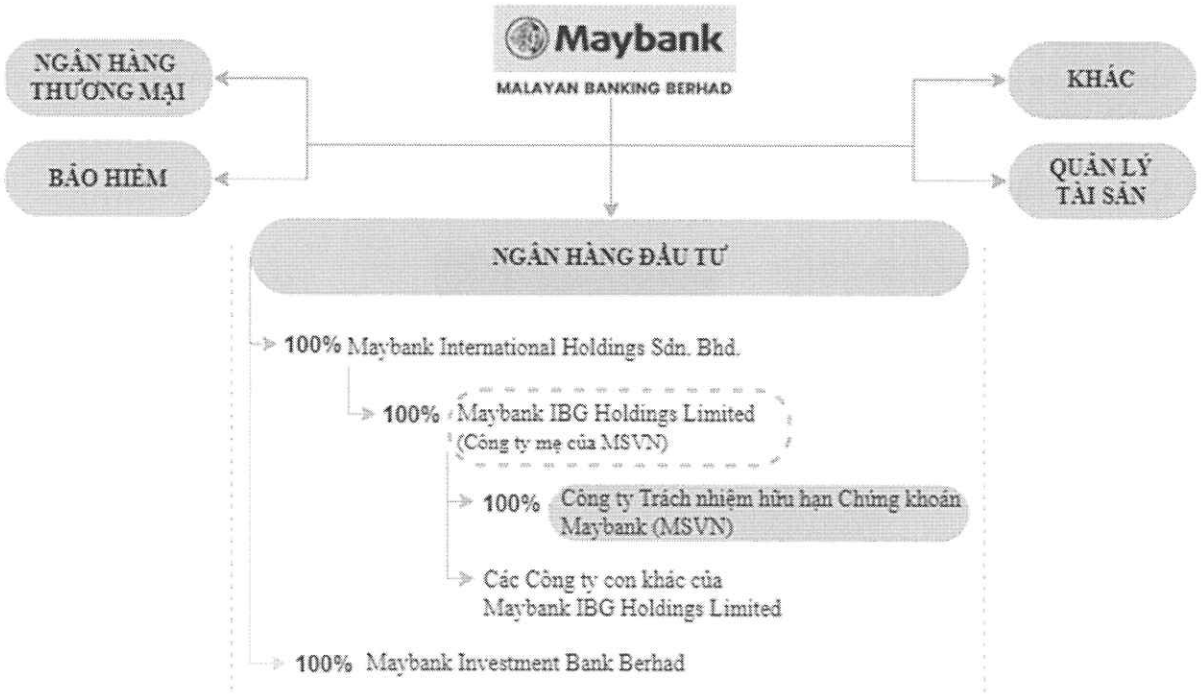
| Khối kinh doanh | Giải thưởng |
|---|---|
| Toàn Công ty | • **Top 50 Doanh nghiệp FDI tiêu biểu tại Việt Nam** tại giải thưởng **Rồng Vàng cho "Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam"** do Tạp chí Kinh tế Việt Nam (VnEconomy) bình chọn, trong các năm từ 2011 |

| Khối kinh doanh | Giải thưởng |
|---|---|
| | – 2026.<br>• Giải thưởng **"Top 10 sản phẩm - dịch vụ Tin & Dùng năm 2023 - nhóm ngành Tài chính Ngân hàng"** do Tạp chí Tư vấn Tiêu & Dùng bình chọn, trong các năm từ 2012 – 2023.<br>• **Xếp hạng 2 Công ty chứng khoán nước ngoài tốt nhất Việt Nam** tại Asiamoney Brokers Poll năm 2023. |
| Khối Khách hàng Cá nhân | • Giải thưởng **"Nhà Môi giới Khách hàng cá nhân Tốt nhất trong khu vực châu Á"** do Tạp chí Alpha Southeast Asia bình chọn, trong các năm từ 2013 – 2021, 2023.<br>• Giải thưởng **"Nhà Môi giới Khách hàng cá nhân Tốt nhất tại Việt Nam"** do Tạp chí Alpha Southeast Asia bình chọn, trong các năm từ 2011 – 2016, 2021, 2023.<br>• Giải thưởng "**Chuyên viên môi giới tốt nhất Việt Nam"** tại Asiamoney Brokers Poll năm 2023.<br>• **Xếp hạng 2 Công ty chứng khoán nước ngoài tốt nhất Việt Nam về dịch vụ môi giới** tại Asiamoney Brokers Poll năm 2023.<br>• Giải thưởng **"Dịch vụ môi giới tài chính tiêu biểu năm 2024"** do Báo Đầu tư cùng Cộng đồng Cố vấn Tài chính Việt Nam trao tặng.<br>• **Giải thưởng "Sản phẩm Công nghệ & Chuyển đổi số tiêu biểu năm 2025"** do Báo Tài chính – Đầu tư cùng Cộng đồng Cố vấn Tài chính Việt Nam trao tặng tại Diễn đàn Cấp cao Cố vấn tài chính Việt Nam (VWAS) 2025. |
| Khối Khách hàng Tổ chức | • **Xếp hạng đứng đầu Châu Á cho "Công ty Chứng khoán Cung cấp Dịch vụ cho các Thị trường Cận biên"** do Tạp chí Institutional Investor bình chọn, năm 2023. |
| Khối Phân tích | • **Xếp hạng 3 Công ty chứng khoán tốt nhất về phân tích và nghiên cứu ESG tại Việt Nam** tại Asiamoney Brokers Poll năm 2023.<br>• **Vị trí thứ 2 cho Đội ngũ Nghiên cứu Châu Á (Asia Research Team) 2024** trên Bảng xếp hạng Môi giới Địa phương do Institutional Investor Research bình chọn. |

| Khối kinh doanh | Giải thưởng |
|---|---|
| Khối Tư vấn & Ngân hàng Đầu tư | • Giải thưởng **"Nhà cho vay hợp vốn hàng đầu tại Việt Nam"** do Hiệp hội Thị trường cho vay châu Á – Thái Bình Dương (APLMA) bình chọn, trong các năm từ 2021 – 2024.<br>• Giải thưởng **"Thương vụ Trái phiếu Tốt nhất thị trường Việt Nam"** tại hạng mục Tài chính bền vững thuộc hệ thống giải Tripple A Awards 2025 do Tạp chí The Asset (Hồng Kông). |

### 1.2. Cơ cấu tổ chức Tập đoàn Maybank

Mô hình tổ chức của MSVN trong Tập đoàn Maybank theo sơ đồ sau:




**Malayan Banking Berhad**

Malayan Banking Berhad là tổ chức niêm yết của Tập đoàn Maybank và cũng là ngân hàng lớn nhất Malaysia tính theo vốn hóa thị trường và tổng tài sản. Thông qua các công ty con, Tập đoàn Maybank cung cấp nhiều sản phẩm và dịch vụ, bao gồm ngân hàng thương mại (tiêu dùng và doanh nghiệp), ngân hàng đầu tư (bao gồm môi giới chứng khoán), ngân hàng Hồi giáo, bảo hiểm, dịch vụ ủy thác và quản lý tài sản.

**Maybank International Holdings Sdn. Bhd**

Công ty Maybank International Holdings Sdn. Bhd., được thành lập tại Malaysia, là công ty mẹ của Maybank IBG Holdings Limited, được giao chức năng giám sát khu vực đối với MIBGH và các công ty con của MIBGH, bao gồm cả MSVN.

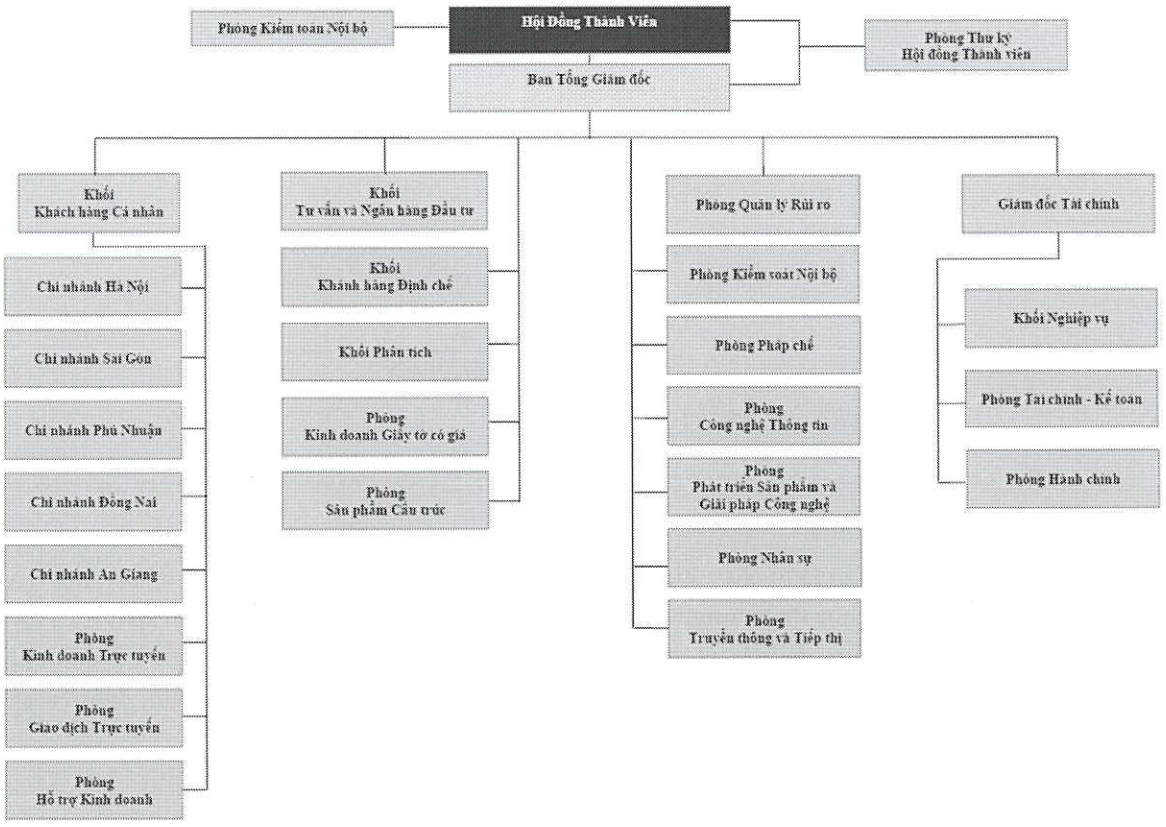
**Maybank Investment Bank Berhad**

Maybank Investment Bank Berhad, công ty con do Malayan Banking Berhad sở hữu 100%, cung cấp danh mục dịch vụ ngân hàng đầu tư toàn diện. Các dịch vụ bao gồm: tư vấn tài chính doanh nghiệp, thị trường nợ, thị trường vốn cổ phần, môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ cổ phiếu, phái sinh cổ phiếu và hàng hóa, giao dịch cho khách hàng tổ chức, và nghiên cứu.

**Maybank IBG Holdings Limited – Công ty mẹ của MSVN**

Maybank IBG Holdings Limited là công ty mẹ của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank và các công ty thành viên tại sáu (6) quốc gia Đông Nam Á cùng với Hồng Kông, Ấn Độ và Vương quốc Anh. Thông qua các công ty thành viên, MIBGH cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính, bao gồm: tư vấn và sắp xếp nợ thông qua Sukuk/trái phiếu, tài trợ dự án, tài chính đòn bẩy và cho vay hợp vốn, tài chính doanh nghiệp, thị trường vốn cổ phần, tư vấn mua bán và sáp nhập, tư vấn ngành, cổ phiếu phái sinh, môi giới và nghiên cứu chứng khoán tổ chức và bán lẻ.

## 1.3. Cơ cấu tổ chức Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank



### 1.3.1. Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên bao gồm các thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm. Hội đồng thành viên nhân danh Chủ sở hữu Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty, trừ các trường hợp mà pháp luật và Điều lệ Công ty quy định phải được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận; nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

### 1.3.2. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Quản lý Rủi ro và (các) Giám đốc Khối kinh doanh. Tổng Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty dưới sự giám sát của Hội đồng thành viên và thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật.

### 1.3.3. Phòng Thư ký Hội đồng thành viên

Phòng Thư ký Hội đồng thành viên có chức năng chính là hỗ trợ Hội đồng thành viên nhằm đảm bảo hoạt động và quyết định của Hội đồng thành viên tuân thủ Điều lệ Công ty và theo quy định hiện hành, đồng thời thực hiện vai trò cầu nối truyền đạt các quyết định của Hội đồng thành viên đến người phụ trách có liên quan để thực hiện.

### 1.3.4. Phòng Kiểm toán Nội bộ

Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật, bao gồm các nội dung chính như sau:

- Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên.
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này.
- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ; tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ.
- Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản.
- Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh.

### 1.3.5. Khối Khách hàng cá nhân

***a. Hội sở và các Chi nhánh:***

Khối Khách hàng Cá nhân Hội sở và các Chi nhánh chịu trách nhiệm như sau:

- Môi giới chứng khoán: Cung cấp thông tin, báo cáo về phân tích thị trường do Khối Phân tích cung cấp bao gồm các chiến lược, danh mục đầu tư cho khách hàng; thực hiện đặt lệnh mua, bán chứng khoán khi khách hàng yêu cầu.

- Quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán khách hàng: Hỗ trợ khách hàng quản lý danh mục đầu tư và tài sản trên tài khoản giao dịch chứng khoán, cập nhật các hệ số rủi ro, các thông tin thực hiện quyền đối với cổ phiếu khách hàng đang nắm giữ, các chính sách ưu đãi của Công ty về phí dành cho khách hàng.

- Giao dịch ký quỹ: Cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ của Công ty cho khách hàng theo quy định của pháp luật và UBCKNN.

***b. Phòng Kinh doanh Trực tuyến:***

Phòng kinh doanh Trực tuyến chịu trách nhiệm:

- Phát triển các khách hàng chủ động giao dịch; giải đáp các thắc mắc về sản phẩm, dịch vụ, và chăm sóc khách hàng thông qua các kênh trực tuyến và tại văn phòng của Công ty.

- Phát triển khách hàng và hoạt động kinh doanh dựa trên các nền tảng số.

- Nghiên cứu trải nghiệm khách hàng và đề nghị các cải thiện nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng trên tất cả các nền tảng mà Công ty cung cấp.

***c. Phòng Giao dịch Trực tuyến:***

Phòng Giao dịch Trực tuyến chịu trách nhiệm quản lý và phát triển các nền tảng giao dịch trực tuyến của MSVN, bao gồm KE Trade (Web Trading) và Maybank Trade VN (App Trading):

- Nghiên cứu, mô tả và phối hợp với các nhà cung cấp để xây dựng và triển khai những tính năng mới, giúp khách hàng tiếp cận sản phẩm và thị trường nhanh chóng, chính xác.

- Thiết kế và cải tiến giao diện giao dịch theo hướng thân thiện, dễ sử dụng, phù hợp với xu hướng số hóa và hành vi người dùng hiện đại.

- Phối hợp chặt chẽ với Phòng Công nghệ thông tin ("**CNTT**") để đảm bảo hệ thống giao dịch luôn vận hành ổn định, chuẩn xác và an toàn.

- Kết nối với các Khối, Phòng nội bộ nhằm tích hợp thêm các tính năng về tiện ích, các thông tin về thị trường, sản phẩm mới của thị trường cũng như các chương trình ưu đãi của MSVN đến khách hàng.

***d. Phòng Hỗ trợ Kinh doanh:***

Phòng Hỗ trợ Kinh doanh chịu trách nhiệm:

- Giải đáp các thắc mắc của khách hàng khi khách hàng đến văn phòng, chi nhánh của Công ty.

- Cung cấp các chứng từ, giấy tờ theo yêu cầu của khách hàng đối với tài khoản của khách hàng.

- Hỗ trợ các hoạt động lưu ký, nộp rút, chuyển khoản tiền và chứng khoán tại quầy dành cho khách hàng đến văn phòng, chi nhánh của Công ty.

- Hỗ trợ khách hàng mở tài khoản, thay đổi thông tin, giải đáp thắc mắc, xử lý khiếu nại và cung cấp thông tin, đăng ký sử dụng sản phẩm, dịch vụ và giao dịch.

- Quản lý hồ sơ và dữ liệu: Lưu trữ, cập nhật thông tin khách hàng, hợp đồng và các giao dịch liên quan.

- Quản lý tổng đài (Call Center) của Công ty nhằm duy trì kênh liên lạc với khách hàng qua điện thoại để nâng cao trải nghiệm dịch vụ của khách hàng.

- Thực hiện cập nhật các thông tin hữu ích cho khách hàng từ phòng nghiên cứu và phân tích cũng như các phòng ban khác thông qua hệ thống email để truyền tải thông tin đến khách hàng.

- Phối hợp cùng các hoạt động marketing của Công ty thông qua tổng đài, email và các kênh truyền thông khác theo yêu cầu.

### 1.3.6. Khối Tư vấn và Ngân hàng đầu tư

- Tư vấn tài chính cho doanh nghiệp (mua bán và sáp nhập doanh nghiệp; tái cấu trúc doanh nghiệp, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp...).

- Tư vấn thu xếp vốn cho doanh nghiệp, dự án qua các công cụ vốn trên thị trường tài chính và thị trường chứng khoán.

- Tư vấn niêm yết, chào bán cổ phiếu, tìm kiếm và đàm phán đối tác chiến lược.

### 1.3.7. Khối Khách hàng Định chế

- Dịch vụ môi giới và giao dịch chứng khoán cho khách hàng tổ chức trong và ngoài nước: nghiệp vụ tư vấn và môi giới cổ phiếu, trái phiếu, giao dịch lô lớn.

- Cung cấp giải pháp giao dịch phù hợp và theo yêu cầu: mua bán, giao dịch, lưu ký, thanh toán bù trừ hay các sản phẩm khác phù hợp với chiến lược đầu tư của từng khách hàng định chế theo quy định pháp luật.

- Dịch vụ tiếp xúc doanh nghiệp: thiết lập quan hệ giữa doanh nghiệp và khách hàng định chế; tổ chức các chuyến thăm và làm việc cho khách hàng định chế với doanh nghiệp và bộ ban ngành Chính phủ; tổ chức các chương trình cho khách hàng định chế tìm hiểu, xúc tiến cơ hội hợp tác, đầu tư vào Việt Nam.

### 1.3.8. Khối Phân tích

- Phân tích, đánh giá tổ chức niêm yết chứng khoán, mã chứng khoán, phương án phát hành chứng khoán nhằm hỗ trợ các bộ phận kinh doanh nhận diện cơ hội đầu tư, kinh doanh cũng như nhận diện rủi ro liên quan.

- Lập báo cáo phân tích doanh nghiệp/tổ chức niêm yết làm cơ sở cho các Khối, Phòng khác thực hiện các công việc liên quan.

- Xây dựng mô hình đánh giá, chấm điểm doanh nghiệp/tổ chức niêm yết, cổ phiếu, trái phiếu phục vụ cho việc thiết kế sản phẩm môi giới, tư vấn đầu tư, giao dịch ký quỹ và quản trị rủi ro.

- Nghiên cứu và lập các mô hình, báo cáo kinh tế vĩ mô làm cơ sở định hướng chiến lược cho các đơn vị kinh doanh, quản trị rủi ro của Công ty.

- Lập các báo cáo phân tích ngành, mã chứng khoán nhằm hỗ trợ báo cáo đầu tư định kỳ cho nhà đầu tư.

### 1.3.9. Phòng Kinh doanh Giấy tờ có giá

- Thực hiện đầu tư và kinh doanh giấy tờ có giá theo quy định, tạo ra lợi nhuận thông qua nắm giữ, quản lý và quản trị rủi ro giấy tờ có giá.

- Cung cấp các gói sản phẩm tài chính chuyên nghiệp theo quy định.

- Phát triển các sản phẩm tài chính mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng và sự phát triển của thị trường tài chính cũng như sự thay đổi của các quy định hiện hành về giấy tờ có giá.

- Quản lý, giám sát và chỉ được thực hiện các hoạt động kinh doanh liên quan đến nghiệp vụ giấy tờ có giá.

### 1.3.10. Phòng Sản phẩm Cấu trúc

- Lên kế hoạch và hồ sơ phát hành sản phẩm chứng quyền có bảo đảm theo định hướng của Công ty.

- Thực hiện vận hành (tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro, báo cáo) đối với các chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành trong vòng đời của sản phẩm.

- Nghiên cứu, phân tích, đề xuất và triển khai các chiến lược kinh doanh dựa trên phân tích thị trường, các mô hình định lượng và các yếu tố khác.

### 1.3.11. Phòng Quản lý Rủi ro

- Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty.

- Xác định rủi ro của Công ty.

- Đo lường rủi ro.

- Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện rủi ro.

- Báo cáo và xử lý rủi ro một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của Công ty tại mọi thời điểm.

**1.3.12. Phòng Kiểm soát Nội bộ**

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty.

- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên Công ty và đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền của Công ty.

- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.

- Giám sát việc tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính.

- Bảo đảm việc tách biệt tài sản của khách hàng và Công ty.

- Bảo đảm việc bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng.

- Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

- Thực hiện những nhiệm vụ về kiểm soát tuân thủ khác theo yêu cầu của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc.

**1.3.13. Phòng Pháp chế**

- Rà soát và ban hành mẫu hợp đồng và các tài liệu pháp lý của Công ty đảm bảo tính pháp lý của các văn bản này cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

- Cung cấp ý kiến tư vấn pháp lý theo yêu cầu của các phòng ban, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng thành viên; hỗ trợ đánh giá các rủi ro pháp lý có thể phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

- Hỗ trợ và theo dõi các thủ tục kiện tụng tại tòa án, trọng tài đối với các tranh chấp phát sinh liên quan đến Công ty (nếu có).

- Hỗ trợ các thủ tục xin cấp phép, điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của pháp luật tại các cơ quan có thẩm quyền.

### 1.3.14. Phòng Công nghệ Thông tin

- Xây dựng và vận hành hệ thống CNTT, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu giao dịch chứng khoán thông suốt, bảo mật.
- Giám sát và ngăn ngừa các rủi ro về mất an toàn thông tin, đảm bảo tuân thủ các yêu cầu và quy định về bảo mật hệ thống.
- Phát triển và tích hợp hệ thống mới với các công cụ hiện có để nâng cao hiệu quả làm việc.
- Đề xuất các giải pháp công nghệ phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

### 1.3.15. Phòng Phát triển Sản phẩm và Giải pháp Công nghệ

Chịu trách nhiệm thiết kế, phát triển và triển khai các sản phẩm số cốt lõi phục vụ hoạt động kinh doanh và vận hành. Đảm nhiệm việc xây dựng hệ thống giao dịch trực tuyến (mobile và web), phát triển các hệ thống quản trị nội bộ, cũng như tích hợp, kết nối với hệ thống giao dịch của các SGDCK. Ngoài ra, Phòng còn đóng vai trò nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới nhằm tối ưu vận hành, hỗ trợ phát triển kinh doanh và nâng cao trải nghiệm người dùng, góp phần thúc đẩy chiến lược chuyển đổi số của Công ty.

### 1.3.16. Phòng Nhân sự

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, tìm kiếm và lựa chọn ứng viên phù hợp với nhu cầu của Công ty nhằm đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, đáp ứng yêu cầu chuyên môn và chiến lược phát triển.
- Xây dựng và triển khai chế độ lương, thưởng, phúc lợi nhằm đảm bảo quyền lợi cho nhân viên; giám sát việc thực hiện các chính sách nhân sự, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.
- Tổ chức đào tạo, nâng cao kỹ năng cho nhân viên nhằm tối ưu hóa hiệu suất làm việc.
- Đánh giá hiệu suất làm việc của nhân viên, đề xuất các phương án cải thiện.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp.
- Tổ chức các hoạt động nội bộ nhằm tăng cường sự gắn kết giữa các nhân viên.
- Đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội và các chính sách liên quan.
- Giải quyết các vấn đề về quan hệ lao động, xử lý tranh chấp và khiếu nại của nhân viên (nếu có).

### 1.3.17. Phòng Truyền thông và Tiếp thị

- Xây dựng và quản lý chiến lược thương hiệu tổng thể của Công ty, bao gồm việc lập kế hoạch và triển khai các hoạt động nhằm nâng cao nhận diện và giá trị thương hiệu trên thị trường.

- Xây dựng và định hướng chiến lược truyền thông toàn diện, bao gồm truyền thông đối ngoại, quan hệ công chúng, phát triển mối quan hệ với báo chí, truyền thông nội bộ và thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp; từ đó duy trì hình ảnh tích cực của Công ty và gia tăng mức độ gắn kết của nhân viên.

- Lập kế hoạch và triển khai các dự án truyền thông – marketing, quảng bá thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ của Công ty đến khách hàng (mục tiêu và tiềm năng) thông qua và các kênh báo chí, truyền thông.

- Hỗ trợ các khối/phòng ban trong toàn hệ thống MSVN trong việc xây dựng kế hoạch marketing riêng cho từng lĩnh vực hoạt động, cũng như các chiến dịch truyền thông dành cho các giao dịch lớn, nổi bật của Công ty.

### 1.3.18. Khối Nghiệp vụ

***a. Phòng Thanh toán***

- Thực hiện các bút toán nộp tiền, rút tiền, chuyển tiền nội bộ giữa các tiểu khoản theo yêu cầu của khách hàng.

- Giám sát các giao dịch để phát hiện và xử lý các vấn đề liên quan.

- Theo dõi số dư tài khoản của khách hàng để phối hợp với Phòng Tài chính – Kế toán đối chiếu rà soát.

***b. Phòng Lưu ký Chứng khoán***

- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến lưu ký chứng khoán theo quy trình lưu ký chứng khoán của MSVN và quy chế lưu ký do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("**VSDC**") ban hành.

- Thực hiện các nghiệp vụ thực hiện quyền theo quy trình thực hiện quyền của MSVN và quy chế thực hiện quyền do VSDC ban hành.

- Giám sát hoạt động thanh toán bù trừ: Đảm bảo các hoạt động thanh toán bù trừ liên quan đến chứng khoán đúng theo quy chế thanh toán bù trừ do VSDC ban hành.

- Chế độ báo cáo: Thực hiện các báo cáo liên quan do Phòng Lưu ký Chứng khoán phụ trách theo đúng quy chế thành viên của VSDC ban hành.

**1.3.19. Phòng Tài chính – Kế toán**

- Tổ chức bộ máy kế toán: Xây dựng quy trình hạch toán kế toán theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo tính chính xác và kịp thời trong báo cáo tài chính định kỳ.
- Quản lý tài chính: Theo dõi, kiểm soát việc sử dụng nguồn lực tài chính và tài sản của Công ty, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về kế hoạch tài chính hàng năm.
- Quản lý nguồn vốn và công nợ: Kiểm tra, đối chiếu công nợ, đề xuất phương án cơ cấu nguồn vốn, đảm bảo huy động vốn hợp lý cho hoạt động kinh doanh.
- Quản lý nghĩa vụ thuế: Thực hiện kê khai, quyết toán thuế và kiểm tra việc tuân thủ chính sách thuế trong toàn Công ty.
- Bảo quản và lưu trữ hồ sơ kế toán: Đảm bảo chứng từ, hồ sơ kế toán được lưu trữ theo đúng quy định.

**1.3.20. Phòng Hành chính**

- Quản lý và sử dụng con dấu của Công ty theo phân công nội bộ và quy định pháp luật.
- Nhận và gửi các văn bản, công văn đến và đi của Công ty, quản lý và lưu trữ các văn bản ban hành của Công ty.
- Theo dõi và thanh toán các chi phí thuộc phòng Hành chính quản lý.
- Cung cấp và quản lý công vụ làm việc, quản lý phương tiện vận chuyển của Công ty, cung cấp cơ sở vật chất và bảo trì văn phòng, quản lý tài sản cố định.
- Hỗ trợ các yêu cầu mua hàng và tìm nguồn cung ứng.

## 1.4. Danh sách thành viên góp vốn nắm giữ từ 5% vốn góp của Công ty trở lên và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

### a) Danh sách thành viên góp vốn nắm giữ từ 5% vốn góp của Công ty trở lên, cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Tại thời điểm Bản cáo bạch này, MSVN được Maybank IBG Holdings Limited sở hữu 100% vốn, với thông tin như sau:

| Tên Thành viên (Chủ sở hữu) | Địa chỉ | Tỷ lệ sở hữu |
|---|---|---|
| Maybank IBG Holdings Limited | 50 North Canal Road #03-01<br>Singapore 059304, Singapore | 100% |

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ: Không có.

(Công ty TNHH Chứng khoán Maybank hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do đó không có cổ đông sáng lập và không áp dụng các quy định về việc hạn chế chuyển nhượng cổ phần theo Luật Doanh nghiệp).

**b) Danh sách người có liên quan**

| STT | Tên | Chức vụ/Mối quan hệ với Công ty |
|---|---|---|
| **A** | **CÁ NHÂN** | |
| **I** | **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN** | |
| 1 | Philip Tan Puay Koon | Chủ tịch Hội đồng thành viên<br>(Thành viên độc lập Hội đồng Thành viên) |
| 2 | Tengku Ariff Azhar Bin Tengku Mohamed | Thành viên Hội đồng thành viên |
| 3 | Nguyễn Thế Thọ | Thành viên độc lập Hội đồng thành viên |
| 4 | Nguyễn Chí Dũng | Thành viên độc lập Hội đồng thành viên |
| **II** | **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** | |
| 1 | Kim Thiên Quang | Tổng Giám đốc |
| 2 | Nguyễn Bảo Toàn | Giám đốc, Khối Khách hàng Cá nhân |
| 3 | Nguyễn Võ Vân Hà | Giám đốc Tài chính |
| 4 | Trịnh Thị Thu Huyền | Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro |
| **III** | **KẾ TOÁN TRƯỞNG** | |
| 1 | Trần Thị Ngọc Hương | Kế toán trưởng |
| **IV** | **NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN** | |
| 1 | Nguyễn Võ Vân Hà | Giám đốc Tài chính |
| **V** | **QUẢN LÝ KHÁC ĐƯỢC HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN BỔ NHIỆM** | |
| 1 | Mạc Thị Mận | Giám đốc Chi nhánh Phú Nhuận |
| 2 | Hoàng Thanh Tuấn | Giám đốc Chi nhánh Hà Nội |
| 3 | Nguyễn Thị Hà Linh | Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai |
| 4 | Nguyễn Hồ Bảo Trân | Giám đốc Chi nhánh An Giang |
| 5 | Lưu Văn Hải | Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn |
| 6 | Trần Ngọc Anh Đào | Giám đốc, Phòng Kiểm toán Nội bộ |
| 7 | Phan Thị Thu Hiền | Giám đốc, Phòng Kiểm soát Nội bộ |

| STT | Tên | Chức vụ/Mối quan hệ với Công ty |
|---|---|---|
| **B** | **TỔ CHỨC** | |
| 1 | Maybank IBG Holdings Limited | Công ty mẹ |
| 2 | Malayan Banking Berhad | Đơn vị chủ quản và Chủ sở hữu cao nhất |
| 3 | Maybank Securities Pte. Ltd. | Tổ chức cùng chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ |
| 4 | MIB Strategic Pte. Ltd. | Tổ chức cùng chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ |
| 5 | MIB Securities India Private Limited | Tổ chức cùng chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ |
| 6 | Maybank Securities (Thailand) Public Company | Tổ chức cùng chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ |
| 7 | MIB Investment Limited | Tổ chức cùng chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ |
| 8 | Maybank Securities (London) Limited | Tổ chức cùng chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ |
| 9 | PT Maybank Sekuritas Indonesia | Tổ chức cùng chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ |
| 10 | Maybank Capital Inc. | Tổ chức cùng chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ |
| 11 | Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C | Thành viên độc lập Hội đồng thành viên Nguyễn Chí Dũng là Phó Tổng Giám đốc và thành viên Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C |
| 12 | Công ty TNHH Quản lý và Đầu tư Bất động sản Việt | Thành viên độc lập Hội đồng thành viên Nguyễn Chí Dũng là thành viên Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Quản lý và Đầu tư Bất động sản Việt |

**1.5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành**

**a) Danh sách công ty mẹ của Tổ chức phát hành và/hoặc công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành**

Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ của Tổ chức phát hành: Maybank IBG Holdings Limited, với các thông tin chi tiết đã được đề cập tại tại Mục V.1.4.a bên trên.

**b) Danh sách công ty con của Tổ chức phát hành và/hoặc công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

Không có.

**1.6. Thông tin về Ban điều hành của Tổ chức phát hành**

**a) Cơ cấu Ban điều hành**

| STT | Tên | Chức vụ |
|---|---|---|
| **A** | **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** | |
| 1 | Ông Kim Thiên Quang | Tổng Giám đốc |
| 2 | Ông Nguyễn Bảo Toàn | Giám đốc, Khối Khách hàng Cá nhân |
| 3 | Bà Nguyễn Võ Vân Hà | Giám đốc Tài chính |
| 4 | Bà Trịnh Thị Thu Huyền | Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro |
| **B** | **KẾ TOÁN TRƯỞNG** | |
| 1 | Bà Trần Thị Ngọc Hương | Kế toán trưởng |

**b) Thông tin về các thành viên của Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng)**

**(i) Tổng Giám đốc – Ông Kim Thiên Quang**

Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh – chuyên ngành Tài chính và Ngân hàng Quốc Tế, Đại Học Châu Âu (European University).

**Quá trình làm việc:**

| Thời gian | Vị trí công tác |
|---|---|
| 2015 – nay | Tổng Giám Đốc – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank |
| 2014 – 2015 | Phó Tổng Giám Đốc – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng |
| 2010 – 2014 | Giám Đốc, Khối Khách hàng Cá nhân – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng |
| 2009 – 2010 | Giám Đốc Môi giới, Hội sở – Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam |
| 2007 – 2009 | Trưởng phòng Môi giới – Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam |
| 2006 – 2007 | Chuyên gia Môi giới & Tư vấn đầu tư cao cấp – Công ty TNHH Chứng khoán ACB |

**(ii) Giám đốc, Khối Khách hàng Cá nhân – Ông Nguyễn Bảo Toàn**

Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế – chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

**Quá trình làm việc:**

| Thời gian | Vị trí công tác |
|---|---|
| 2021 – nay | Giám đốc, Khối Khách hàng Cá nhân – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank |

| Thời gian | Vị trí công tác |
|---|---|
| 2020 – 2021 | Phó Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân – Khu vực phía Nam - Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng |
| 2012 – 2020 | Giám đốc Chi nhánh Phú Nhuận – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng |
| 2011 – 2012 | Phó Giám đốc Chi nhánh Phú Nhuận – Công ty Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam |
| 2008 – 2009 | Trưởng phòng Môi giới – Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom |
| 2006 – 2008 | Phó Trưởng phòng Môi giới – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt |

**(iii) Giám đốc Tài Chính – Bà Nguyễn Võ Vân Hà**

Trình độ học vấn: Thạc sĩ Kinh tế Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Paris Dauphine.

**Quá trình làm việc:**

| Thời gian | Vị trí công tác |
|---|---|
| 2023 – nay | Giám đốc Tài chính – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank |
| 2016 – 2023 | Giám đốc Cấp cao, Trưởng phòng nhượng quyền phân tích tài chính, lập ngân sách và lập kế hoạch – Ngân hàng Citibank Việt Nam |
| 2016 | Giám đốc Phân tích Tài chính, Lập ngân sách và Kế hoạch – Công ty TNHH Tư Nhân Bảo Đảm Prudential Việt Nam |
| 2009 – 2016 | Trưởng phòng Kiểm soát Tài chính kiêm Tổng thư ký ALCO – Hong Leong Bank Việt Nam |
| 2005 – 2009 | Giám sát Kiểm toán, Dịch vụ Tài chính – Price Waterhouse Coopers (PwC) Việt Nam |

**(iv) Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro – Bà Trịnh Thị Thu Huyền**

Trình độ học vấn:

Thạc sĩ Kinh tế và Tài chính Quốc tế, Đại học Marseille II - Aix en Provence, Pháp;

Thạc sĩ Quản trị Rủi ro Ngân hàng và Tài chính, Đại học Marseille II - Aix en Provence, Pháp;

Cử nhân Kinh tế Tài chính, Đại học Marseille II - Aix en Provence, Pháp.

**Quá trình làm việc:**

| Thời gian | Vị trí công tác |
|---|---|
| 2025 – nay | Giám Đốc, Phòng Quản lý Rủi ro – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank |

| Thời gian | Vị trí công tác |
|---|---|
| 2024 – 2025 | Trưởng phòng Quản lý Rủi ro – Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (CVS) |
| 2020 – 2023 | Quản lý cấp cao Quản lý Rủi ro Gian lận – Công ty TNHH Tiki |
| 2019 – 2020 | Trưởng phòng Quản lý Rủi ro và Tuân thủ – Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (TPS) |
| 2016 – 2019 | Chuyên gia cao cấp Quản lý Rủi ro và Tuân thủ – Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (VCSC) |
| 2012 – 2015 | Chuyên viên cao cấp Quản lý Rủi ro Thanh khoản và Rủi ro Thị trường – Ngân hàng TMCP Bảo Việt |
| 2009 – 2012 | Nhân viên Kiểm soát Nội bộ và Quản lý Rủi ro – Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam |

**(v) Kế toán trưởng – Bà Trần Thị Ngọc Hương**

Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành Kế toán, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

**Quá trình làm việc:**

| Thời gian | Vị trí công tác |
|---|---|
| 2021 – nay | Kế toán trưởng – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank |
| 2018 – 2021 | Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng |
| 2012 – 2017 | Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng |
| 2011 – 2012 | Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam |
| 2008 – 2010 | Chuyên viên Kế toán – Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam |
| 2004 – 2007 | Kế toán viên – Công Ty TNHH Liên Doanh Việt Thái Plastchem |

**1.7. Thông tin về nhân sự quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền**

**a) Phó Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro – Ông Nguyễn Anh Tuấn**

Trình độ học vấn: Tiến sĩ Kinh tế – Trường Đại học Kinh tế Vác-sa-va (SGH), Ba Lan.

Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 001030/QLQ do UBCKNN cấp.

**Quá trình làm việc:**

| Thời gian | Vị trí công tác |
|---|---|
| 2023 – nay | Phó Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank |

| Thời gian | Vị trí công tác |
|---|---|
| 2020 – 2023 | Giám đốc Quản lý Rủi ro – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng |
| 2019 – 2020 | Trưởng phòng Quản lí Rủi ro Doanh nghiệp – Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB). |
| 2015 – 2019 | Giám đốc Rủi ro và Tuân thủ – Công ty Chứng khoán IB |
| 2011 – 2014 | Thư ký HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc/Quyền Tổng Giám đốc – Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam |
| 2007 – 2011 | Giám đốc Rủi ro và Kiểm soát nội bộ/ Giám đốc ISO/ Thư ký HĐQT – Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam |
| 2006 – 2007 | Cán bộ Kiểm toán nội bộ – Ngân hàng VIB Việt Nam |
| 2006 | Thư ký Thương mại Đại sứ quán Ba Lan tại Hà Nội |

Ông Nguyễn Anh Tuấn là chuyên gia uy tín trong lĩnh vực quản lý rủi ro tài chính. Ông Tuấn có học vị Tiến sĩ Kinh tế tại Ba Lan và hơn 17 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành tại các tổ chức tài chính lớn như Chứng khoán Maybank, OCB và IB. Trong quá trình công tác, ông Tuấn từng đảm nhiệm nhiều vị trí trọng yếu, bao gồm Giám đốc Rủi ro, Phó Tổng Giám đốc và Thư ký Hội đồng Quản trị.

Với sự am hiểu sâu sắc về quản lý rủi ro nội bộ, tuân thủ và vận hành hệ thống quản trị rủi ro, ông Tuấn có đầy đủ năng lực chuyên môn và độ tin cậy cao để đảm nhiệm công tác giám sát và quản trị rủi ro đối với sản phẩm chứng quyền một cách chặt chẽ và hiệu quả.

**b) Chuyên viên cao cấp phòng Sản phẩm Cấu trúc – Bà Hoàng Ngọc Trâm**

Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế và Tài chính – Đại học RMIT.

Chứng chỉ: Chứng chỉ phân tích tài chính Quốc tế – Chartered Financial Analyst ("CFA").

Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 002467/QLQ do UBCKNN cấp.

**Quá trình làm việc:**

| Thời gian | Vị trí công tác |
|---|---|
| 2023 – nay | Chuyên viên cao cấp phòng Sản phẩm Cấu trúc – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank |
| 2020 – 2023 | Nhân viên phòng Tự doanh – Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV |

Bà Hoàng Ngọc Trâm là chuyên viên cao cấp trong lĩnh vực sản phẩm cấu trúc và đầu tư tài chính. Bà Trâm tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế và Tài chính tại Đại học RMIT, cơ sở đào tạo theo chuẩn quốc tế, đồng thời sở hữu chứng chỉ CFA cùng chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Với kinh nghiệm làm việc tại Phòng Tự doanh của Công ty Chứng khoán BIDV và hiện là chuyên viên cao cấp tại Chứng khoán Maybank, bà Trâm có sự am hiểu sâu sắc về thị trường tài chính, đặc biệt trong thiết kế, phát triển và quản lý các sản phẩm cấu trúc phức tạp. Nền tảng chuyên môn vững chắc kết hợp với các chứng chỉ nghề nghiệp uy tín trong nước và quốc tế đã góp phần khẳng định năng lực và uy tín của bà Trâm trong việc phát triển, vận hành và quản trị rủi ro hiệu quả đối với sản phẩm chứng quyền trên thị trường.

## 2. Các thông tin về kết quả hoạt động của Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

### 2.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

MSVN được phép hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm các nghiệp vụ và dịch vụ:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Ngoài các nghiệp vụ nêu trên, Công ty còn cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước và các dịch vụ tài chính khác theo quy định.

**Thông tin về thị phần của Công ty:**

Trong các nghiệp vụ, Công ty chỉ có mảng Môi giới chứng khoán có thông tin về thị phần, cụ thể như sau:

**06 tháng đầu năm 2026:**

- Môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm niêm yết tại HOSE: 1,47% (nằm ngoài top 10);
- Môi giới cổ phiếu niêm yết tại HNX: 1,00% (nằm ngoài top 10);
- Môi giới cổ phiếu thị trường Upcom: 1,22% (nằm ngoài top 10);
- Môi giới chứng khoán phái sinh tại HNX: nằm ngoài top 10.

### 2.2 Các tranh chấp/ kiện tụng

Tại thời điểm phát hành Bản cáo bạch này, MSVN không có các tranh chấp/kiện tụng đối với các tổ chức, cá nhân có ảnh hưởng đến quyền lợi của MSVN.

### 2.3 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai (2) năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai (2) năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.

*(Đơn vị tính: Đồng)*

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 | % tăng/ giảm | Lũy kế đến Quý II/2026 |
|---|---|---|---|---|
| Tổng giá trị tài sản | 5.702.270.772.034 | 6.812.860.503.252 | 19,48% | 7.770.833.678.390 |
| Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh | 815.624.849.656 | 897.349.259.627 | 10,02% | 538.416.579.061 |
| Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh | 272.214.270.116 | 228.681.293.749 | (15,99%) | 123.687.892.877 |
| Lợi nhuận khác/Lỗ khác | (625.091) | (32.574.542) | 5.111,17% | - |
| Lợi nhuận trước thuế | 272.213.645.025 | 228.648.719.207 | (16,00%) | 123.687.892.877 |
| Lợi nhuận sau thuế | 221.044.401.150 | 179.066.233.903 | (18,99%) | 99.135.666.297 |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC soát xét giữa niên độ năm 2026 của MSVN)*

### 2.4 Các chứng quyền mà Công ty đã phát hành

| STT | Tên chứng quyền | Mã chứng quyền | Loại chứng quyền | Thời hạn | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi* | Giá thực hiện* (*Đồng*) | Tổng số lượng chào bán | Tình trạng | Số lượng đang niêm yết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đợt 1** | | | | | | | | | | |
| 1 | Chứng quyền FPT/0125/C/EU/Cash/MSVN | CFPT2525 | Mua | 06 tháng | 25/03/2026 | 10:1 | 103.000 | 10.000.000 | Đã đáo hạn | - |
| 2 | Chứng quyền HPG/0125/C/EU/Cash/MSVN | CHPG2535 | Mua | 06 tháng | 25/03/2026 | 2:1 | 29.700 | 10.000.000 | Đã đáo hạn | - |
| 3 | Chứng quyền MWG/0125/C/EU/Cash/MSVN | CMWG2521 | Mua | 06 tháng | 25/03/2026 | 5:1 | 91.000 | 10.000.000 | Đã đáo hạn | - |
| 4 | Chứng quyền STB/0125/C/EU/Cash/MSVN | CSTB2529 | Mua | 06 tháng | 25/03/2026 | 2:1 | 65.500 | 10.000.000 | Đã đáo hạn | - |

| STT | Tên chứng quyền | Mã chứng quyền | Loại chứng quyền | Thời hạn | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi* | Giá thực hiện* (*Đồng*) | Tổng số lượng chào bán | Tình trạng | Số lượng đang niêm yết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Chứng quyền VPB/0125/C/EU/Cash/MSVN | CVPB2525 | Mua | 06 tháng | 25/03/2026 | 2:1 | 31.700 | 10.000.000 | Đã đáo hạn | - |
| 6 | Chứng quyền FPT/0225/C/EU/Cash/MSVN | CFPT2526 | Mua | 09 tháng | 25/06/2026 | 10:1 | 115.300 | 10.000.000 | Đã đáo hạn | - |
| 7 | Chứng quyền HPG/0225/C/EU/Cash/MSVN | CHPG2536 | Mua | 09 tháng | 25/06/2026 | 2:1 | 32.900 | 10.000.000 | Đã đáo hạn | - |
| 8 | Chứng quyền MWG/0225/C/EU/Cash/MSVN | CMWG2522 | Mua | 09 tháng | 25/06/2026 | 5:1 | 87.100 | 10.000.000 | Đã đáo hạn | - |
| 9 | Chứng quyền STB/0225/C/EU/Cash/MSVN | CSTB2530 | Mua | 09 tháng | 25/06/2026 | 2:1 | 67.800 | 10.000.000 | Đã đáo hạn | - |
| 10 | Chứng quyền VPB/0225/C/EU/Cash/MSVN | CVPB2526 | Mua | 09 tháng | 25/06/2026 | 2:1 | 32.600 | 10.000.000 | Đã đáo hạn | - |
| **Đợt 2** | | | | | | | | | | |
| 11 | Chứng quyền FPT/MSVN/10M/0126 | CFPT2615 | Mua | 10 tháng | 29/03/2027 | 10:1 | 75.000 | 8.000.000 | Đang niêm yết | 8.000.000 |
| 12 | Chứng quyền HPG/MSVN/7M/0126 | CHPG2616 | Mua | 07 tháng | 29/12/2026 | 4:1 | 24.100 | 8.000.000 | Đang niêm yết | 8.000.000 |
| 13 | Chứng quyền HPG/MSVN/10M/0226 | CHPG2617 | Mua | 10 tháng | 29/03/2027 | 4:1 | 25.400 | 8.000.000 | Đang niêm yết | 8.000.000 |
| 14 | Chứng quyền LPB/MSVN/7M/0126 | CLPB2603 | Mua | 07 tháng | 29/12/2026 | 6:1 | 53.400 | 8.000.000 | Đang niêm yết | 8.000.000 |

| STT | Tên chứng quyền | Mã chứng quyền | Loại chứng quyền | Thời hạn | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi* | Giá thực hiện* (*Đồng*) | Tổng số lượng chào bán | Tình trạng | Số lượng đang niêm yết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 15 | Chứng quyền LPB/MSVN/10M/0226 | CLPB2604 | Mua | 10 tháng | 29/03/2027 | 6:1 | 56.200 | 8.000.000 | Đang niêm yết | 8.000.000 |
| 16 | Chứng quyền MSN/MSVN/7M/0126 | CMSN2612 | Mua | 07 tháng | 29/12/2026 | 8:1 | 76.200 | 8.000.000 | Đang niêm yết | 8.000.000 |
| 17 | Chứng quyền MSN/MSVN/10M/0226 | CMSN2611 | Mua | 10 tháng | 29/03/2027 | 8:1 | 80.200 | 8.000.000 | Đang niêm yết | 8.000.000 |
| 18 | Chứng quyền MWG/MSVN/10M/0126 | CMWG2612 | Mua | 10 tháng | 29/03/2027 | 8:1 | 84.200 | 8.000.000 | Đang niêm yết | 8.000.000 |
| 19 | Chứng quyền STB/MSVN/7M/0126 | CSTB2611 | Mua | 07 tháng | 29/12/2026 | 6:1 | 71.000 | 8.000.000 | Đang niêm yết | 8.000.000 |
| 20 | Chứng quyền STB/MSVN/10M/0226 | CSTB2610 | Mua | 10 tháng | 29/03/2027 | 6:1 | 74.700 | 8.000.000 | Đang niêm yết | 8.000.000 |
| 21 | Chứng quyền VHM/MSVN/7M/0126 | CVHM2610 | Mua | 07 tháng | 29/12/2026 | 8:1 | 186.000 | 8.000.000 | Đang niêm yết | 8.000.000 |
| 22 | Chứng quyền VHM/MSVN/10M/0226 | CVHM2611 | Mua | 10 tháng | 29/03/2027 | 8:1 | 190.000 | 8.000.000 | Đang niêm yết | 8.000.000 |
| 23 | Chứng quyền VPB/MSVN/10M/0126 | CVPB2611 | Mua | 10 tháng | 29/03/2027 | 4:1 | 28.400 | 8.000.000 | Đang niêm yết | 8.000.000 |

**Tỷ lệ chuyển đổi và giá thực hiện của chứng quyền tại thời điểm phát hành*

### 3. Tình hình tài chính

- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

  Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

- **Các khoản phải nộp theo luật định**

  Công ty luôn thực hiện nộp các khoản phải nộp theo luật định.

- **Tổng dư nợ vay**

  Tổng dư nợ vay (tài chính, trái phiếu, vay,…) tại ngày 30/06/2026: 2.887.480.380.000 đồng.

- ✓ Nợ quá hạn: Không có.
- ✓ Tổng dư nợ bảo lãnh: Không có.

- **Tình hình công nợ**

Tình hình công nợ tại ngày 30/06/2026:

- ✓ Tổng các khoản phải thu và cho vay: 5.119.414.211.169 đồng.
- ✓ Tổng nợ phải trả (bao gồm dư nợ vay): 3.011.037.786.655 đồng.

- **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| Các chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|---|---|
| **Chỉ tiêu về an toàn tài chính** | | |
| - Giá trị vốn khả dụng (đồng) | 3.141.488.367.217 | 3.107.014.924.355 |
| - Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm) (đồng) | 341.773.658.969 | 364.032.657.260 |
| - Tỷ lệ vốn khả dụng: Giá trị vốn khả dụng/ Tổng rủi ro | 919% | 853% |
| **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | 2,29 | 1,94 |
| - Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | 2,29 | 1,94 |
| **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** | | |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,43 | 0,51 |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,75 | 1,03 |
| **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** | | |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 27,10% | 19,96% |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | 6,96% | 5,41% |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | 4,09% | 2,86% |
| - Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 33,37% | 25,48% |
| - Thu nhập trên cổ phần (EPS)* | N/A | N/A |

*(*) MSVN hoạt động theo mô hình Công ty TNHH, nên không có chỉ tiêu EPS*

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của MSVN)*

## VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

### 1. Thông tin chung về chứng quyền có bảo đảm

### 1.1 Thông tin về chứng quyền phát hành

| | |
|---|---|
| Tên chứng quyền có bảo đảm | Chứng quyền HDB/MSVN/7M/0126 |
| Tên (mã) chứng khoán cơ sở | HDB |
| Tên Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh |
| Loại chứng quyền | Chứng quyền mua |
| Kiểu thực hiện | Chứng quyền mà Người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại Ngày đáo hạn |
| Phương thức thực hiện chứng quyền | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| Thời hạn của chứng quyền | 7 tháng |
| Ngày phát hành dự kiến | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến | Hai (2) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| Ngày đáo hạn dự kiến | Trong tháng 05/2027 - 07/2027 |
| Tỷ lệ chuyển đổi | 2:1 |
| Giá thực hiện/khoảng giá thực hiện | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| Giá chào bán/ Khoảng giá chào bán | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| Tổng số lượng chào bán | 6.000.000 chứng quyền |

| | |
|---|---|
| Tổng giá trị chào bán | Từ 6.000.000.000 VND đến 18.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| Tài sản bảo đảm thanh toán | Tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc được bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký |

**Phương pháp tính giá chào bán**

Giá chào bán chứng quyền được tính theo công thức Black Scholes như sau:

Giá lý thuyết của chứng quyền mua:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X\,e^{-r_c T}}{k}$$

Với

$$d_1 = \frac{ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

*Trong đó:*

| | | |
|---|---|---|
| $C$ | : | *Giá lý thuyết của chứng quyền mua* |
| $N(d_1)$, $N(d_2)$ | : | *Xác suất phân phối chuẩn tích lũy* |
| $X$ | : | *Giá thực hiện của chứng quyền* |
| $S$ | : | *Giá chứng khoán cơ sở hiện tại* |
| $T$ | : | *Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến Ngày đáo hạn chứng quyền/365* |
| $r_c$ | : | *Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm)* |
| $\sigma$ | : | *Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm)* |
| $k$ | : | *Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền* |

Ví dụ chi tiết các tham số áp dụng vào công thức:

| | |
|---|---|
| Giá chứng khoán cơ sở (S) | Giá cổ phiếu HDB tại thời điểm định giá |

| | |
|---|---|
| Giá thực hiện[1] (X) | 27.000 VND |
| Lãi suất phi rủi ro[2] (do Tổ chức phát hành tự xác định) ($r_c$) | Trong khoảng 3%-6% |
| Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở[3] (do Tổ chức phát hành xác định) (σ) | 20% - 100% |
| Thời gian còn lại đến Ngày đáo hạn (T) | 0,583 (năm) |
| Tỷ lệ chuyển đổi[4] (k) | 2 |

**Giá trị hệ số delta của chứng quyền mua theo mô hình Black Scholes**

$$Delta_{CALL} = N(d_1)$$

*Trong đó:*

*$Delta_{CALL}$: Giá trị delta của chứng quyền mua;*

*N(d1): Xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes.*

### 1.2 Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó

Không có.

## 2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

### 2.1 Thông tin chung về chứng khoán cơ sở

| | |
|---|---|
| Tên chứng khoán cơ sở | Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh |
| Mã chứng khoán cơ sở | HDB |

[1] Đây chỉ là giá tham khảo. Giá thực hiện sẽ được Tổ chức phát hành xác định vào ngày chào bán chính thức sau khi Tổ chức phát hành nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền của UBCKNN, và sẽ được ghi rõ trong Bản thông báo phát hành của chứng quyền. Giá thực hiện sẽ bảo đảm nằm trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành.

[2] Lãi suất phi rủi ro: do Tổ chức phát hành xác định dựa trên lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam kỳ hạn 10 năm. Thông số có thể thay đổi trong biên độ 1% để dự trù cho thay đổi lãi suất trong tương lai.

[3] Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở: được Tổ chức phát hành xác định dựa trên độ biến động giá lịch sử của chứng khoán cơ sở trong vòng 12 tháng gần nhất và áp thêm một biên dự phòng dành cho các khoản chi phí hoạt động, chi phí vốn cho việc phát hành chứng quyền (bao gồm tài sản bảo đảm thanh toán và nguồn vốn để mua chứng khoán cơ sở cho mục đích phòng ngừa rủi ro), và các rủi ro tiềm tàng có thể phát sinh trong quá trình thực hiện phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.

[4] Tỷ lệ chuyển đổi: là tỷ lệ giữa số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở. Ví dụ, Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền HDB là 2, có nghĩa là nhà đầu tư phải có 2 chứng quyền thì mới có quyền mua 1 cổ phiếu HDB tại mức giá thực hiện vào ngày thực hiện quyền.

| | |
|---|---|
| Vốn hóa tại ngày 15/09/2026 | 135.642,99 tỷ đồng |
| Khối lượng giao dịch khớp lệnh trung bình phiên 12 tháng | 14.656.048 cổ phiếu/ngày |
| Giá đóng cửa cao nhất 52 tuần | 29.700 đồng |
| Giá đóng cửa thấp nhất 52 tuần | 22.131 đồng |
| Ngày niêm yết lần đầu | 05/01/2018 |
| P/E tại ngày 15/09/2026 | 6,95 |
| Dao động bình quân của giá trong 6 tháng gần nhất (%) | 29,41% |

**Giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối tháng của chứng khoán cơ sở trong vòng 12 tháng gần nhất**

| Tháng | Giá đóng cửa ngày giao dịch cuối tháng (Đồng) |
|---|---|
| 09/2025 | 31.000 |
| 10/2025 | 32.000 |
| 11/2025 | 32.000 |
| 12/2025 | 29.700 |
| 01/2026 | 28.300 |
| 02/2026 | 27.950 |
| 03/2026 | 25.450 |
| 04/2026 | 26.600 |
| 05/2026 | 25.900 |
| 06/2026 | 25.850 |
| 07/2026 | 25.200 |
| 08/2026 | 27.800 |

*(Nguồn: HOSE)*

**2.2 Thông tin về Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở**

- Tên Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
- Lĩnh vực hoạt động chính: Ngân hàng
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.005.276.323 cổ phiếu

**Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở**

*(Đơn vị tính: Tỷ đồng)*

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 | % tăng/giảm | Lũy kế đến Quý II/2026 |
|---|---|---|---|---|
| Tổng giá trị tài sản | 697.366 | 931.104 | 33,52% | 1.043.892 |
| Vốn chủ sở hữu | 56.657 | 78.286 | 38,17% | 90.224 |
| Thu nhập lãi thuần | 30.857 | 34.746 | 12,60% | 18.220 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.482 | 4.273 | 22,70% | 2.490 |
| Lợi nhuận trước thuế | 16.730 | 21.346 | 27,59% | 13.188 |
| Lợi nhuận sau thuế | 13.248 | 17.074 | 28,88% | 10.698 |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ VCSH bình quân | 25,71% | 25,30% | - | - |

*(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và năm 2025, BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2026 của HDB, MSVN tổng hợp)*

**Các chỉ số tài chính của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong hai (2) năm gần nhất**

| Các chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|---|---|
| **1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** | | |
| - Dư nợ cho vay khách hàng/Tổng nợ phải trả | 0,68 | 0,63 |
| - Dư nợ cho vay/Tổng tài sản | 0,63 | 0,58 |
| **2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** | | |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,92 | 0,92 |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 11,31 | 10,89 |
| **3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** | | |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần | 42,93% | 49,14% |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | 25,71% | 25,30% |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | 2,04% | 2,10% |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng thu nhập hoạt động | 38,93% | 39,99% |
| - Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng) | 2.826 | 3.584 |

*(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của HDB, MSVN tổng hợp)*

Tổ chức phát hành cam kết không phải là người có liên quan của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở theo các quy định của pháp luật liên quan.

**Vi phạm hành chính của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:**

Không ghi nhận trong năm 2024 và 2025 cho đến hiện tại.

**3. Thời gian phân phối chứng quyền có bảo đảm**

Lịch phân phối chứng quyền có bảo đảm của MSVN dự kiến như sau:

| Bước | Diễn giải | Thời gian thực hiện (dự kiến) |
|---|---|---|
| 1 | UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chào bán chứng quyền có bảo đảm. | T |
| 2 | MSVN công bố Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền trên trang thông tin điện tử của Công ty, hệ thống SGDCK. | Trong vòng T + 24 giờ |
| 3 | MSVN công bố Bản thông báo phát hành chứng quyền và Bản cáo bạch trên trang thông tin điện tử Công ty, hệ thống SGDCK.<br>MSVN công bố Bản thông báo phát hành trên một (1) tờ báo điện tử hoặc báo in trong ba (3) số liên tiếp. | Trong vòng T + 7 ngày làm việc |
| 4 | MSVN bắt đầu phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, trong đó đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm cho nhà đầu tư tối thiểu là ba (3) ngày. | Trong vòng ba (3) ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu Bước 3 |
| 5 | MSVN hoàn tất phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư. | Tối thiểu ba (3) ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu Bước 4 |
| 6 | MSVN báo cáo kết quả phân phối cho UBCKNN. | Trong vòng 10 ngày kể ngày hoàn tất từ Bước 5 |

**Ghi chú:**

- Thời gian phân phối cụ thể được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN.
- Tài sản bảo đảm thanh toán được MSVN ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký trong suốt thời gian hiệu lực của chứng quyền và duy trì tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành và dự kiến phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy bỏ niêm yết. Tài sản này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của MSVN hay của bất cứ bên thứ ba khác.
- Việc phân phối chứng quyền đến nhà đầu tư chỉ được thực hiện sau khi Công ty bảo đảm người mua tiếp cận được Bản cáo bạch, các nội dung hướng dẫn theo Bản thông báo phát hành chứng quyền của Công ty.

## 4. Đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm

### 4.1 Thông báo phát hành chứng quyền

Trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có hiệu lực, Tổ chức phát hành phải công bố Bản thông báo phát hành trên một (1) tờ báo điện tử hoặc báo in trong ba (3) số liên tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Chứng khoán và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổ chức phát hành, Sở giao dịch chứng khoán. Bản cáo bạch chính thức phải được đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổ chức phát hành và Sở giao dịch chứng khoán.

### 4.2 Cách thức đăng ký mua chứng quyền

Nhà đầu tư có thể đăng ký mua chứng quyền tại Hội sở và tất cả các Chi nhánh của MSVN và/hoặc kênh trực tuyến thông qua ứng dụng giao dịch của MSVN sau khi tiếp cận Bản cáo bạch chào bán chứng quyền và các nội dung hướng dẫn tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN.

Số lượng chứng quyền đặt mua tối thiểu: 1.000 chứng quyền

### 4.3 Phương thức thanh toán mua chứng quyền

Khi đăng ký mua chứng quyền, nhà đầu tư đồng thời thanh toán tiền mua chứng quyền bằng cách chuyển khoản 100% giá trị mua vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm của Công ty theo thông tin sau:

- Chủ tài khoản : Công ty TNHH Chứng khoán Maybank
- Số tài khoản : 8640042466
- Tại : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền nêu trên. Tổ chức phát hành cam kết chỉ sử dụng tiền từ tài khoản phong tỏa nói trên sau khi UBCKNN có văn bản xác nhận kết quả phân phối chứng quyền có bảo đảm, hoặc UBCKNN đăng trên trang thông tin điện tử của mình về việc đã nhận đủ tài liệu báo cáo kết quả phân phối chứng quyền nói trên.

### 4.4 Cách thức xử lý khi chứng quyền chưa được phân phối hết

Trong trường hợp tổng số lượng chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua thấp hơn số lượng chứng quyền chào bán, Tổ chức phát hành được chuyển số chứng quyền chưa phân phối hết vào tài khoản tự doanh của mình, và tiếp tục phân phối thông qua hoạt động tạo lập thị trường trên hệ thống giao dịch của SGDCK sau khi chứng quyền được niêm yết.

### 4.5 Phương án phân phối chứng quyền trong trường hợp số lượng đăng ký mua lớn hơn số lượng chào bán

Số chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua sẽ xác định như sau:

$$\text{Số chứng quyền nhà đầu tư được mua} = \text{Số chứng quyền chào bán} \times \frac{\text{Số chứng quyền từng nhà đầu tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số chứng quyền các nhà đầu tư đăng ký mua}}$$

Số lượng chứng quyền tính theo công thức trên sẽ được làm tròn xuống đơn vị 100 chứng quyền cho từng nhà đầu tư, theo nguyên tắc tổng số lượng chứng quyền phân phối cho tất cả các nhà đầu tư không vượt quá số lượng chứng quyền chào bán. Trường hợp sau khi phân bổ theo nguyên tắc trên cho tất cả các nhà đầu tư, vẫn phát sinh số chứng quyền còn dư, số chứng quyền còn lại này sẽ được phân bổ vào tài khoản tự doanh của MSVN.

### 4.6 Xác nhận kết quả phân phối chứng quyền

Trong vòng ba (3) ngày làm việc sau ngày kết thúc đợt chào bán, MSVN sẽ gửi thông báo xác nhận kết quả đặt mua chứng quyền tới nhà đầu tư theo thông tin cung cấp của nhà đầu tư. Kết quả phân phối chứng quyền chính thức sẽ do VSDC thực hiện phân bổ trực tiếp vào tài khoản chứng khoán của Nhà đầu tư đã đăng ký tại Phiếu đăng ký đặt mua chứng quyền có bảo đảm

### 4.7 Thời hạn và cách thức hoàn trả tiền đặt mua chứng quyền

MSVN sẽ hoàn trả lại tiền đặt mua chứng quyền cho nhà đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư đăng ký mua không thành công hoặc nhà đầu tư được phân phối theo tỷ lệ vào tài khoản đã đăng ký của nhà đầu tư theo Phiếu đăng ký đặt mua chứng quyền có bảo đảm trong vòng năm (5) ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả phân phối chứng quyền từ UBCKNN.

## 5 Hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm

**a)** UBCKNN ra quyết định hủy bỏ đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán, trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn đình chỉ quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Chứng khoán mà Tổ chức phát hành không khắc phục được những thiếu sót dẫn đến việc đình chỉ đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm ra công chúng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Chứng khoán, UBCKNN có quyền đình chỉ chào bán chứng khoán ra công chúng tối đa là 60 ngày trong các trường hợp sau:
  - Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm ra công chúng có thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư;
  - Việc phân phối chứng quyền có bảo đảm không thực hiện đúng quy định tại Điều 26 Luật Chứng khoán.
- Sau khi kết thúc đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm ra công chúng mà phát hiện đợt chào bán vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Chứng khoán.

**b)** Ngoài các trường hợp trên, đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm ra công chúng có thể bị hủy bỏ theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**c)** Trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm ra công chúng

bị hủy bỏ, Tổ chức phát hành phải công bố việc hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm ra công chúng theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Chứng khoán và phải thu hồi chứng khoán đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ. Hết thời hạn này, Tổ chức phát hành phải bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo các điều khoản đã cam kết với nhà đầu tư.

## 6 Thực hiện chứng quyền có bảo đảm

### 6.1 Trường hợp thanh toán bằng tiền

#### a) Quy trình thực hiện

Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, Tổ chức phát hành không phải gửi thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chứng quyền. Căn cứ trên hồ sơ đăng ký chứng quyền của Tổ chức phát hành, VSDC sẽ chủ động thực hiện lập và thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.

Trường hợp thực hiện chứng quyền do hủy niêm yết nhưng chưa đến thời gian đáo hạn, Tổ chức phát hành gửi VSDC văn bản thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chứng quyền chậm nhất một (1) ngày làm việc sau ngày HOSE ra quyết định hủy niêm yết chứng quyền.

Đối với trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, quy trình thanh toán bằng tiền được áp dụng theo Quy chế của VSDC và quy định của HOSE, được thực hiện như sau (T = Ngày đáo hạn):

- **Trước Ngày T – 10**:

  Tổ chức phát hành công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng để hủy niêm yết và thực hiện thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền gửi cho HOSE. Căn cứ công bố thông tin của Tổ chức đăng ký chứng quyền, HOSE ra văn bản hủy niêm yết chứng quyền.

- **Ngày T – 2**:

  Là ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền. HOSE sẽ hủy bỏ niêm yết chứng quyền sau ngày này.

- **Ngày T (Ngày đáo hạn, cũng là Ngày đăng ký cuối cùng)**:

  - Trước 14h00 Ngày đăng ký cuối cùng, Tổ chức đăng ký chứng quyền gửi Thông báo Giá thanh toán chứng quyền cho VSDC để thực hiện chứng quyền. Đồng thời Tổ chức phát hành công bố thông tin về Thông báo Giá thanh toán chứng quyền.

  - Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền chỉ áp dụng trong trường hợp chứng quyền có lãi (ITM).

*Trường hợp chứng quyền không có lãi (**Giá thanh toán ≤ Giá thực hiện**):*

**Ngày T + 1**: VSDC gửi Thông báo hủy đợt chốt danh sách thực hiện chứng quyền cho HOSE và các thành viên lưu ký. Quy trình dừng tại đây.

*Trường hợp chứng quyền có lãi (**Giá thanh toán > Giá thực hiện**):*

- **Ngày T + 1**: Chậm nhất 9h00 ngày làm việc sau Ngày đăng ký cuối cùng, VSDC lập và gửi Danh sách Người sở hữu chứng quyền lưu ký dưới dạng chứng từ điện tử cho các thành viên lưu ký liên quan. Các thành viên lưu ký có trách nhiệm đối chiếu thông tin Người sở hữu chứng quyền theo Danh sách do VSDC cung cấp với thông tin cho thành viên lưu ký đang quản lý và gửi cho VSDC Thông báo xác nhận dưới dạng chứng từ điện tử chậm nhất vào 11h00 ngày làm việc liền kề sau Ngày đăng ký cuối cùng để xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận các thông tin trong Danh sách. Trường hợp không chấp thuận do có sai sót hoặc sai lệch số liệu, thành viên lưu ký phải gửi cho VSDC văn bản trong đó nêu rõ các nội dung sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSDC điều chỉnh. Ngày sau khi điều chỉnh, VSDC sẽ cung cấp lại Danh sách đã hiệu chỉnh dưới dạng chứng từ điện tử cho thành viên lưu ký liên quan.

- **Ngày T + 2:** VSDC gửi Tổ chức phát hành Danh sách tổng hợp Người sở hữu chứng quyền dưới dạng chứng từ điện tử.

- **Chậm nhất Ngày T + 3:** Tổ chức phát hành xác nhận Danh sách tổng hợp Người sở hữu chứng quyền cho VSDC. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong Danh sách, Tổ chức phát hành phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSDC và nêu rõ lý do. Tổ chức phát hành phải chuyển đủ số tiền thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản theo thông báo của VSDC. Trường hợp chậm chuyển tiền thanh toán, chậm nhất một (1) ngày làm việc trước ngày thanh toán, Tổ chức phát hành phải thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do chậm chuyển tiền. Căn cứ công văn của Tổ chức phát hành, VSDC sẽ thông báo cho Thành viên lưu ký có liên quan. Tổ chức phát hành chịu mọi trách nhiệm phát sinh nếu không thực hiện chuyển đủ số tiền trong thời gian quy định.

- **Ngày T + 4:** VSDC thực hiện phân bổ tiền thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền vào tài khoản của thành viên lưu ký có liên quan.

- **Ngày T + 5:** Ngày thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền. Thành viên lưu ký phân bổ trực tiếp số tiền thanh toán vào tài khoản của Người sở hữu chứng quyền.

**b) Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền mua**

Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, việc thanh toán bằng tiền cho Người sở hữu chứng quyền chỉ áp dụng trong trường hợp chứng quyền có lãi.

Trong trường hợp Số tiền thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng 0 (chứng quyền lỗ hoặc chứng quyền hòa vốn), tất cả các chứng quyền sẽ được coi là đã đáo hạn, tất cả các quyền của Người sở hữu chứng quyền cũng như nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với các chứng quyền đó sẽ chấm dứt. Người sở hữu chứng quyền sẽ không được quyền nhận bất kỳ khoản thanh toán nào từ Tổ chức phát hành đối với chứng quyền.

Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền mua là số tiền thanh toán khi Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, trong trường hợp chứng quyền có lãi, được tính theo công thức như sau:

$$\text{Số tiền thanh toán} = \left[ \frac{\text{Giá thanh toán} - \text{Giá thực hiện}}{\text{Tỷ lệ chuyển đổi}} \right]$$

**Số tiền thanh toán ròng**: là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).

**Giá thanh toán chứng quyền** là bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở trong năm (5) ngày giao dịch liền trước Ngày đáo hạn, không bao gồm Ngày đáo hạn. Trường hợp giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh theo Quy chế của SGDCK trong năm (5) ngày giao dịch liền trước Ngày đáo hạn, giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở vào những ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được điều chỉnh tương ứng.

**Ví dụ:**

Giá thực hiện chứng quyền : 80.000 VND

Giá thanh toán chứng quyền : Bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở trong năm (5) ngày giao dịch liền trước Ngày đáo hạn, không bao gồm Ngày đáo hạn.

Ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền : 10/12/2025

Ngày đáo hạn chứng quyền : 12/12/2025

Ngày tính giá thanh toán chứng quyền : 05/12, 08/12, 09/12, 10/12, 11/12.

Giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong các ngày này là:

| Ngày | Giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở (Đồng) |
|---|---|
| 05/12 | 80.500 |
| 08/12 | 81.000 |
| 09/12 | 82.000 |
| 10/12 | 81.500 |
| 11/12 | 82.000 |
| **Trung bình giá 5 ngày** | **81.400** |

Giá thanh toán chứng quyền : 81.400 VND

Tỷ lệ chuyển đổi : 8 : 1 (8 chứng quyền lấy 1 cổ phiếu)

Số tiền thanh toán : (81.400 – 80.000) / 8 = 175 VND/ chứng quyền

Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào Ngày đáo hạn.

### 6.2 Các biện pháp xử lý trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán

Trong trường hợp Tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán, Tổ chức phát hành bảo đảm sử dụng các nguồn để thanh toán và thực hiện nghĩa vụ đối với Người sở hữu chứng quyền như sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh.

- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký. Theo quy định hiện tại, Tổ chức phát hành phải duy trì tài sản bảo đảm thanh toán là tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi hoặc thư bảo lãnh thanh toán tại Ngân hàng lưu ký trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền, giá trị là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành và dự kiến phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy bỏ niêm yết. Tài sản này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của Tổ chức phát hành hay của bất cứ bên thứ ba khác.

Trường hợp không có đủ tài sản để thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền thì Người sở hữu chứng quyền sẽ được coi là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ chức phát hành. Việc xử lý sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

## 7 Quyền của Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm

- Quyền của Người sở hữu chứng quyền mua: Người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của Chứng khoán cơ sở (Giá thanh toán) cao hơn Giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.
- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho Người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.
- Trong tường hợp Tổ chức phát hành hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; quyền lợi của Người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan về hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp.
- Trong trường hợp chứng quyền hủy bỏ niêm yết do:
  - Tổ chức phát hành bị thu hồi Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;
  - Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền được cho là có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư;
  - Chứng khoán cơ sở bị hủy bỏ niêm yết;

    Quy trình thực hiện chứng quyền trong các trường hợp bị hủy bỏ niêm yết nêu trên:

    ➢ Trong vòng 24 giờ kể từ ngày có Quyết định hủy bỏ niêm yết chứng quyền, Tổ chức phát hành sẽ công bố thông tin về việc hủy bỏ niêm yết chứng quyền, cách thức xác định Giá thanh toán chứng quyền cho Người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực.

- Kể từ ngày công bố thông tin nêu trên đến ngày liền trước ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực, Tổ chức phát hành sẽ thực hiện mua lại các chứng quyền đang lưu hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường. Giá mua lại được xác định theo mức giá thị trường và tuân thủ theo quy chế của SGDCK.
- Kể từ ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực, đối với các chứng quyền còn lưu hành, Tổ chức phát hành phối hợp với VSDC thanh toán tiền cho nhà đầu tư vẫn nắm giữ chứng quyền. Việc thanh toán tiền được thực hiện theo Quy chế của VSDC.

Cách tính Giá thanh toán chứng quyền cho Người sở hữu chứng quyền kể từ ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực được áp dụng theo công thức Black Scholes:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X\,e^{-r_c T}}{k}$$

Với

$$d_1 = \frac{ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

*Trong đó:*

| | | |
|---|---|---|
| $C$ | : | *Giá thanh toán của chứng quyền mua tại ngày hủy bỏ niêm yết* |
| $N(d_1)$, $N(d_2)$ | : | *Xác suất phân phối chuẩn tích lũy* |
| $X$ | : | *Giá thực hiện của chứng quyền* |
| $S$ | : | *Giá chứng khoán cơ sở* |
| $T$ | : | *Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365* |
| $r_c$ | : | *Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm)* |
| $\sigma$ | : | *Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm)* |
| $k$ | : | *Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền* |

Giá trị hệ số delta của chứng quyền mua theo mô hình Black Scholes

$$Delta_{CALL} = N(d_1)$$

*Trong đó:*

| | | |
|---|---|---|
| $Delta_{CALL}$ | : | *Giá trị delta của chứng quyền mua* |
| $N(d_1)$ | : | *Xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes* |

- Trong các trường hợp cần thiết theo yêu cầu của SGDCK cần áp dụng các biện pháp xử lý đặc biệt, việc giải quyết quyền lợi cho Người sở hữu chứng quyền thực hiện từ nguồn tài sản bao gồm:
  - ➢ Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
  - ➢ Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký.

  Việc thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền đối với các biện pháp xử lý đặc biệt được xác định trên cơ sở số lượng chứng quyền sở hữu và giá trị chứng quyền, trong đó giá trị chứng quyền được tính trên cơ sở giá đóng cửa vào ngày xảy ra sự kiện phải thanh toán, hay giá đóng cửa gần nhất so với ngày xảy ra sự kiện (nếu không thể xác định được giá đóng cửa tại ngày xảy ra sự kiện phải thanh toán) bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

## 8 Điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm

### 8.1 Các trường hợp điều chỉnh chứng quyền

Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong trường hợp giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do các sự kiện sau đây của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:

(a) Chia cổ tức bằng tiền mặt;

(b) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức;

(c) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;

(d) Phát hành cổ phiếu mới.

### 8.2 Cách thức điều chỉnh

Cách thức điều chỉnh Giá thực hiện và Tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh như sau:

- Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
- Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ × (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền /Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).

Giá thực hiện mới sau điều chỉnh được làm tròn đến hàng đơn vị, Tỷ lệ chuyển đổi mới sau điều chỉnh được làm tròn đến bốn (4) chữ số thập phân sau dấu phẩy (hoặc Giá thực hiện điều chỉnh và Tỷ lệ chuyển đổi điều chỉnh sẽ theo hướng dẫn tại Quy chế của SGDCK tại thời điểm thực hiện).

Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của SGDCK, Tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh.

## 9 Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền có bảo đảm

### 9.1 Phí, lệ phí và giá dịch vụ

Khi đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư có thể phải trả các khoản phí bao gồm nhưng không giới hạn các khoản phí sau:

- Phí môi giới;
- Phí giao dịch;
- Phí lưu ký, thực hiện và chuyển khoản; và
- Chi phí thực hiện.

Mức giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại SGDCK Việt Nam và các công ty con, VSDC được quy định tại Thông tư số 83/2024/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26/11/2024 và Quyết định số 1541/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29/04/2025. Căn cứ vào mức giá quy định, các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán quyết định mức giá dịch vụ cụ thể phù hợp với thực tế cung ứng dịch vụ và quy định của pháp luật về giá và pháp luật có liên quan.

### 9.2 Thuế

**Thuế thu nhập cá nhân** ("**TNCN**")

(i) Trường hợp trước Ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền:

Số thuế được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần nhân với thuế suất 0,1%.

Trong đó: Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là giá khớp lệnh của chứng quyền trên SGDCK nhân (x) Số lượng chứng quyền.

(ii) Trường hợp trước Ngày đáo hạn, chứng quyền bị huỷ niêm yết:

Thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Giá chuyển nhượng chứng quyền được tính như sau:

- Giá mua lại theo mức giá thị trường của Tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường nhân (x) Số lượng chứng quyền (trước ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực); hoặc
- Giá thanh toán chứng quyền do Tổ chức phát hành công bố nhân (x) Số lượng chứng quyền (sau ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực).

(iii) Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền:

Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền mặt, thu nhập của nhà đầu tư chịu thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần.

Trong đó, giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần bằngGiá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) (Số lượng chứng quyền chia (/) cho Tỷ lệ chuyển đổi).

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền mua trên hệ thống giao dịch của SGDCK hoặc thời điểm chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền

Mức thuế suất nêu trên có thể được thay đổi theo quy định pháp luật áp dụng tại thời điểm nhà đầu tư chuyển nhượng hay thực hiện quyền.

**Lưu ý:** Trong một số trường hợp, số tiền thuế phải nộp có thể cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ Tổ chức phát hành, phụ thuộc vào tương quan giữa giá thanh toán của chứng khoán cơ sở và tỷ lệ chuyển đổi.

## 10 Hoạt động tạo lập thị trường

Nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, Tổ chức phát hành có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

Theo Điều 6 Quyết định số 49/QĐ-HĐTV ngày 19/06/2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm, quy định như sau:

### 10.1 Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Tổ chức phát hành phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng năm (5) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%.

  Tỷ lệ chêch lệch giá là tỷ lệ phần trăm chênh lệch giá giữa giá chào bán thấp nhất và giá chào mua cao nhất so với giá chào mua cao nhất. Công thức tính cụ thể như sau:

$$\text{Tỷ lệ chênh lệch giá} = \frac{\text{Giá chào bán thấp nhất - Giá chào mua cao nhất}}{\text{Giá chào mua cao nhất}} \times 100\%$$

Khi tham gia đặt lệnh theo quy định nêu trên, Tổ chức tạo lập thị trường phải tuân thủ:

- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền;
- Loại lệnh sử dụng là lệnh giới hạn;
- Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch giá;
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, Tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán);
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (1) phút.

**10.2 Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường**

Trong các trường hợp sau, Tổ chức phát hành không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (5) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch, đình chỉ giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại Bản cáo bạch của Tổ chức phát hành nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;
- Khi mức giá khớp lệnh của chứng quyền dưới 200 đồng;
- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu 100 chứng quyền, Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp Tổ chức phát hành chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy bỏ niêm yết chứng quyền, Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán, hoặc khi giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Giá chứng khoán cơ sở của chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Giá chứng khoán cơ sở của chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Giá chứng khoán cơ sở của chứng quyền đang cao hơn 30% so với giá thực hiện của chứng quyền, Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Trong 14 ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...; hoặc
- Các trường hợp khác được SGDCK áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.

## VII. PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Việc thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:
   - Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
   - Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký;
   - Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có).
2. Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho Người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo

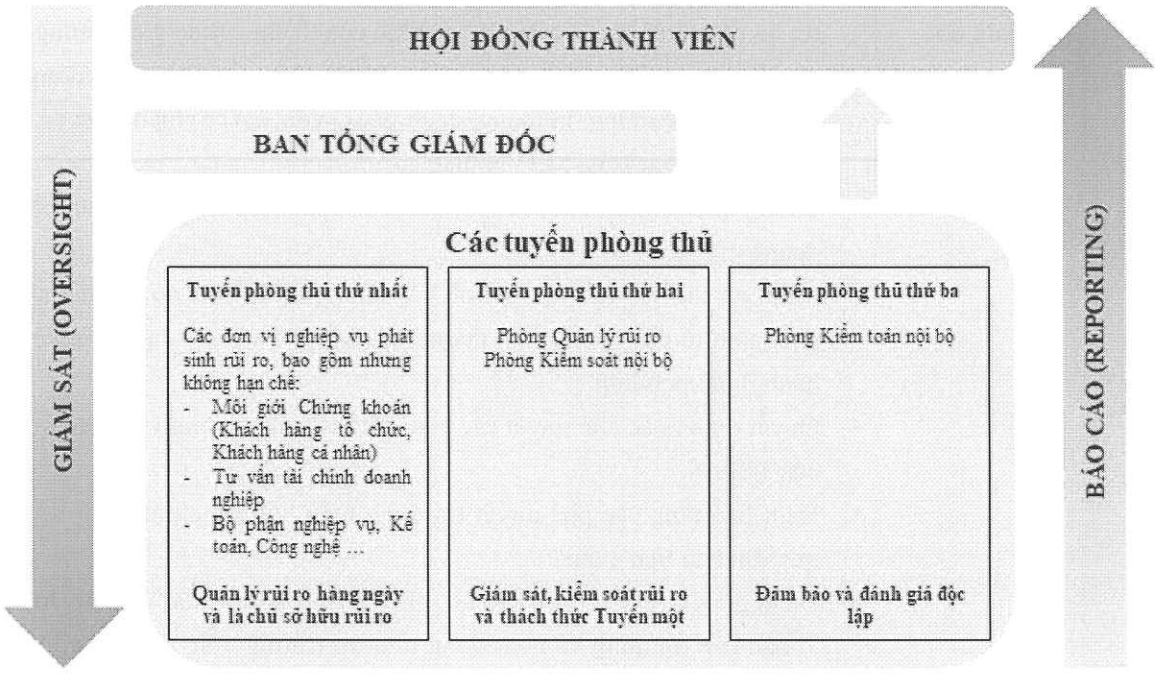
đảm một phần.

## VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

### 1. Quy trình quản trị rủi ro

Cơ cấu tổ chức của bộ máy quản trị rủi ro của Công ty được thiết kế rõ ràng, hiệu quả, chặt chẽ, quy định rõ vai trò và trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, phân định rõ các tuyến phòng thủ và trách nhiệm của từng tuyến. Cơ cấu tổ chức về quản trị rủi ro bao gồm:

- Hội đồng thành viên
- Ban Tổng Giám đốc
- Tuyến 1: Các phòng ban, đơn vị sở hữu trực tiếp rủi ro hoặc đơn vị tiếp nhận rủi ro.
- Tuyến 2: Phòng Quản lý rủi ro, Phòng Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát, kiểm soát rủi ro và đánh giá hiệu quả kiểm soát rủi ro của Tuyến 1 nhằm hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tại Công ty.
- Tuyến 3: Phòng Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp, tính đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của các chính sách, quy trình rủi ro được thiết lập cũng như việc tuân thủ, kiểm soát rủi ro của các Tuyến 1 và Tuyến 2.



a) **Vai trò và trách nhiệm của Ban quản lý cấp cao**

| Chức năng | Vai trò và trách nhiệm |
|---|---|
| Hội đồng thành viên | ▪ Đảm bảo MSVN duy trì lượng vốn phù hợp cho hồ sơ rủi ro và kế hoạch kinh doanh của MSVN.<br>▪ Phê duyệt các kế hoạch và mục tiêu kinh doanh phù hợp với khẩu vị rủi ro và khả năng chấp nhận rủi ro của MSVN.<br>▪ Quyết định chiến lược quản trị rủi ro, khung quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, mức chấp nhận rủi ro và hạn mức khẩu vị rủi ro.<br>▪ Xem xét và đánh giá tính đầy đủ của khung QTRR, chính sách QTRR trong nhận biết, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro để đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả.<br>▪ Xem xét các báo cáo định kỳ của ban Tổng Giám đốc về mức độ rủi ro, danh mục rủi ro và các hoạt động quản trị rủi ro.<br>▪ Quyết định hoặc phủ quyết các giao dịch tín dụng, giao dịch thị trường vốn nằm trong thẩm quyền của Hội đồng thành viên. |
| Ban Tổng Giám đốc | ▪ Xem xét, giám sát, đánh giá mức độ rủi ro và đánh giá khả năng chịu rủi ro, bao gồm tất cả các loại rủi ro chính của tổ chức (bao gồm nhưng không giới hạn ở tín dụng, thị trường, quản lý tài sản nợ, tài trợ, hoạt động, pháp lý, công nghệ thông tin/mạng, danh tiếng, vốn, rủi ro chiến lược và các rủi ro mới nổi khác) của MSVN, nếu có.<br>▪ Thiết lập các tiêu chuẩn chấp nhận rủi ro phù hợp cho các hoạt động kinh doanh của MSVN.<br>▪ Xem xét các báo cáo rủi ro định kỳ, đánh giá các mức độ rủi ro khác nhau phát sinh từ các mảng kinh doanh của MSVN và xây dựng các kế hoạch hành động phù hợp.<br>▪ Quyết định hoặc phủ quyết các giao dịch trên thị trường vốn theo quy định của MSVN.<br>▪ Đảm bảo rằng các phê duyệt tín dụng tuân thủ các chính sách nội bộ và quy định có liên quan.<br>▪ Đánh giá yêu cầu về vốn và các cam kết liên quan trước khi phê duyệt các khoản cấp tín dụng và hoạt động trên thị trường vốn, đồng thời đảm bảo rằng các hoạt động này được thực hiện phù hợp với chính sách nội bộ và quy định của MSVN. |

b) **Các tuyến phòng thủ**

| Chức năng | Vai trò và trách nhiệm |
|---|---|
| **Tuyến 1** | ▪ Sở hữu và quản trị rủi ro trong các hoạt động kinh doanh hàng ngày, bao gồm cả việc chấp nhận rủi ro. Quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh hàng ngày bao gồm nhận diện rủi ro, đánh giá rủi ro, kiểm soát rủi ro, giảm thiểu rủi ro, giám sát rủi ro, báo cáo về mức độ rủi ro và đảm bảo rằng các hoạt động này nằm trong các chiến lược rủi ro, mức chấp nhận rủi ro, khẩu vị rủi ro, khung kiểm soát nội bộ, chính sách và quy trình.<br>▪ Thực hiện nghiệp vụ theo đúng quy trình, quy định đã được phê duyệt.<br>▪ Thúc đẩy quản trị rủi ro hiệu quả bằng cách triển khai áp dụng đầy đủ và hiệu quả khung kiểm soát nội bộ, chính sách, quy trình, quy định, bao gồm cả việc theo dõi và báo cáo về rủi ro của từng đơn vị, bộ phận chức năng.<br>▪ Cung cấp cho đơn vị sở hữu rủi ro các thực tiễn rõ ràng trong quản trị rủi ro. |
| **Tuyến 2** | ▪ Chịu trách nhiệm thiết lập khung, chính sách và quy trình nội bộ để nhận diện, đánh giá, kiểm soát, giảm thiểu, giám sát và báo cáo về các loại rủi ro phải quản lý.<br>▪ Xây dựng cơ cấu để quản trị rủi ro và giám sát khung kiểm soát nội bộ bao gồm theo dõi và báo cáo mức độ rủi ro của MSVN.<br>▪ Đánh giá, phân tích các đánh giá rủi ro và tính hiệu quả của Tuyến 1 trong việc quản trị rủi ro.<br>▪ Hỗ trợ tăng trưởng tài sản bền vững và chất lượng với lợi nhuận tối ưu thông qua các chức năng quản lý tín dụng cụ thể như đánh giá tín dụng, phê duyệt và giám sát.<br>▪ Truyền thông về các chiến lược rủi ro và xây dựng, duy trì nhận thức rủi ro trong tổ chức.<br>▪ Đảm bảo tuân thủ các luật, quy định, chính sách nội bộ, thủ tục và các giới hạn (bao gồm cả giới hạn rủi ro). Điều này bao gồm việc duy trì các chính sách, thủ tục nhằm phát hiện và giảm thiểu rủi ro không tuân thủ, đồng thời đánh giá tính đầy đủ, hiệu quả của các chính sách và thủ tục đó trên cơ sở các hoạt động thực tế đang diễn ra. |
| **Tuyến 3** | Cung cấp sự đảm bảo hợp lý thông qua đánh giá, xem xét và xác nhận độc lập những nội dung sau đây:<br>▪ Khung, chính sách và các công cụ kiểm soát nội bộ đủ mạnh và phù hợp với các tiêu chuẩn của pháp luật.<br>▪ Việc kiểm soát để giảm thiểu rủi được thực hiện đầy đủ và hiệu quả bởi Tuyến 1.<br>▪ Việc giám sát của Tuyến 2 với Tuyến 1 là đầy đủ. |

c) **Quy trình quản trị rủi ro chứng quyền tại MSVN**

Quy trình quản trị rủi ro cho chứng quyền tại MSVN được thực hiện theo các bước sau:




**(i) Nhận diện rủi ro**

Sau đây là các rủi ro trọng yếu liên quan đến việc phát hành và kinh doanh chứng quyền đã được nhận diện:

**Rủi ro về vốn:** Rủi ro khi MSVN không đáp ứng được yêu cầu về vốn theo quy định của pháp luật khi kinh doanh chứng quyền.

**Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro khi MSVN không đủ nguồn lực về tài chính để thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong hoạt động kinh doanh chứng quyền.

**Rủi ro thị trường:** Rủi ro đến từ biến động của giá chứng quyền có bảo đảm và giá của chứng khoán là tài sản cơ sở cho chứng quyền.

**Rủi ro thanh khoản thị trường:** Rủi ro đến từ hạn mức sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với một số mã chứng khoán niêm yết là tài sản cơ sở cho chứng quyền do MSVN phát hành. Hạn mức sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài có thể khiến MSVN không có khả năng mua thêm cổ phiếu cơ sở để đáp ứng nhu cầu phòng ngừa rủi ro chứng quyền của MSVN khiến việc phòng ngừa rủi ro không hiệu quả.

**Rủi ro pháp lý:** Rủi ro khi MSVN vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định và quy tắc của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ, đăng ký kinh doanh.

**Rủi ro hoạt động:** Rủi ro mất mát phát sinh do quy trình, con người và hệ thống nội bộ không đầy đủ hoặc không hoạt động hoặc do các sự kiện bên ngoài.

**(ii) Phân tích và đo lường rủi ro**

MSVN xác định mức độ trọng yếu của từng rủi ro dựa trên hai tiêu chí:

- Mức độ tác động đến danh tiếng, tài chính, khả năng cung cấp dịch vụ, tính tuân thủ

và nhân sự của Công ty khi từng rủi ro xảy ra;

- Xác suất xảy ra của từng rủi ro.

**(iii) Kiểm soát rủi ro**

**Kiểm soát rủi ro về vốn:**

- Nguyên tắc: duy trì tỷ lệ an toàn vốn cao hơn mức pháp luật quy định đối với hoạt động kinh doanh chứng quyền.
- Cách thức thực hiện: Phòng Tài chính - Kế toán tính tỷ lệ an toàn vốn và đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo hạn mức đã được Hội đồng thành viên đã phê duyệt.

**Kiểm soát rủi ro thị trường:**

- Nguyên tắc: duy trì các rủi ro thị trường nằm trong hạn mức rủi ro đã được phê duyệt.
- Cách thức thực hiện:
  - Phòng Quản lý Rủi ro trình Hội đồng thành viên phê duyệt các hạn mức rủi ro thị trường.
  - Phòng Sản phẩm Cấu trúc kiểm soát các rủi ro thị trường trong phạm vi hạn mức đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.
  - Phòng Sản phẩm Cấu trúc theo dõi tỷ lệ Delta, đảm bảo tuân thủ tỷ lệ tối thiểu do UBCKNN quy định. Mua, bán chứng quyền, chứng khoán cơ sở khi cần thiết để đảm bảo tỷ lệ, cụ thể được đề cập tại Mục 2.3 phía dưới.

**Kiểm soát rủi ro thanh khoản:**

- **Nguyên tắc chung:** duy trì dự trữ thanh khoản đáp ứng các nhu cầu thanh toán của MSVN.
- **Cách thức thực hiện:** Phòng Tài chính - Kế toán duy trì dự trữ thanh khoản trên các mức được Hội đồng thành viên phê duyệt.

**Kiểm soát rủi ro thanh khoản thị trường:**

- Không phát hành chứng quyền mà tài sản cơ sở là chứng khoán đã hết hạn mức sở hữu nhà đầu tư nước ngoài.
- Phòng Sản phẩm Cấu trúc theo dõi về tỷ lệ sở hữu nước ngoài còn lại đối với các mã chứng khoán là tài sản cơ sở của các chứng quyền đã phát hành.
- Phòng Sản phẩm Cấu trúc tiến hành phân tích thanh khoản để đảm bảo khả năng phòng ngừa rủi ro đối với quá trình biến động trong ngày của chứng khoán cơ sở của các chứng quyền phát hành.

**Kiểm soát rủi ro pháp lý:**

Cách thức thực hiện: Tất cả hồ sơ phát hành đều phải được rà soát bởi các phòng ban có liên quan đến phát hành chứng quyền và phải được nội bộ phê duyệt trước khi được gửi đi.

**Kiểm soát rủi ro hoạt động:**

Cách thức thực hiện: Phòng Sản phẩm Cấu trúc tuân thủ theo Khung Quản lý rủi ro phi tài chính, Chính sách Quản lý rủi ro Phi tài chính, Quy trình Quản lý rủi ro phi tài chính. Theo đó, Phòng Sản phẩm Cấu trúc tuân thủ và duy trì các quy trình hành động sau:

- **Tự đánh giá rủi ro và kiểm soát (RCSA)**: Duy trì việc tự đánh giá hàng năm các rủi ro tiềm ẩn, hiệu quả của các công cụ quản lý rủi ro và rủi ro còn lại để có chiến lược phòng ngừa rủi ro phù hợp.
- **Chỉ số rủi ro chính (KRI)**: Áp dụng các KRI để theo dõi, giám sát biến động của các rủi ro có rủi ro còn lại ở mức trung bình và cao.
- **Quản lý sự cố và thu thập dữ liệu (IMDC)**: Báo cáo kịp thời, đầy đủ về các rủi ro hoạt động phát sinh trong quá trình vận hành hàng ngày vào hệ thống thu thập dữ liệu về các rủi ro hoạt động.
- **Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh (BCP)**: Có kế hoạch và duy trì kế hoạch hoạt động kinh doanh liên tục hiệu quả đối với sản phẩm chứng quyền. Kế hoạch của phòng phải phù hợp với kế hoạch duy trì hoạt động chung của cả Công ty bao gồm cả việc diễn tập hàng năm.

**(iv) Giám sát hoạt động quản trị rủi ro**

Khi có rủi ro xảy ra, các đơn vị, cá nhân có liên quan sẽ thực hiện theo các quy định về quản trị rủi ro áp dụng hiện hành bao gồm:

- **Rủi ro thị trường:** Khung Quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản, Chính sách Quản lý sổ kinh doanh, Quy trình Quản lý Sổ kinh doanh.
- **Rủi ro pháp lý:** Khung Quản lý rủi ro pháp lý.
- **Rủi ro hoạt động:** Khung Quản lý rủi ro phi tài chính và Chính sách Quản lý rủi ro Phi tài chính, Quy trình Quản lý rủi ro phi tài chính và Quy trình Quản lý tính liên tục kinh doanh.
- **Rủi ro tuân thủ:** Khung Quản lý rủi ro tuân thủ.
- **Các rủi ro khác:** Khung Quản lý rủi ro doanh nghiệp.

**(v) Theo dõi rủi ro và báo cáo rủi ro**

Phòng Sản phẩm Cấu trúc có trách nhiệm theo dõi các vị thế rủi ro thị trường, biến động thị trường và gửi số liệu về Phòng Quản lý Rủi ro.

Phòng Quản lý Rủi ro có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu về các rủi ro xảy ra, các vị thế rủi ro thị trường, các rủi ro liên quan đến hoạt động chứng quyền cho:

- Khối Quản lý rủi ro của Tập đoàn Maybank;

- Ban Tổng Giám đốc;
- Hội đồng thành viên của MSVN.

**d) <u>Kiểm soát giao dịch, hạn mức tín dụng và ký quỹ</u>**

Phòng Sản phẩm Cấu trúc phối hợp với các phòng ban liên quan nhằm kiểm soát việc tuân thủ các quy định về giao dịch, hạn mức tín dụng và ký quỹ khi phát hành chứng quyền và các rủi ro trong phạm vi hạn mức đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

**Kiểm soát giao dịch:**

Công ty tuân thủ quy định về giao dịch chứng khoán cơ sở của SGDCK và quy định pháp luật có liên quan. Đối với giao dịch tự doanh: Các giao dịch đầu tư tự doanh phải được thực hiện trong phạm vi hạn mức đã được phê duyệt, phù hợp với quy định pháp luật tại từng thời kỳ và tuân thủ thẩm quyền phê duyệt theo Quy định phân quyền phê duyệt các giao dịch tự doanh của Công ty. Công ty quản lý, hạch toán độc lập danh mục chứng khoán phòng ngừa rủi ro và kiểm soát để đáp ứng các yêu cầu về mức độ phòng ngừa rủi ro theo quy định.

**Hạn mức tín dụng:**

Hạn mức chào bán chứng quyền không vượt quá phạm vi hạn mức do Hội đồng thành viên phê duyệt và tuân thủ các giới hạn theo quy định pháp luật.

**Ký quỹ phát hành chứng quyền:**

Công ty tuân thủ quy định về việc duy trì giá trị tài sản ký quỹ tối thiểu 50% giá trị chứng quyền đã phát hành, không tính số lượng chứng quyền đã hủy niêm yết. Tài sản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký phải được ký quỹ trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền và cho đến khi Tổ chức phát hành hoàn tất nghĩa vụ thanh toán đối với nhà đầu tư.

**e) <u>Tổ chức đánh giá tín dụng</u>**

Không có.

## 2. Phương án phòng ngừa rủi ro

### 2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro

Mục đích phòng ngừa rủi ro nhằm đảm bảo khả năng thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền, hạn chế những tổn thất do rủi ro gây ra một cách hiệu quả.

### 2.2. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro

**Nhiệm vụ của các bộ phận liên quan:**

**a) Cấp có thẩm quyền phê duyệt:**

- Phân cấp thẩm quyền quyết định các nội dung về rủi ro của MSVN được quy định đầy đủ trong Khung quản lý rủi ro doanh nghiệp, Khung quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản, Chính sách quản lý sổ kinh doanh và các quy định khác có liên quan. Các cấp phê duyệt tại MSVN bao gồm:

- Hội đồng thành viên;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Giám đốc Quản lý rủi ro hoặc người được ủy quyền.

- Các cấp có thẩm quyền thực hiện phê duyệt theo đúng thẩm quyền, quy định pháp luật và chịu trách nhiệm về các quyết định về rủi ro trong nghiệp vụ chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.
- Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Khung quản trị rủi ro doanh nghiệp, Khung quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản, Chính sách quản lý sổ kinh doanh và các quy định khác có liên quan.

**b) Phòng Quản lý rủi ro:**

- Đóng vai trò là Tuyến 2 trong cơ cấu quản trị rủi ro chứng quyền, có trách nhiệm giám sát, kiểm soát rủi ro và đánh giá hiệu quả kiểm soát rủi ro của Tuyến 1 nhằm hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tại Công ty.
- Có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu về các rủi ro xảy ra, các vị thế rủi ro thị trường, các rủi ro liên quan đến hoạt động chứng quyền cho:
  - Khối Quản lý rủi ro của Tập đoàn Maybank;
  - Ban Tổng giám đốc;
  - Hội đồng thành viên của MSVN.
- Đánh giá độc lập, cho ý kiến về rủi ro của các cổ phiếu cơ sở được Phòng Sản phẩm Cấu trúc lựa chọn cho từng đợt phát hành chứng quyền.
- Theo dõi độc lập, phối hợp với Phòng Sản phẩm Cấu trúc đề xuất phương án xử lí khi có vi phạm về tỷ lệ phòng ngừa rủi ro.

**c) Phòng Pháp chế:**

- Phối hợp với các đơn vị liên quan như Phòng Sản phẩm Cấu trúc và Phòng Quản lý Rủi ro nhằm đánh giá, tư vấn và xác định các rủi ro pháp lý phát sinh trong quá trình phát hành chứng quyền có bảo đảm.
- Chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng để cập nhật, phân tích và đánh giá những thay đổi trong hệ thống pháp luật theo từng thời kỳ, liên quan đến hoạt động phát hành và triển khai sản phẩm chứng quyền có bảo đảm tại MSVN, nhằm đảm bảo tính tuân thủ và hạn chế rủi ro pháp lý trong thực tiễn triển khai.

**d) Phòng Kiểm soát nội bộ:**

- Đóng vai trò là Tuyến 2 trong cơ cấu quản trị rủi ro chứng quyền, có trách nhiệm giám sát, kiểm soát rủi ro tuân thủ và đánh giá hiệu quả kiểm soát rủi ro tuân thủ của Tuyến 1 nhằm hoàn thiện

công tác quản trị rủi ro tại Công ty.

- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, các chính sách, quy trình nội bộ của hoạt động kinh doanh chứng quyền.

- Đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình vận hành chứng quyền nhằm đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh chứng quyền được thực hiện một cách minh bạch, nhất quán và đúng quy định pháp luật.

**e) Phòng Sản phẩm Cấu trúc – Bộ phận trực tiếp quản trị rủi ro trong việc phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền:**

- Là Tuyến 1 trong cơ cấu quản trị rủi ro chứng quyền, trực tiếp sở hữu và tiếp nhận rủi ro.

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất và triển khai phương án phát hành chứng quyền có bảo đảm theo từng giai đoạn cụ thể, nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh, đáp ứng mục tiêu chiến lược của Công ty, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy trình, quy định nội bộ.

- Thực hiện việc nhận diện sớm các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động nghiệp vụ; xây dựng và đề xuất các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro một cách kịp thời, hiệu quả.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình triển khai sản phẩm; tham mưu các giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo sản phẩm chứng quyền có bảo đảm được triển khai một cách an toàn và tối ưu.

- Tham gia phối hợp xử lý khi phát sinh rủi ro trong hoạt động giao dịch hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm; đảm bảo việc thực hiện đúng phạm vi chức năng, trách nhiệm được phân công.

- Khi phát hiện dấu hiệu hoặc nguy cơ rủi ro trong quá trình tác nghiệp, có trách nhiệm thông tin, báo cáo kịp thời đến các đơn vị liên quan để cùng phối hợp xử lý.

- Chủ động triển khai các hoạt động phòng ngừa rủi ro theo đúng quy định pháp luật, quy trình nội bộ và hướng dẫn của các đơn vị chức năng chuyên trách.

- Thực hiện việc lưu trữ đầy đủ, chính xác và đúng quy định đối với toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền có bảo đảm.

- Thực hiện đầy đủ các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

**f) Nhân sự trực tiếp thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền**

**(i) Phó Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro – Ông Nguyễn Anh Tuấn**

Trình độ học vấn: Tiến sĩ Kinh tế –Trường Đại học Kinh tế Vác-sa-va (SGH), Ba Lan.

Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 001030/QLQ do UBCKNN cấp.

**Quá trình làm việc:**

| Thời gian | Vị trí công tác |
|---|---|
| 2023 – nay | Phó Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank |
| 2020 – 2023 | Giám đốc Quản lý Rủi ro – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng |
| 2019 – 2020 | Trưởng phòng Quản lý Rủi ro Doanh nghiệp – Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB). |
| 2015 – 2019 | Giám đốc Rủi ro và Tuân thủ – Công ty Chứng khoán IB |
| 2011 – 2014 | Thư ký HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc/Quyền Tổng Giám đốc – Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam |
| 2007 – 2011 | Giám đốc Rủi ro và Kiểm soát nội bộ/ Giám đốc ISO/ Thư ký HĐQT – Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam |
| 2006 – 2007 | Cán bộ Kiểm toán nội bộ – Ngân hàng VIB Việt Nam |
| 2006 | Thư ký Thương mại Đại sứ quán Ba Lan tại Hà Nội |

**(ii) Chuyên viên cao cấp phòng Sản phẩm Cấu trúc – Bà Hoàng Ngọc Trâm**

Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế và Tài chính – Đại học RMIT.

Chứng chỉ: Chứng chỉ Phân tích Tài chính Quốc tế – Chartered Financial Analyst (CFA)

Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 002467/QLQ do UBCKNN cấp.

**Quá trình làm việc:**

| Thời gian | Vị trí công tác |
|---|---|
| 2023 – nay | Chuyên viên cao cấp phòng Sản phẩm Cấu trúc – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank |
| 2020 – 2023 | Chuyên viên phòng Tự doanh – Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV |

## 2.3. Nguyên tắc thực hiện tổng quát

MSVN áp dụng phương pháp phòng ngừa rủi ro trung hòa Delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, MSVN sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế của Tổ chức phát hành là trung hòa Delta (Delta = 0) khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

### 2.4. Chứng khoán phòng ngừa rủi ro

Tổ chức phát hành thực hiện phòng ngừa rủi ro cho các chứng quyền phát hành bằng cách:

- Mua hoặc bán chứng khoán cơ sở của chứng quyền; và/hoặc
- Mua hoặc bán các loại chứng khoán khác có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền do tổ chức khác phát hành.

### 2.5.Vị thế phòng ngừa rủi ro

- **Cách tính hệ số phòng ngừa rủi ro**

Hệ số phòng ngừa rủi ro được Tổ chức Phát hành áp dụng là Hệ số Delta.

Delta: Là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở. Delta được tính dựa theo công thức Black Scholes như sau

$$Delta_{CALL} = N(d_1)$$

*Trong đó:*

$Delta_{CALL}$ : *Giá trị delta của chứng quyền mua*

*N(d1)* : *Xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes*

$$d_1 = \frac{ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

*Trong đó:*

$X$ : *Giá thực hiện của chứng quyền*

$S$ : *Giá chứng khoán cơ sở*

$r_c$ : *Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm)*

$\sigma$ : *Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm)*

$T$ : *Thời gian còn lại của chứng quyền (tính theo năm)*

Chi tiết cách xác định các tham số đưa vào công thức:

| Tham số | Cơ sở tính toán | Ví dụ |
|---|---|---|
| Giá chứng khoán cơ sở (S) | Là giá trị biến đổi | 25.000 VND |
| Giá thực hiện (X) | Là giá trị cố định lấy theo giá thực hiện mà Tổ chức phát hành công bố trong Bản thông báo phát hành chứng quyền. Giá thực hiện này được điều chỉnh khi có sự kiện doanh nghiệp của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở | 27.000 VND |

| Tham số | Cơ sở tính toán | Ví dụ |
|---|---|---|
| Lãi suất phi rủi ro ($r_c$) | Là giá trị cố định, nhưng có thể được điều chỉnh khi Lợi suất Trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm thay đổi trên 1% | Trong khoảng 3%-6% |
| Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (do Tổ chức phát hành xác định) (σ) | Là giá trị cố định, nhưng có thể được điều chỉnh khi độ biến động giá chứng khoán cơ sở có thay đổi lớn. Được xác định dựa trên cơ sở độ biến động giá lịch sử của chứng khoán cơ sở trong vòng 12 tháng gần nhất và áp thêm kỳ vọng tương lai về biến động giá chứng khoán cơ sở | 20% - 100% |
| Thời gian còn lại đến Ngày đáo hạn (T) | Là giá trị biến đổi. Giá trị này được tính theo năm, và giảm dần theo thời gian còn lại của chứng quyền. Giá trị này bằng 0 tại thời điểm đáo hạn. | 0,583 (năm) |

- **Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết**

Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết là số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến cần phải nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền xác định theo phương án phòng ngừa rủi ro của Tổ chức phát hành.

**Công thức tính toán vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết:**

$$P = Delta_{CALL} \times OI / k$$

*Trong đó:*

*P* : *Số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền*

*$Delta_{CALL}$* : *Hệ số phòng ngừa rủi ro delta của chứng quyền mua, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở, được tính dựa trên công thức Black Scholes*

*OI* : *Được tính bằng số lượng chứng quyền đang lưu hành của đợt phát hành cộng với số lượng chứng quyền đã bán từ tài khoản tự doanh của Tổ chức phát hành nhưng chưa được VSDC thực hiện bút toán ghi sổ vào tài khoản của nhà đầu tư trừ đi chứng quyền chờ về tài khoản tự doanh của Tổ chức phát hành*

*k* : *Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền*

**Giá lý thuyết của chứng quyền mua theo Công thức Black Scholes:**

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

Với

$$d_1 = \frac{ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$
$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

*Trong đó:*

| | | |
|---|---|---|
| *C* | : | *Giá lý thuyết của chứng quyền mua* |
| *N (d1), N(d2)* | : | *Xác suất phân phối chuẩn tích lũy* |
| *X* | : | *Giá thực hiện của chứng quyền* |
| *S* | : | *Giá chứng khoán cơ sở hiện tại* |
| *T* | : | *Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến Ngày đáo hạn chứng quyền/365* |
| *rc* | : | *Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm)* |
| *σ* | : | *Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm)* |
| *k* | : | *Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền* |

**Giá trị hệ số Delta của chứng quyền mua theo mô hình Black Scholes:**

$$Delta_{CALL} = N(d_1)$$

*Trong đó:*

| | | |
|---|---|---|
| *DeltaCALL* | : | *Giá trị delta của chứng quyền mua* |
| *N(d1)* | : | *Xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes* |

**Công thức quy đổi vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết theo số lượng chứng khoán cơ sở khi sử dụng chứng quyền do các tổ chức phát hành khác để làm tài sản phòng ngừa rủi cho cho chứng quyền**:

$$\mathbf{Q_{thực\ tế} = Q_S + Q_{CWO}/K_{CWO}}$$

*Trong đó:*

| | | |
|---|---|---|
| *Qthực tế* | : | *Số lượng chứng khoán cơ sở quy đổi cho việc phòng ngừa rủi ro* |
| *$Q_S$* | : | *Số lượng chứng khoán cơ sở* |
| *$Q_{CWO}$* | : | *Số lượng chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở phát hành bởi tổ chức phát hành khác* |
| *$K_{CWO}$* | : | *Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở phát hành bởi tổ chức phát hành khác* |

### 3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền có bảo đảm của Tổ chức phát hành

Bộ phận Sản phẩm Cấu trúc của MSVN chịu trách nhiệm tổ chức triển khai toàn bộ hoạt động liên quan đến sản phẩm chứng quyền, bao gồm: lựa chọn chứng khoán cơ sở, thực hiện tạo lập thị trường hàng ngày và phối hợp với Phòng Quản lý rủi ro để thiết lập, giám sát và vận hành các biện pháp quản trị rủi ro đối với từng mã chứng quyền phát hành. Đội ngũ nhân sự phụ trách có chuyên môn phù hợp, được đào tạo bài bản về nghiệp vụ định giá, quản trị danh mục và vận hành sản phẩm cấu trúc theo quy định pháp luật và thông lệ thị trường.

MSVN có năng lực tài chính ổn định, các chỉ tiêu an toàn vốn luôn duy trì ở mức cao theo yêu cầu của cơ quan quản lý, đảm bảo khả năng thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến chứng quyền đối với nhà đầu tư. Đồng thời, hệ thống công nghệ hiện đại của Công ty đáp ứng yêu cầu vận hành tạo lập thị trường và giao dịch chứng quyền với khối lượng lớn, bảo đảm khả năng cung ứng thanh khoản cho nhà đầu tư trong suốt thời gian tồn tại của chứng quyền.

Các đợt phát hành chứng quyền MSVN đã thực hiện:

- Đợt 1 (tháng 09/2025): Phát hành 10 mã chứng quyền trên các chứng khoán cơ sở FPT, HPG, MWG, STB, và VPB, với tổng khối lượng chào bán là 100.000.000 (một trăm triệu) chứng quyền.
- Đợt 2 (tháng 05/2026): Phát hành 13 mã chứng quyền trên các chứng khoán cơ sở FPT, HPG, LPB, MSN, MWG, STB, VHM và VPB, với tổng khối lượng chào bán là 104.000.000 (một trăm lẻ bốn triệu) chứng quyền.
  (Chi tiết các đợt phát hành chứng quyền của MSVN như nêu tại Điều 2.4 Mục V phía trên).

## IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. NGÂN HÀNG LƯU KÝ

| | | |
|---|---|---|
| Ngân hàng lưu ký | : | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa |
| Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán | : | Quyết định số 16/GPHĐLK do Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003 |
| Địa chỉ | : | Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCO số 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Điện thoại | : | +84 28 3821 8812 |
| Website | : | https://bidv.com.vn/ |
| Đại diện ký theo Quyết định | : | Quyết định ủy quyền số 5259/QĐ-BIDV ngày 01/07/2026 của Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam |

Tổ chức phát hành cam kết về việc Tổ chức phát hành không phải là người có liên quan của Ngân hàng lưu ký theo quy định của pháp luật chứng khoán.

## 2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

| | | |
|---|---|---|
| Công ty | : | Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam |
| Trụ sở chính | : | Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Điện thoại | : | +84 28 3824 5252 |
| Website | : | https://www.ey.com/vi_vn |

## X. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi và các chi nhánh của chúng tôi tham gia vào các hoạt động đầu tư, môi giới, tư vấn và các hoạt động khác và có thể có thông tin quan trọng về Công ty và/hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty và/hoặc chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin và/hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến các Công ty và/hoặc chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.

Chúng tôi cam kết không phải người có liên quan với Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa và Tổ chức kiểm toán.

## XI. CAM KẾT

Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 09 năm 2026

**NGÂN HÀNG LƯU KÝ**

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA
TP.HỒ CHÍ MINH

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

S.G.P: 117 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK
P.XUÂN HÒA - T.P HỒ CHÍ MINH

**Kim Thiên Quang**

## XII.PHỤ LỤC

1. Giấy phép thành lập và hoạt động của Tổ chức phát hành;
2. Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm;
3. Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc dừng đăng ký chào bán chứng quyền TPB/MSVN/7M/0126;
4. Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán.

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Số: 117/GP-UBCK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2014*

# CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 112/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;

Xét Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Kinh doanh Chứng khoán,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho:

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài:
  **MAYBANK KIM ENG SECURITIES LIMITED**
- Tên Viết tắt: **MBKE**
- Trụ sở chính: **Tầng 4A-15+16 Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**
- Vốn điều lệ: **300.000.000.000 VNĐ** *(Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng)*
- Vốn pháp định: **300.000.000.000 VNĐ** *(Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng)*
- Thời gian hoạt động: **Vô thời hạn**

- Thông tin về Chủ sở hữu:

| Tên chủ sở hữu | Nơi đăng ký trụ sở chính (đối với tổ chức) | Số Giấy CNĐKKD/ Giấy phép | Quốc tịch | Tỷ lệ nắm giữ |
|---|---|---|---|---|
| Maybank Kim Eng Holdings Limited | 50 North Canal Road #03-01 Singapore 059304 | 198900204D cấp ngày 17/01/1989 tại Singapore | Singapore | 100 % |

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Chức danh: ***Tổng Giám đốc***

Họ và tên: ***Nguyễn Hoàng Thiên Trúc*** Giới tính: ***Nam***

Sinh ngày: ***14/04/1976*** Dân tộc: ***Kinh*** Quốc tịch: ***Việt Nam***

Chứng minh thư nhân dân số: ***022 855 383***

Ngày cấp: ***06/01/2004*** Nơi cấp: ***Công an Tp. Hồ Chí Minh***

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ***308 Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh***

Chỗ ở hiện tại: ***79/26 Đường số 12, phường Bình An, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh.***

**Điều 2.** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng được phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán sau đây:

1. Môi giới chứng khoán;
2. Tự doanh chứng khoán;
3. Tư vấn đầu tư chứng khoán;
4. Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

**Điều 3.** Trong quá trình hoạt động, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ của Công ty.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Giấy phép thành lập và hoạt động số 71/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007.

**Điều 5.** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng.

**Điều 6.** Giấy phép này được lập thành hai (02) bản chính; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng giữ một (01) bản; Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước giữ một (01) bản.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Long**

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính

Ngày: 05/09/2026

Số chứng thực:.....Quyển số.9/2026...-SCT/BS

Công Chứng Viên

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG CHÂU Á
P. XUÂN HÒA - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Tiến Quyện

BỘ TÀI CHÍNH
**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Số: 68 /GPĐC-UBCK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2026*

# GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH
## Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán

## CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;*

*Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 03 tháng 01 năm 2014 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank);*

*Căn cứ Hồ sơ đề nghị thay đổi vốn điều lệ của của Công ty trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank;*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý kinh doanh chứng khoán.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 03 tháng 01 năm 2014 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank với nội dung như sau:

Vốn điều lệ: 3.496.600.000.000 đồng *(Ba nghìn bốn trăm chín mươi sáu tỷ sáu trăm triệu đồng).*

**Điều 2.** Giấy phép điều chỉnh này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 03 tháng 01 năm 2014 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank.

**Điều 3.** Giấy phép điều chỉnh được lập thành hai (02) bản gốc: 01 bản cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thị Việt Nga**

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính

Ngày: 12 -06- 2026

Số chứng thực 033485 Quyển số 6/2026 -SCT/BS

Công Chứng Viên

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG CHÂU Á

Tường Thị Nguyên Ngọc

SAO Y BẢN CHÍNH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN MAYBANK
Số: 2907-1 /26/QĐ-HĐTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---oOo---

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2026*

Nguyễn Võ Vân Hà
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

# QUYẾT ĐỊNH
# HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

## HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank ("Công ty"), được sửa đổi tại từng thời điểm ("Điều lệ");
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 29 tháng 07 năm 2026.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Thông qua phương án chào bán mười lăm (15) chứng quyền có bảo đảm của Công ty với thông tin cụ thể của từng chứng quyền như sau:

| | | | |
|---|---|---|---|
| 1) | **Tên chứng quyền có bảo đảm** | : | Chứng quyền ACB/MSVN/7M/0126 |
| | **Tên (mã) chứng khoán cơ sở** | : | ACB |
| | **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | : | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu |
| | **Loại chứng quyền** | : | Chứng quyền mua |
| | **Kiểu thực hiện** | : | Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn |
| | **Phương thức thực hiện chứng quyền** | : | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| | **Thời hạn của chứng quyền** | : | 7 tháng |
| | **Ngày phát hành dự kiến** | : | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| | **Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến** | : | Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| | **Ngày đáo hạn dự kiến** | : | Trong tháng 5/2027 - 7/2027 |
| | **Tỷ lệ chuyển đổi** | : | 2:1 |
| | **Giá thực hiện/ Khoảng giá thực hiện** | : | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| | **Giá chào bán/ Khoảng giá chào bán** | : | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tổng số lượng chào bán** | : | 6.000.000 chứng quyền |
| | **Tổng giá trị chào bán** | : | Từ 6.000.000.000 VND đến 18.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc được bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký |
| | **Ngày niêm yết dự kiến** | : | Theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **2)** | **Tên chứng quyền có bảo đảm** | : | Chứng quyền FPT/MSVN/7M/0226 |
| | **Tên (mã) chứng khoán cơ sở** | : | FPT |
| | **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | : | Công ty Cổ phần FPT |
| | **Loại chứng quyền** | : | Chứng quyền mua |
| | **Kiểu thực hiện** | : | Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn |
| | **Phương thức thực hiện chứng quyền** | : | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| | **Thời hạn của chứng quyền** | : | 7 tháng |
| | **Ngày phát hành dự kiến** | : | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| | **Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến** | : | Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| | **Ngày đáo hạn dự kiến** | : | Trong tháng 5/2027 - 7/2027 |
| | **Tỷ lệ chuyển đổi** | : | 6:1 |
| | **Giá thực hiện/ Khoảng giá thực hiện** | : | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| | **Giá chào bán/ Khoảng giá chào bán** | : | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tổng số lượng chào bán** | : | 10.000.000 chứng quyền |
| | **Tổng giá trị chào bán** | : | Từ 10.000.000.000 VND đến 30.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc được bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký |
| | **Ngày niêm yết dự kiến** | : | Theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **3)** | **Tên chứng quyền có bảo đảm** | : | Chứng quyền FPT/MSVN/10M/0326 |
| | **Tên (mã) chứng khoán cơ sở** | : | FPT |
| | **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | : | Công ty Cổ phần FPT |
| | **Loại chứng quyền** | : | Chứng quyền mua |
| | **Kiểu thực hiện** | : | Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn |
| | **Phương thức thực hiện chứng quyền** | : | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| | **Thời hạn của chứng quyền** | : | 10 tháng |
| | **Ngày phát hành dự kiến** | : | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| | **Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến** | : | Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| | **Ngày đáo hạn dự kiến** | : | Trong tháng 8/2027 - 10/2027 |
| | **Tỷ lệ chuyển đổi** | : | 6:1 |
| | **Giá thực hiện/ Khoảng giá thực hiện** | : | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| | **Giá chào bán/ Khoảng giá chào bán** | : | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tổng số lượng chào bán** | : | 10.000.000 chứng quyền |
| | **Tổng giá trị chào bán** | : | Từ 10.000.000.000 VND đến 30.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc được bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | **Ngày niêm yết dự kiến** | : | Theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **4)** | **Tên chứng quyền có bảo đảm** | : | Chứng quyền HDB/MSVN/7M/0126 |
| | **Tên (mã) chứng khoán cơ sở** | : | HDB |
| | **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | : | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh |
| | **Loại chứng quyền** | : | Chứng quyền mua |
| | **Kiểu thực hiện** | : | Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn |
| | **Phương thức thực hiện chứng quyền** | : | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| | **Thời hạn của chứng quyền** | : | 7 tháng |
| | **Ngày phát hành dự kiến** | : | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| | **Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến** | : | Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| | **Ngày đáo hạn dự kiến** | : | Trong tháng 5/2027 - 7/2027 |
| | **Tỷ lệ chuyển đổi** | : | 2:1 |
| | **Giá thực hiện/ Khoảng giá thực hiện** | : | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| | **Giá chào bán/ Khoảng giá chào bán** | : | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tổng số lượng chào bán** | : | 6.000.000 chứng quyền |
| | **Tổng giá trị chào bán** | : | Từ 6.000.000.000 VND đến 18.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc được bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký |
| | **Ngày niêm yết dự kiến** | : | Theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **5)** | **Tên chứng quyền có bảo đảm** | : | Chứng quyền HPG/MSVN/7M/0326 |
| | **Tên (mã) chứng khoán cơ sở** | : | HPG |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | : | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát |
| | **Loại chứng quyền** | : | Chứng quyền mua |
| | **Kiểu thực hiện** | : | Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn |
| | **Phương thức thực hiện chứng quyền** | : | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| | **Thời hạn của chứng quyền** | : | 7 tháng |
| | **Ngày phát hành dự kiến** | : | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| | **Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến** | : | Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| | **Ngày đáo hạn dự kiến** | : | Trong tháng 5/2027 - 7/2027 |
| | **Tỷ lệ chuyển đổi** | : | 2:1 |
| | **Giá thực hiện/ Khoảng giá thực hiện** | : | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| | **Giá chào bán/ Khoảng giá chào bán** | : | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tổng số lượng chào bán** | : | 10.000.000 chứng quyền |
| | **Tổng giá trị chào bán** | : | Từ 10.000.000.000 VND đến 30.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc được bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký |
| | **Ngày niêm yết dự kiến** | : | Theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **6)** | **Tên chứng quyền có bảo đảm** | : | Chứng quyền HPG/MSVN/10M/0426 |
| | **Tên (mã) chứng khoán cơ sở** | : | HPG |
| | **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | : | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát |
| | **Loại chứng quyền** | : | Chứng quyền mua |
| | **Kiểu thực hiện** | : | Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn |
| | **Phương thức thực hiện chứng quyền** | : | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| | **Thời hạn của chứng quyền** | : | 10 tháng |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | **Ngày phát hành dự kiến** | : | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| | **Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến** | : | Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| | **Ngày đáo hạn dự kiến** | : | Trong tháng 8/2027 - 10/2027 |
| | **Tỷ lệ chuyển đổi** | : | 2:1 |
| | **Giá thực hiện/ Khoảng giá thực hiện** | : | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| | **Giá chào bán/ Khoảng giá chào bán** | : | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tổng số lượng chào bán** | : | 10.000.000 chứng quyền |
| | **Tổng giá trị chào bán** | : | Từ 10.000.000.000 VND đến 30.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc được bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký |
| | **Ngày niêm yết dự kiến** | : | Theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 7) | **Tên chứng quyền có bảo đảm** | : | Chứng quyền MSN/MSVN/7M/0326 |
| | **Tên (mã) chứng khoán cơ sở** | : | MSN |
| | **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | : | Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan |
| | **Loại chứng quyền** | : | Chứng quyền mua |
| | **Kiểu thực hiện** | : | Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn |
| | **Phương thức thực hiện chứng quyền** | : | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| | **Thời hạn của chứng quyền** | : | 7 tháng |
| | **Ngày phát hành dự kiến** | : | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| | **Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến** | : | Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| | **Ngày đáo hạn dự kiến** | : | Trong tháng 5/2027 - 7/2027 |
| | **Tỷ lệ chuyển đổi** | : | 6:1 |
| | **Giá thực hiện/ Khoảng giá thực hiện** | : | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| | **Giá chào bán/ Khoảng giá chào bán** | : | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tổng số lượng chào bán** | : | 6.000.000 chứng quyền |
| | **Tổng giá trị chào bán** | : | Từ 6.000.000.000 VND đến 18.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc được bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký |
| | **Ngày niêm yết dự kiến** | : | Theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **8)** | **Tên chứng quyền có bảo đảm** | : | Chứng quyền SHB/MSVN/7M/0126 |
| | **Tên (mã) chứng khoán cơ sở** | : | SHB |
| | **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | : | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội |
| | **Loại chứng quyền** | : | Chứng quyền mua |
| | **Kiểu thực hiện** | : | Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn |
| | **Phương thức thực hiện chứng quyền** | : | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| | **Thời hạn của chứng quyền** | : | 7 tháng |
| | **Ngày phát hành dự kiến** | : | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| | **Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến** | : | Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| | **Ngày đáo hạn dự kiến** | : | Trong tháng 5/2027 - 7/2027 |
| | **Tỷ lệ chuyển đổi** | : | 2:1 |
| | **Giá thực hiện/ Khoảng giá thực hiện** | : | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| | **Giá chào bán/ Khoảng giá chào bán** | : | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tổng số lượng chào bán** | : | 6.000.000 chứng quyền |
| | **Tổng giá trị chào bán** | : | Từ 6.000.000.000 VND đến 18.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc được bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký |
| | **Ngày niêm yết dự kiến** | : | Theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 9) | **Tên chứng quyền có bảo đảm** | : | Chứng quyền STB/MSVN/7M/0326 |
| | **Tên (mã) chứng khoán cơ sở** | : | STB |
| | **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | : | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Tài Lộc |
| | **Loại chứng quyền** | : | Chứng quyền mua |
| | **Kiểu thực hiện** | : | Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn |
| | **Phương thức thực hiện chứng quyền** | : | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| | **Thời hạn của chứng quyền** | : | 7 tháng |
| | **Ngày phát hành dự kiến** | : | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| | **Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến** | : | Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| | **Ngày đáo hạn dự kiến** | : | Trong tháng 5/2027 - 7/2027 |
| | **Tỷ lệ chuyển đổi** | : | 5:1 |
| | **Giá thực hiện/ Khoảng giá thực hiện** | : | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| | **Giá chào bán/ Khoảng giá chào bán** | : | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tổng số lượng chào bán** | : | 10.000.000 chứng quyền |
| | **Tổng giá trị chào bán** | : | Từ 10.000.000.000 VND đến 30.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc được bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký |
| | **Ngày niêm yết dự kiến** | : | Theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **10)** | **Tên chứng quyền có bảo đảm** | : | Chứng quyền TPB/MSVN/7M/0126 |
| | **Tên (mã) chứng khoán cơ sở** | : | TPB |
| | **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | : | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong |
| | **Loại chứng quyền** | : | Chứng quyền mua |
| | **Kiểu thực hiện** | : | Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn |
| | **Phương thức thực hiện chứng quyền** | : | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| | **Thời hạn của chứng quyền** | : | 7 tháng |
| | **Ngày phát hành dự kiến** | : | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| | **Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến** | : | Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| | **Ngày đáo hạn dự kiến** | : | Trong tháng 5/2027 - 7/2027 |
| | **Tỷ lệ chuyển đổi** | : | 2:1 |
| | **Giá thực hiện/ Khoảng giá thực hiện** | : | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| | **Giá chào bán/ Khoảng giá chào bán** | : | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tổng số lượng chào bán** | : | 6.000.000 chứng quyền |
| | **Tổng giá trị chào bán** | : | Từ 6.000.000.000 VND đến 18.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc được bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký |
| | **Ngày niêm yết dự kiến** | : | Theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **11)** | **Tên chứng quyền có bảo đảm** | : | Chứng quyền VNM/MSVN/7M/0126 |
| | **Tên (mã) chứng khoán cơ sở** | : | VNM |
| | **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | : | Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam |
| | **Loại chứng quyền** | : | Chứng quyền mua |
| | **Kiểu thực hiện** | : | Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn |
| | **Phương thức thực hiện chứng quyền** | : | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| | **Thời hạn của chứng quyền** | : | 7 tháng |
| | **Ngày phát hành dự kiến** | : | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| | **Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến** | : | Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| | **Ngày đáo hạn dự kiến** | : | Trong tháng 5/2027 - 7/2027 |
| | **Tỷ lệ chuyển đổi** | : | 5:1 |
| | **Giá thực hiện/ Khoảng giá thực hiện** | : | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| | **Giá chào bán/ Khoảng giá chào bán** | : | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tổng số lượng chào bán** | : | 6.000.000 chứng quyền |
| | **Tổng giá trị chào bán** | : | Từ 6.000.000.000 VND đến 18.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc được bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | **Ngày niêm yết dự kiến** | : | Theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **12)** | **Tên chứng quyền có bảo đảm** | : | Chứng quyền VNM/MSVN/10M/0226 |
| | **Tên (mã) chứng khoán cơ sở** | : | VNM |
| | **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | : | Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam |
| | **Loại chứng quyền** | : | Chứng quyền mua |
| | **Kiểu thực hiện** | : | Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn |
| | **Phương thức thực hiện chứng quyền** | : | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| | **Thời hạn của chứng quyền** | : | 10 tháng |
| | **Ngày phát hành dự kiến** | : | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| | **Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến** | : | Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| | **Ngày đáo hạn dự kiến** | : | Trong tháng 8/2027 - 10/2027 |
| | **Tỷ lệ chuyển đổi** | : | 5:1 |
| | **Giá thực hiện/ Khoảng giá thực hiện** | : | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| | **Giá chào bán/ Khoảng giá chào bán** | : | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tổng số lượng chào bán** | : | 6.000.000 chứng quyền |
| | **Tổng giá trị chào bán** | : | Từ 6.000.000.000 VND đến 18.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc được bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký |
| | **Ngày niêm yết dự kiến** | : | Theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **13)** | **Tên chứng quyền có bảo đảm** | : | Chứng quyền VPB/MSVN/7M/0226 |
| | **Tên (mã) chứng khoán cơ sở** | : | VPB |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | : | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng |
| | **Loại chứng quyền** | : | Chứng quyền mua |
| | **Kiểu thực hiện** | : | Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn |
| | **Phương thức thực hiện chứng quyền** | : | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| | **Thời hạn của chứng quyền** | : | 7 tháng |
| | **Ngày phát hành dự kiến** | : | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| | **Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến** | : | Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| | **Ngày đáo hạn dự kiến** | : | Trong tháng 5/2027 - 7/2027 |
| | **Tỷ lệ chuyển đổi** | : | 2:1 |
| | **Giá thực hiện/ Khoảng giá thực hiện** | : | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| | **Giá chào bán/ Khoảng giá chào bán** | : | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tổng số lượng chào bán** | : | 10.000.000 chứng quyền |
| | **Tổng giá trị chào bán** | : | Từ 10.000.000.000 VND đến 30.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc được bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký |
| | **Ngày niêm yết dự kiến** | : | Theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **14)** | **Tên chứng quyền có bảo đảm** | : | Chứng quyền VPB/MSVN/10M/0326 |
| | **Tên (mã) chứng khoán cơ sở** | : | VPB |
| | **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | : | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng |
| | **Loại chứng quyền** | : | Chứng quyền mua |
| | **Kiểu thực hiện** | : | Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | **Phương thức thực hiện chứng quyền** | : | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| | **Thời hạn của chứng quyền** | : | 10 tháng |
| | **Ngày phát hành dự kiến** | : | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| | **Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến** | : | Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| | **Ngày đáo hạn dự kiến** | : | Trong tháng 8/2027 - 10/2027 |
| | **Tỷ lệ chuyển đổi** | : | 2:1 |
| | **Giá thực hiện/ Khoảng giá thực hiện** | : | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| | **Giá chào bán/ Khoảng giá chào bán** | : | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tổng số lượng chào bán** | : | 10.000.000 chứng quyền |
| | **Tổng giá trị chào bán** | : | Từ 10.000.000.000 VND đến 30.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc được bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký |
| | **Ngày niêm yết dự kiến** | : | Theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **15)** | **Tên chứng quyền có bảo đảm** | : | Chứng quyền VRE/MSVN/7M/0126 |
| | **Tên (mã) chứng khoán cơ sở** | : | VRE |
| | **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | : | Công ty Cổ phần Vincom Retail |
| | **Loại chứng quyền** | : | Chứng quyền mua |
| | **Kiểu thực hiện** | : | Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn |
| | **Phương thức thực hiện chứng quyền** | : | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| | **Thời hạn của chứng quyền** | : | 7 tháng |
| | **Ngày phát hành dự kiến** | : | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| | **Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến** | : | Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| | **Ngày đáo hạn dự kiến** | : | Trong tháng 5/2027 - 7/2027 |
| | **Tỷ lệ chuyển đổi** | : | 3:1 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | **Giá thực hiện/ Khoảng giá thực hiện** | : | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| | **Giá chào bán/ Khoảng giá chào bán** | : | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tổng số lượng chào bán** | : | 6.000.000 chứng quyền |
| | **Tổng giá trị chào bán** | : | Từ 6.000.000.000 VND đến 18.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc được bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký |
| | **Ngày niêm yết dự kiến** | : | Theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

Việc chào bán, đăng ký lưu ký và niêm yết từng chứng quyền sẽ phụ thuộc vào chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật áp dụng riêng đối với từng chứng quyền. Việc bất kỳ chứng quyền nào trong các chứng quyền nêu trên không thể đăng ký chào bán, không được chấp thuận, không thể phát hành được hoặc không thể đăng ký lưu ký, niêm yết vì bất kỳ lý do gì tại từng thời điểm sẽ không làm ảnh hưởng đến các chứng quyền còn lại, và vì thế chấp thuận của Hội đồng thành viên đối với (các) chứng quyền còn lại sẽ vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành.

**Điều 2.** Thông qua việc đăng ký, lưu ký chứng quyền và việc niêm yết chứng quyền.

Toàn bộ chứng quyền được chào bán sẽ được đăng ký, lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sau khi Công ty hoàn thành phân phối chứng quyền phù hợp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**Điều 3.** Giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện các công việc sau đây:

1. Quyết định các vấn đề cụ thể liên quan đến quy định chi tiết chào bán và triển khai thực hiện chào bán chứng quyền có bảo đảm, bao gồm nhưng không giới hạn (i) quyết định ngày phát hành, ngày đáo hạn, ngày niêm yết chứng quyền (ii) quyết định giá thực hiện,

giá chào bán và các điều khoản khác của chứng quyền phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình hoạt động thực tế của Công ty và tình hình thị trường (iii) chi tiết thực hiện phân phối chứng quyền (iv) thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để chào bán chứng quyền.

2. Phê duyệt và ký, ban hành các hồ sơ, tài liệu, văn bản, quyết định, quy định, quy trình, thỏa thuận, hợp đồng, văn bản giải trình, sửa đổi, bổ sung hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc đăng ký chào bán chứng quyền với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật và bất kỳ hồ sơ, tài liệu, văn bản liên quan đến và/hoặc phát sinh từ việc đăng ký chào bán chứng quyền và thực hiện phân phối chứng quyền phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quyết định tài sản bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm, ngân hàng lưu ký và ký các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu với ngân hàng lưu ký để thực hiện việc tiếp nhận, ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán tại ngân hàng lưu ký và các công việc khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Quyết định thực hiện các thủ tục và ký, ban hành các hồ sơ, tài liệu, văn bản, quyết định cần thiết theo quy định của pháp luật để đăng ký, lưu ký chứng quyền tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và niêm yết chứng quyền tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm các hồ sơ thay đổi đăng ký lưu ký và/hoặc thay đổi niêm yết.

5. Quyết định sửa đổi, bổ sung các thông tin và điều khoản của từng chứng quyền đã được phê duyệt tại Quyết định này, bao gồm nhưng không giới hạn việc thay đổi tên chứng quyền, kiểu thực hiện, phương thức thực hiện, ngày phát hành, ngày niêm yết, ngày giao dịch cuối cùng, ngày đáo hạn và các thông số, điều khoản khác của chứng quyền nhằm phù hợp với điều kiện phát hành thực tế của Công ty, tình hình thị trường, nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty; đồng thời quyết định, phê duyệt và ký ban hành các văn bản, tài liệu cần thiết để thực hiện các nội dung sửa đổi, bổ sung đó.

6. Quyết định việc thực hiện các công việc cần thiết khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty để hoàn tất các công việc tại Quyết định này.

Tổng Giám đốc có quyền phân công và ủy quyền lại cho các cá nhân, người lao động, phòng ban có liên quan của Công ty để thực hiện các công việc nêu trên tại các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổng Giám đốc của Công ty và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để thi hành quyết định trên theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**
**CHỦ TỊCH**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

**PHILIP TAN PUAY KOON**

SAO Y BẢN CHÍNH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN MAYBANK
Số: 2408-1 /26/QĐ-HĐTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---oOo---

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2026*

Nguyễn Võ Văn Hà
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

# QUYẾT ĐỊNH
# HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

## HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank ("Công ty"), được sửa đổi tại từng thời điểm ("Điều lệ");
- Căn cứ Quyết định số 2907-1/26/QĐ-HĐTV ngày 29/07/2026 của Hội đồng thành viên Công ty ("Quyết định 2907-1/26/QĐ-HĐTV");
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty ngày 24 / 08 / 2026.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Thông qua việc không tiếp tục thực hiện đăng ký chào bán đối với một (01) chứng quyền có bảo đảm của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank. Lý do: Chứng khoán cơ sở của chứng quyền nêu dưới đây không còn nằm trong danh sách chứng khoán đáp ứng tiêu chí chào bán chứng quyền theo Danh sách do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) công bố. Thông tin chi tiết của chứng quyền như sau:

| | | | |
|---|---|---|---|
| 1) | **Tên chứng quyền có bảo đảm** | : | Chứng quyền TPB/MSVN/7M/0126 |
| | **Tên (mã) chứng khoán cơ sở** | : | TPB |
| | **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** | : | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong |
| | **Loại chứng quyền** | : | Chứng quyền mua |
| | **Kiểu thực hiện** | : | Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn |
| | **Phương thức thực hiện chứng quyền** | : | Chứng quyền được thanh toán bằng tiền |
| | **Thời hạn của chứng quyền** | : | 7 tháng |
| | **Ngày phát hành dự kiến** | : | Trong tháng 10/2026 - 12/2026 |
| | **Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến** | : | Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn |
| | **Ngày đáo hạn dự kiến** | : | Trong tháng 5/2027 - 7/2027 |
| | **Tỷ lệ chuyển đổi** | : | 2:1 |
| | **Giá thực hiện/ Khoảng giá thực hiện** | : | Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán |
| | **Giá chào bán/ Khoảng giá chào bán** | : | Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 3.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tổng số lượng chào bán** | : | 6.000.000 chứng quyền |
| | **Tổng giá trị chào bán** | : | Từ 6.000.000.000 VND đến 18.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty |
| | **Tài sản bảo đảm thanh toán** | : | Tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc được bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký |
| | **Ngày niêm yết dự kiến** | : | Theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

Việc không tiếp tục thực hiện đăng ký chào bán đối với một (01) chứng quyền nêu trên không ảnh hưởng đến việc chào bán và niêm yết mười bốn (14) chứng quyền còn lại theo Quyết định số 2907-1/26/QĐ-HĐTV về việc thông qua phương án chào bán và việc niêm yết mười lăm (15) chứng quyền của MSVN.

**Điều 2.** Thông qua việc không tiếp tục thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký chứng quyền tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và việc không tiếp tục thực hiện các thủ tục niêm yết tại HOSE đối với một (01) chứng quyền nêu tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 3.** Giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty toàn quyền ký các văn bản cần thiết, thực hiện toàn bộ công việc, hồ sơ, thủ tục với các cơ quan quản lý nhà nước, VSDC, HOSE và các tổ chức có liên quan nhằm thực hiện việc rút, điều chỉnh, chấm dứt hoặc không tiếp tục thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chào bán, đăng ký lưu ký và niêm yết đối với một (01) chứng quyền quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổng Giám đốc của Công ty và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để thi hành Quyết định trên theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

**CHỦ TỊCH**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

**PHILIP TAN PUAY KOON**

Mẫu 02/CW
Template 02/CW

Legal Checked

# HỢP ĐỒNG KÝ QUỸ
# BẢO ĐẢM THANH TOÁN
# PAYMENT GUARANTEE DEPOSITORY CONTRACT

**Số: 2209.26../2026 – HĐKQ.MSVN**
**Number: 2209.26../2026 – HĐKQ.MSVN**

**GIỮA**
**BETWEEN**

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK**
**MAYBANK SECURITIES LIMITED**

**với tư cách là Tổ Chức Phát Hành**
**as the Issuer**

**- và -**
**- and -**

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA**
**JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM – NAM KY KHOI NGHIA BRANCH**

**với tư cách là Ngân Hàng Lưu Ký**
**as the Depository Bank**

NGÀY 22 THÁNG 09 NĂM 2026
DATE ..... 22 / 09 / 2026

**HỢP ĐỒNG KÝ QUỸ BẢO ĐẢM THANH TOÁN** này (sau đây gọi là "**Hợp Đồng Ký Quỹ**") được ký kết vào ngày 22 tháng 09 năm 2026 bởi và giữa:
This **Payment Guarantee Depository Contract** (hereinafter referred to as the "**Depository Contract**") is entered into on .....22/09/2026 by and between:

**A. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK**

| | | |
|---|---|---|
| Địa chỉ | : | VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, Số 05 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | : | Giấy chứng nhận đăng doanh nghiệp số 0305367563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2007 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) |
| Giấy phép thành lập và hoạt động | : | Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 01 năm 2014 và các giấy phép sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm |
| Điện thoại | : | (84) 28 44 555 888 |
| Fax | : | (84) 28 38 271 030 |
| Người đại diện | : | **Nguyễn Võ Vân Hà** Chức vụ: **Giám đốc Tài Chính** |
| Văn bản ủy quyền | : | Quyết định ủy quyền số 034/25/QĐ-MSVN ngày 22/10/2025 của Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank |

*(Sau đây gọi là "**Bên A**" hoặc "**Tổ Chức Phát Hành**")*

**A. MAYBANK SECURITIES LIMITED**

| | | |
|---|---|---|
| Address | : | VP-10-01, Floor 10, Pearl 5 Tower, 05 Le Quy Don Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam |
| Enterprise Registration Certificate | : | Enterprise Registration Certificate no. 0305367563 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the first time on 14 December 2007 (amended and supplemented from time to time) |
| Establishment and operation license | : | License for establishment and operation no. 117/GP-UBCK issued by the State Securities Commission of Vietnam on 03 January 2014 and its amendments from time to time |
| Phone | : | (84) 28 44 555 888 |
| Fax | : | (84) 28 38 271 030 |
| Representative | : | **Nguyen Vo Van Ha** Position: **Chief Financial Officer** |
| Authorization documents | : | Authorization decision No. 034/25/QĐ-MSVN dated 22 October 2025 by the Chief Executive Officer – Legal representative of Maybank Securities Limited |

*(Hereinafter referred to as "**Party A**" or "**Issuer**")*

*và*
*and*

**B. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA**

| | | |
|---|---|---|
| Địa chỉ | : | 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCO số 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | : | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) |
| Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán | : | Quyết định số 16/GPHĐLK do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003 cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Quyết định số 106/QĐ-UBCK do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa) |
| Điện thoại | : | (84) 28 38 218 812 |
| Fax | : | (84) 28 39 144 714 |
| Người đại diện | : | PHÓ GIÁM ĐỐC Hoàng Chí Sơn Chức vụ: **Phó Giám đốc** |
| Văn bản ủy quyền | : | Quyết định ủy quyền số 5259/QĐ-BIDV ngày 01 tháng 07 năm 2026 của Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam |

*(Sau đây gọi là "**Bên B**" hoặc "**Ngân Hàng Lưu Ký**")*

**B. JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM – NAM KY KHOI NGHIA BRANCH**

| | | |
|---|---|---|
| Address | : | No. 56 (rear), 58, 60, 62, 64 and Ground floor, 10th floor, 11th floor, TASCO building No. 66, 68 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam |
| Enterprise Registration Certificate | : | Enterprise Registration Certificate no. 0100150619-079 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the first time on 29 November 2004 (amended and supplemented from time to time) |
| Certificate of securities depository registration | : | Decision No. 16/GPHĐLK issued by the State Securities Commission of Vietnam on 14 May 2003 for Joint Stock Commercial Bank For Investment And Development Of Vietnam and Decision No. 106/QĐ-UBCK issued by the State Securities Commission of Vietnam on 14 May 2003 for Joint Stock Commercial Bank For Investment And Development Of Vietnam (Nam Ky Khoi Nghia Branch) |
| Phone | : | (84) 28 38 218 812 |
| Fax | : | (84) 28 39 144 714 |
| Representative | : | PHÓ GIÁM ĐỐC Hoàng Chí Sơn Position: Deputy Director |
| Authorization documents | : | Authorization decision No. 5259/QĐ-BIDV dated 01 July 2026 by the General Director – Legal representative of Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam |

*(Hereinafter referred to as "**Party B**" or "**Depository Bank**")*

*Tổ Chức Phát Hành và Ngân Hàng Lưu Ký sau đây gọi riêng là mỗi "**Bên**" và gọi chung là "**Các Bên**".*
*The Issuer and the Depository Bank are hereinafter referred to individually as each "**Party**" and collectively as the "**Parties**".*

Các Bên thỏa thuận ký kết **Hợp Đồng Ký Quỹ** này với các điều khoản sau:
The Parties agree to sign this **Depository Contract** with the following terms and conditions:

**CƠ SỞ XÁC LẬP HỢP ĐỒNG KÝ QUỸ:**
**BASIS FOR ESTABLISHING THE DEPOSITORY CONTRACT:**

(A) Các Bên đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ đảm bảo thanh toán số 1963397/2024/01/HĐNT/BIDV-MSVN ngày 25/12/2024 và các phụ lục sửa đổi/bổ sung, nếu có, (sau đây gọi là "**Hợp Đồng Nguyên Tắc**") ghi nhận các điều khoản và điều kiện cơ bản được Các Bên thỏa thuận làm cơ sở cho việc ký kết Hợp Đồng Ký Quỹ này.
The Parties have entered into the Principal Contract regarding the provision of payment guarantee depository management services No. 1963397/2024/01/HĐNT/BIDV-MSVN dated 25 December 2024 and appendices amending/supplementing such contract, if any, (hereinafter referred to as the "**Principal Contract**") recording the key terms and conditions mutually agreed by the Parties as a basis for signing this Depository Contract.

(B) Tổ Chức Phát Hành sẽ phát hành chứng quyền có bảo đảm với thông tin chứng quyền có bảo đảm chi tiết tại **Phụ Lục 1** đính kèm Hợp Đồng Ký Quỹ này (sau đây gọi là "**Chứng Quyền**") và theo chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("**UBCKNN**").
The Issuer shall issue the covered warrants with the covered warrants information detailed in **Appendix 1** attached to this Depository Contract (hereinafter referred to as the "**Warrants**") and in accordance with the approval of the State Securities Commission of Vietnam ("**SSC**") .

(C) Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền đối với các Chứng Quyền phát hành khi đến hạn, Tổ Chức Phát Hành đồng ý ký quỹ các Tài Sản Bảo Đảm (được định nghĩa dưới đây) tại Ngân Hàng Lưu Ký theo quy định tại Bản cáo bạch chào bán Chứng Quyền ("**Bản Cáo Bạch**") và Hợp Đồng Ký Quỹ này.
To ensure payment obligations for issued Warrants to the Warrant Holders upon maturity, the Issuer agrees to deposit the Depository Assets (defined below) in the Depository Bank in accordance with the provisions of the Prospectus for offering the Warrants (the "**Prospectus**") and this Depository Contract.

**CÁC BÊN THỎA THUẬN như sau:**
**THE PARTIES AGREE as follows:**

## 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH
## DEFINITIONS AND INTERPRETATION

### 1.1. Định nghĩa
### Definitions

Trong Hợp Đồng Ký Quỹ này, bên cạnh các từ ngữ được định nghĩa tại các điều khoản/đoạn cụ thể, các thuật ngữ dưới đây sẽ có ý nghĩa như sau:
In this Depository Contract, in addition to the terms that have been defined in the specific provisions/paragraphs, the below terms shall have the following meanings:

(a) "**Chứng Quyền**" nghĩa là chứng quyền có bảo đảm cụ thể được phát hành bởi Tổ Chức Phát Hành với thông tin chi tiết tại Phụ Lục 1 đính kèm Hợp Đồng Ký Quỹ này.
"**Warrants**" means the specific covered warrants issued by the Issuer with detailed information in Appendix 1 attached to this Depository Contract.

(b) "**Biện Pháp Bảo Đảm**" nghĩa là việc Tổ Chức Phát Hành ký quỹ các Tài Sản Bảo Đảm tại Ngân Hàng Lưu Ký để bảo đảm cho việc thực hiện và hoàn thành các Nghĩa Vụ Thanh Toán một cách đầy đủ và đúng hạn.
"**Guarantee Method**" means that the Issuer deposits the Depository Assets at the Depository Bank to ensure the full and timely implementation and completion of the Payment Obligations.

(c) "**Nghĩa Vụ Thanh Toán**" là nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn của Tổ Chức Phát Hành cho Người Sở Hữu Chứng Quyền đối với các khoản thanh toán liên quan đến việc thực hiện Chứng Quyền của Người Sở Hữu Chứng Quyền theo Bản Cáo Bạch.
"**Payment Obligations**" are the full and timely payment obligations of the Issuer to the Warrant Holders for payments related to the Warrant Holders' exercise of the Warrants according to the Prospectus.

(d) "**Chứng Quyền Có Lãi**" là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá thanh toán.
"**In-the-money Warrant**" is a call warrant with an exercise price lower than the settlement price.

(e) "**Người Sở Hữu Chứng Quyền**" là các nhà đầu tư bao gồm các cá nhân và tổ chức sở hữu Chứng Quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ Chức Phát Hành và không phải là Tổ Chức Phát Hành.
"**Warrant Holders**" are investors including individuals and organizations that own the Warrants, are also partially secured creditors of the Issuer, and are not the Issuer.

(f) "**Ngày Định Giá**" là bất kỳ ngày nào trong thời gian có hiệu lực của Chứng Quyền.
"**Valuation Date**" is any day during the validity term of the Warrants.

(g) "**Ngày Làm Việc**" có nghĩa là bất kỳ ngày nào, trừ ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày nghỉ lễ và bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó ngân hàng và sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc phải đóng cửa hoạt động, đóng cửa thị trường giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật và/hoặc theo quyết định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
"**Business Day**" means any day, except Saturday, Sunday, public holidays, and any day on which banks and stock exchanges in Vietnam are permitted or required to close operations, close the securities trading market in accordance with laws and/or decisions of competent State agencies.

(h) "**Ngày Đáo Hạn**" là ngày cuối cùng mà Người Sở Hữu Chứng Quyền được thực hiện Chứng Quyền.
"**Expiry Date**" is the last day on which the Warrant Holders may exercise the Warrants.

(i) "**Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế**" có nghĩa như được quy định tại Điều 8.1(b) của Hợp Đồng Ký Quỹ này.
"**Alternate Depository Bank**" has the meaning set out in Article 8.1(b) hereof.

(j) "**Giá Trị Ký Quỹ**" là giá trị của Tài Sản Bảo Đảm mà Tổ Chức Phát Hành cam kết dùng để làm Biện Pháp Bảo Đảm căn cứ theo Hợp Đồng Ký Quỹ này.
"**Depository Value**" is the value of the Depository Assets that the Issuer commits to use as the Guarantee Method pursuant to this Depository Contract.

(k) "**Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu Tại Thời Điểm Chào Bán**" có nghĩa là giá trị bằng 50% tổng giá trị tối đa của Chứng Quyền dự kiến chào bán căn cứ trên Bản Cáo Bạch.
"**Minimum Depository Value at the Offering Time**" means the value which is equal to 50% of the total maximum value of the Warrants expected to be offered for sale based on the Prospectus.

(l) "**Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu**" có nghĩa là giá trị bằng 50% Tổng Giá Trị Chứng Quyền Đăng Ký Phát Hành hoặc Tổng Giá Trị Chứng Quyền Đã Phát Hành tại từng thời điểm.

"**Minimum Depository Value**" means the value which is equal to 50% of the Total Value of Warrants Registered to Issue or the Total Value of Warrants Issued from time to time.

(m) "**Phí Dịch Vụ**" có nghĩa như được quy định tại Điều 6.1 của Hợp Đồng Ký Quỹ này.
"**Service Fee**" has the meaning set out in Article 6.1 hereof.

(n) "**Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán**" nghĩa là (những) thỏa thuận sửa đổi của Hợp Đồng Ký Quỹ này về cơ bản theo mẫu được quy định tại Phụ Lục 3 (Mẫu Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán) sẽ được Tổ Chức Phát Hành và Ngân Hàng Lưu Ký ký kết và cung cấp căn cứ theo Hợp Đồng Ký Quỹ này. Các Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng Ký Quỹ này.
"**Agreement to Amend the Payment Guarantee Depository Contract**" means the amended agreement(s) of this Depository Contract substantially in the form specified in Appendix 3 (Form of Agreement to Amend the Payment Guarantee Depository Contract) that will be executed and provided by the Issuer and the Depository Bank pursuant to this Depository Contract. The Agreements to Amend the Payment Guarantee Depository Contract are an integral part of this Depository Contract.

(o) "**Tài Sản Bảo Đảm**" có nghĩa là tiền, chứng chỉ tiền gửi và/hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành ký quỹ tại Ngân Hàng Lưu Ký, hoặc thư bảo lãnh thanh toán của Ngân Hàng Lưu Ký để bảo đảm Nghĩa Vụ Thanh Toán của Tổ Chức Phát Hành. Trong thời hạn của Hợp Đồng Ký Quỹ này, Tài Sản Bảo Đảm này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay hoặc nghĩa vụ tài chính khác của Tổ Chức Phát Hành hay của bất cứ bên thứ ba nào khác.
"**Depository Assets**" means money, certificates of monetary deposit and/or depository agreement legally owned by the Issuer deposited to the Depository Bank or payment guarantee letter from the Depository Bank to secure the Payment Obligations of the Issuer. During the term of this Depository Contract, the Depository Assets cannot be used as pledge, mortgage, or deposits for loans or other financial obligations of the Issuer or that of other third parties.

(p) "**Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung**" có nghĩa như được quy định tại Điều 2.4(a)(ii) của Hợp Đồng Ký Quỹ này.
"**Additional Depository Assets**" has the meaning set out in Article 2.4(a)(ii) hereof.

(q) "**Tài Sản Bảo Đảm Rút Bớt**" có nghĩa như được quy định tại Điều 2.4(b) của Hợp Đồng Ký Quỹ này.
"**Withdrawal Depository Assets**" has the meaning set out in Article 2.4(b) hereof.

(r) "**Tài Sản Bảo Đảm Thay Thế**" có nghĩa như được quy định tại Điều 2.4(c) của Hợp Đồng Ký Quỹ này.
"**Alternative Depository Assets**" has the meaning set out in Article 2.4(c) hereof.

(s) "**Thời Hạn Ký Quỹ**" có nghĩa như được quy định tại Điều 2.2 của Hợp Đồng Ký Quỹ này.
"**Depository Term**" has the meaning set out in Article 2.2 hereof.

(t) "**Tổng Giá Trị Chứng Quyền Đăng Ký Phát Hành**" và "**Tổng Giá Trị Chứng Quyền Đã Phát Hành**" của Tổ Chức Phát Hành (không tính số Chứng Quyền đã hủy niêm yết hoặc đã đáo hạn) được tính theo các công thức sau:
"**Total Value of Warrants Registered to Issue**" and "**Total Value of Warrants Issued**" of the Issuer (excluding delisted or expired Warrants) are calculated according to the following formulas:

(i) "**Tổng Giá Trị Chứng Quyền Đăng Ký Phát Hành**" = [Giá đăng ký chào bán Chứng Quyền] x [Số lượng Chứng Quyền đăng ký chào bán]
"**Total Value of Warrants Registered to Issue**" = [Initial offering price] x [Number of Warrants registered to be offered]

(ii) "**Tổng Giá Trị Chứng Quyền Đã Phát Hành**" = [Giá chào bán (đối với Chứng Quyền chưa niêm yết)] x [Số lượng Chứng Quyền chưa niêm yết] + [Giá đóng cửa của Chứng Quyền tại ngày giao dịch gần nhất (đối với Chứng Quyền niêm yết)] x [Số lượng Chứng Quyền niêm yết]
"**Total Value of Warrants Issued**" = [Initial offering price (for unlisted Warrants)] x [Number of unlisted Warrants] + [Closing Price of Warrants at the most recent trading date (for listed Warrants)] x [Number of listed Warrants]

(u) "**VSDC**" nghĩa là Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam.
"**VSDC**" means Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation.

**1.2. Giải thích**
**Explanation**

Trừ khi được định nghĩa rõ ràng khác đi tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng nhưng không định nghĩa trong Hợp Đồng Ký Quỹ này sẽ có nghĩa tương tự như trong Bản Cáo Bạch và Hợp Đồng Nguyên Tắc; và các giải thích của Hợp Đồng Nguyên Tắc được áp dụng tương tự cho Hợp Đồng Ký Quỹ này.
Unless otherwise explicitly defined in this Depository Contract, capitalized terms used but not defined in this Depository Contract shall have the same meaning as in the Prospectus and the Principal Contract; and the explanation of the Principal Contract shall apply similarly to this Depository Contract.

## 2. CHỈ ĐỊNH NGÂN HÀNG LƯU KÝ VÀ TẠO LẬP BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM APPOINTMENT OF DEPOSITORY BANK AND CREATION OF GUARANTEE METHOD

### 2.1. Chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký
**Appointment of Depository Bank**

(a) Vì Ngân Hàng Lưu Ký là ngân hàng thương mại được cấp phép, có Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán *(như nêu tại Phần mở đầu của Hợp Đồng Ký Quỹ này)* do UBCKNN cấp, tùy thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng Ký Quỹ này, Tổ Chức Phát Hành tại đây chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký, và Ngân Hàng Lưu Ký tại đây đồng ý, thực hiện những dịch vụ sau:
Given that the Depository Bank is a licensed commercial bank having the Certificate of securities depository registration (*as recorded at the Beginning of this Depository Contract*) issued by the SSC, subject to the terms and conditions of this Depository Contract, the Issuer hereby appoints the Depository Bank, and the Depository Bank hereby agrees, to render the following services:

(i) lưu giữ và quản lý Tài Sản Bảo Đảm của Tổ Chức Phát Hành để bảo đảm thanh toán cho các Chứng Quyền đã phát hành; và
holding and managing the Depository Assets of the Issuer to ensure payment for the issued Warrants; and

(ii) thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác phù hợp với nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền, thẩm quyền và quyền quyết định của Ngân Hàng Lưu Ký theo quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này.
performing other assignments and tasks that are in line with the obligations, responsibilities, rights, authority, and decision-making powers applicable to the Depository Bank in accordance with the provisions of this Depository Contract.

(b) Việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký quy định tại Điều 2.1(a) ở trên là chỉ định duy nhất cho việc phát hành Chứng Quyền theo Bản Cáo Bạch và Hợp Đồng Ký Quỹ này. Với điều kiện là việc chỉ định đó vẫn còn hiệu

lực và không bị chấm dứt theo Hợp Đồng Ký Quỹ này, Tổ Chức Phát Hành sẽ không chỉ định hay giao cho bên khác cung cấp dịch vụ liên quan đến Chứng Quyền nêu trên tương tự như dịch vụ mà Ngân Hàng Lưu Ký cung cấp theo Hợp Đồng Ký Quỹ này.
The appointment of the Depository Bank specified in Article 2.1(a) above is the sole appointment for issuing the Warrants under the Prospectus and this Depository Contract. As long as such appointment remains in effect and is not terminated under this Depository Contract, the Issuer will not appoint or assign to another party to provide services related to the above-mentioned Warrants similar to those provided by the Depository Bank under this Depository Contract.

**2.2. Tạo lập Biện Pháp Bảo Đảm**
**Creation of Guarantee Method**

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán đúng hạn và đầy đủ của Tổ Chức Phát Hành cho Người Sở Hữu Chứng Quyền đối với các khoản thanh toán liên quan đến việc thực hiện Chứng Quyền của Người Sở Hữu Chứng Quyền theo Bản Cáo Bạch, Tổ Chức Phát Hành đồng ý ký quỹ Tài Sản Bảo Đảm của Tổ Chức Phát Hành tại Ngân Hàng Lưu Ký với thông tin chi tiết về Tài Sản Bảo Đảm và Giá Trị Ký Quỹ như quy định tại Phụ Lục 2 của Hợp Đồng Ký Quỹ này. Việc tạo lập Biện Pháp Bảo Đảm này có hiệu lực kể từ ngày ký Hợp Đồng Ký Quỹ này, và được sửa đổi tại từng thời điểm sau đó bởi Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán (nếu có), và duy trì hiệu lực cho đến khi xảy ra bất kỳ trường hợp nào được quy định tại Điều 9.1 của Hợp Đồng Ký Quỹ này ("**Thời Hạn Ký Quỹ**")
To ensure timely and full payment obligations of the Issuer to the Warrant Holders for payments related to the Warrants Holders' exercise of the Warrants according to the Prospectus, the Issuer agrees to deposit at the Depository Bank the Depository Assets of the Issuer with detailed information of the Depository Assets and the Depository Value as specified in Appendix 2 of this Depository Contract. This creation of the Guarantee Method is effective from the date of signing this Depository Contract, and as amended from time to time by the Agreement to Amend the Payment Guarantee Depository Contract (if any), and remains effective until the occurrence of any case provided Article 9.1 of this Depository Contract ("**Depository Term**").

**2.3. Phương pháp xác định giá trị của Tài Sản Bảo Đảm**
**Method for determining the value of the Depository Assets**

(a) Loại tài sản để xác định Giá Trị Ký Quỹ (bao gồm nhưng không giới hạn các tài sản sau dưới đây):
Type of assets to determine Depository Value (including but not limited to the following assets):

(i) **Ngoại tệ**: Giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân Hàng Lưu Ký tại Ngày Làm Việc liền kề trước Ngày Định Giá. Các loại ngoại tệ Ngân Hàng Lưu Ký nhận làm tài sản ký quỹ bao gồm: Đô la Mỹ (USD), Đồng tiền chung Châu Âu (EUR), Đô la Úc (AUD), Bảng Anh (GBP), Frăng Thuỵ Sĩ (CHF), Yên Nhật Bản (JPY), Đô la Canada (CAD), Đô la Xinh-ga-po (SGD), Đô la Hồng Kông (HKD) và Nhân dân tệ (CNY);
**Foreign currency**: Value converted into Vietnamese Dong (VND) according to the Depository Bank's transfer buying rate on the Business Day immediately preceding the Valuation Date. Foreign currencies that the Depository Bank accepts as depository assets including: United States Dollar (USD), Euro (EUR), Australian Dollar (AUD), British Pound (GBP), Swiss Franc (CHF), Japanese Yen (JPY), Canadian Dollar (CAD), Singapore Dollar (SGD), Hong Kong Dollar (HKD), and Chinese Yuan (CNY);

(ii) **Tiền gửi không kỳ hạn**: Số dư tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán tại thời điểm định giá của Ngày Định Giá;
**Demand deposit**: The balance of demand deposits in the payment account as of the valuation time on the Valuation Date;

(iii) **Tiền gửi có kỳ hạn (Hợp đồng tiền gửi/Chứng chỉ tiền gửi):** Giá trị tiền gửi trừ đi lãi đã được thanh toán (nếu có) tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
**Term deposit (Deposit contract/Certificate of deposit)**: The value of the deposits, excluding interests paid up (if any) to the day preceding the Valuation Date.

(b) Tổ Chức Phát Hành bảo đảm rằng Giá Trị Ký Quỹ được xác định theo quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, cụ thể (i) tại thời điểm trước khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy Chứng Nhận Chào Bán Chứng Quyền đối với Chứng Quyền, Giá Trị Ký Quỹ được xác định tối thiểu bằng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu Tại Thời Điểm Chào Bán, hoặc (ii) tại thời điểm sau khi Tổ Chức Phát Hành ban hành Bản thông báo phát hành Chứng Quyền và trong suốt thời gian có hiệu lực của Chứng Quyền, Giá Trị Ký Quỹ không thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu.
The Issuer ensures that the Depository Value is determined in accordance with the provisions of this Depository Contract, specifically: (i) before the time the Issuer receives the Certificate of Warrant Offering for the Warrants, the Depository Value is determined to be at least equal to the Minimum Depository Value at the Offering Time; or (ii) at the time the Issuer issues the notice of Warrant issuance and throughout the validity term of the Warrants, the Depository Value shall not be lower than the Minimum Depository Value.

## 2.4. Điều chỉnh Biện Pháp Bảo Đảm

**Adjustment of Guarantee Method**

(a) Trong trường hợp Giá Trị Ký Quỹ thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu thì trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện Giá Trị Ký Quỹ thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, Ngân Hàng Lưu Ký sẽ gửi một văn bản thông báo về sự kiện đó cho Tổ Chức Phát Hành để tiến hành các thủ tục bổ sung Tài Sản Bảo Đảm. Tổ Chức Phát Hành sẽ, trong thời gian sớm nhất có thể, ký và cung cấp cho Ngân Hàng Lưu Ký:
In case the Depository Value is lower than the Minimum Depository Value, within 24 hours of discovering that the Depository Value is lower than the Minimum Depository Value, the Depository Bank will send a written notification to notify the Issuer of this situation for the Issuer to top-up the Depository Assets. The Issuer shall, as soon as practicable, sign and provide the Depository Bank with:

(i) Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán; và
Agreement to Amend the Payment Guarantee Depository Contract; and

(ii) Bất kỳ tài liệu nào theo quy định của pháp luật Việt Nam (nếu có) để bổ sung tài sản hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành vào Tài Sản Bảo Đảm ("**Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung**") nhằm đảm bảo Giá Trị Ký Quỹ không còn thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, phù hợp với các cam đoan của Tổ Chức Phát Hành được quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này.
Any documents required by Vietnamese laws (if any) to supplementy deposit the Issuer's lawful assets into the Depository Assets ("**Additional Depository Assets**") to ensure the Depository Value remains no lower than the Minimum Depository Value in accordance with the Issuer's representations specified in this Depository Contract.

(b) Trường hợp Giá Trị Ký Quỹ cao hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, Tổ Chức Phát Hành có quyền rút bớt Tài Sản Bảo Đảm bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản tới Ngân Hàng Lưu Ký. Trong vòng ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký và Tổ Chức Phát Hành sẽ ký Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán để rút bớt số Tài Sản Bảo Đảm vượt quá đó ("**Tài Sản Bảo Đảm Rút Bớt**") cho Tổ Chức Phát Hành sao cho Giá Trị Ký Quỹ sau khi được rút bớt như vậy tối thiểu phải bằng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu.
In case the Depository Value is higher than the Minimum Depository Value, the Issuer has the right to withdraw part of the Depository Assets by sending a written request to the Depository Bank. Within three (03) Business Days from the date of receiving the request from the Issuer, the Depository Bank and the Issuer shall sign an Agreement to Amend the

Payment Guarantee Depository Contract to release the amount of the Depository Assets that excesses the Minimum Depository Value ("**Withdrawal Depository Assets**") for the Issuer provided that the Depository Value after such withdrawal is at least equal to the Minimum Depository Value.

(c) Tổ Chức Phát Hành có thể yêu cầu thay thế bất cứ Tài Sản Bảo Đảm nào bằng tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các cam đoan nêu tại Hợp Đồng Ký Quỹ này ("**Tài Sản Bảo Đảm Thay Thế**") bằng cách gửi văn bản thông báo tới Ngân Hàng Lưu Ký và được Ngân Hàng Lưu Ký đồng ý. Nếu Giá Trị Ký Quỹ sau khi được thay thế tối thiểu bằng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, Ngân Hàng Lưu Ký và Tổ Chức Phát Hành sẽ (i) ký Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán và (ii) giải tỏa Tài Sản Bảo Đảm đã được thay thế trong vòng ba (03) Ngày Làm Việc (hoặc một thời hạn khác ngắn hơn theo thỏa thuận của Các Bên, nếu có) kể từ khi nhận được yêu cầu đề nghị thay thế Tài Sản Bảo Đảm của Tổ Chức Phát Hành. Việc thay thế Tài Sản Bảo Đảm bằng Tài Sản Bảo Đảm Thay Thế trong mọi trường hợp phải bảo đảm nguyên tắc, các thủ tục ký quỹ, thế chấp và phong tỏa Tài Sản Bảo Đảm Thay Thế phải hoàn thành trước khi Tài Sản Bảo Đảm được giải tỏa. Sau khi Tài Sản Bảo Đảm được giải tỏa theo Điều này, thuật ngữ Tài Sản Bảo Đảm theo Hợp Đồng Ký Quỹ này sẽ được hiểu là đề cập đến Tài Sản Bảo Đảm Thay Thế.

The Issuer may notify the Depository Bank for the replacement of any Depository Assets with other assets legally owned by the Issuer, consistent with the representations set forth in this Depository Contract ("**Alternative Depository Assets**") by sending a written notice to the Depository Bank if agreed by the Depository Bank. If the Depository Value after being replaced is at least equal to the Minimum Depository Value, the Depository Bank and the Issuer shall (i) sign an Agreement to Amend the Payment Guarantee Depository Contract and (ii) release the Depository Assets that have been replaced to the Issuer within three (03) Business Days (or another shorter period agreed by the Parties, if any) from the date of receipt of the request to replace the Depository Assets of the Issuer. Replacing the Depository Assets with the Alternative Depository Assets must in all cases ensure principles, depository, mortgage, and blockade procedures of the Alternative Depository Assets must be completed before the Depository Assets are released. Once the Depository Assets are released under this Article, the Depository Assets under this Depository Contract shall refer to the Alternative Depository Assets.

(d) Trường hợp Tổ Chức Phát Hành phát hành Chứng Quyền bổ sung, Tổ Chức Phát Hành phải đảm bảo Giá Trị Ký Quỹ và bổ sung Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung (nếu cần) phù hợp với Điều 2.4(a) của Hợp Đồng Ký Quỹ này. Ngân Hàng Lưu Ký sẽ (i) thực hiện phong tỏa Tài Sản Bảo Đảm Bổ

Sung, theo đó Tài Sản Bảo Đảm trong Hợp Đồng Ký Quỹ này được hiểu bao gồm Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung và (ii) ký Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán.
In case the Issuer issues additional Warrants, the Issuer must ensure the Depository Value and supplement the Additional Depository Assets (if necessary) in accordance with Article 2.4(a) of this Depository Contract. The Depository Bank shall (i) block the Additional Depository Assets, then the Depository Assets under this Depository Contract shall refer to include the Additional Depository Assets and (ii) sign an Agreement to Amend the Payment Guarantee Depository Contract.

(e) Trường hợp Tổ Chức Phát Hành phải hủy niêm yết một phần Chứng Quyền chưa lưu hành theo quy định của pháp luật Việt Nam, theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện điều chỉnh để Tổ Chức Phát Hành có thể rút bớt Tài Sản Bảo Đảm tương tự như Điều 2.4(b) trên đây.
In case the Issuer must delist part of the uncirculated Warrants according to the provisions of Vietnamese laws, at the request of the Issuer, the Depository Bank shall make adjustments for the Issuer to withdraw the Depository Assets in a manner similar to Article 2.4(b) above.

## 3. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH OBLIGATIONS AND RIGHTS OF THE ISSUER

### 3.1. Nghĩa vụ Obligations

(a) Thực hiện Hợp Đồng Ký Quỹ này, các Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán và các văn bản khác ký với Ngân Hàng Lưu Ký có liên quan đến Chứng Quyền (nếu có);
To execute this Depository Contract, the Agreements to Amend the Payment Guarantee Depository Contract, and other documents signed with the Depository Bank related to the Warrants (if any);

(b) Thực hiện ký quỹ Tài Sản Bảo Đảm để bảo đảm khả năng thanh toán cho đợt phát hành Chứng Quyền và duy trì Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu là **50%** Tổng Giá Trị Chứng Quyền Đã Phát Hành, không tính số Chứng Quyền đã huỷ niêm yết;
To deposit the Depository Assets to guarantee the ability to pay for the issuance of the Warrants and maintain the Minimum Depository Value of **50%** of the Total Value of Warrants Issued, excluding the number of Warrants already delisted;

(c) Khi có sự thay đổi bất kỳ liên quan đến giá trị Tài Sản Bảo Đảm của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm thông báo cho Ngân

Hàng Lưu Ký, để Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện nghĩa vụ báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan;
When there is any change related to the value of the Depository Assets of the Issuer, the Issuer is responsible for notifying the Depository Bank, so that the Depository Bank can fulfill its reporting obligations to the relevant agencies;

(d) Tổ Chức Phát Hành thực hiện ký quỹ bổ sung để đáp ứng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, theo cách thức quy định tại Điều 2.4(a) của Hợp Đồng Ký Quỹ này, theo quy định của pháp luật Việt Nam và Hợp Đồng Ký Quỹ này; và
The Issuer shall make an additional deposit to meet the Minimum Deposit Value, in the manner provided in Article 2.4(a) hereof, as prescribed by Vietnamese laws and this Depository Contract; and

(e) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, Hợp Đồng Nguyên Tắc và quy định của pháp luật Việt Nam.
Other obligations as agreed in this Depository Contract, the Principal Contract, and the provisions of Vietnamese laws.

**3.2. Quyền hạn**
**Rights**

(a) Tổ Chức Phát Hành được thực hiện mọi quyền, quyền hạn, thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận số dư Tài Sản Bảo Đảm trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và Hợp Đồng Ký Quỹ này;
The Issuer is entitled to exercise all rights, powers and authority to check and confirm the balance of the Depository Assets within the scope in accordance with Vietnamese laws and this Depository Contract;

(b) Được Ngân Hàng Lưu Ký hoàn trả Tài Sản Bảo Đảm sau khi trừ Phí Dịch Vụ và số tiền mà Ngân Hàng Lưu Ký đã thanh toán hợp lệ cho Người Sở Hữu Chứng Quyền (nếu có);
To have the Depository Assets returned by the Depository Bank after deducting the Service Fee and the amount duly paid by the Depository Bank to the Warrant Holders (if any);

(c) Được Ngân Hàng Lưu Ký bồi thường đối với những thiệt hại mà Tổ Chức Phát Hành phải gánh chịu phát sinh từ hành vi vi phạm Hợp Đồng Ký Quỹ và/hoặc vi phạm pháp luật Việt Nam của Ngân Hàng Lưu Ký; và
To be compensated by the Depository Bank for damages suffered by the Issuer arising from the Depository Bank's violations of this Depository Contract and of Vietnamese laws; and

(d) Các quyền khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, Hợp Đồng Nguyên Tắc và quy định của pháp luật Việt Nam.

Other rights as agreed in this Depository Contract, the Principal Contract, and the provisions of Vietnamese laws.

## 4. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ OBLIGATIONS AND RIGHTS OF THE DEPOSITORY BANK

### 4.1. Nghĩa vụ Obligations

(a) Thực hiện Hợp Đồng Ký Quỹ này, các Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán và các văn bản khác ký với Tổ Chức Phát Hành có liên quan đến Chứng Quyền (nếu có);
To implement this Depository Contract, the Agreements to Amend the Payment Guarantee Depository Contract, and other documents signed with the Issuer related to the Warrants (if any);

(b) Lưu giữ Tài Sản Bảo Đảm của Tổ Chức Phát Hành; quản lý tách biệt Tài Sản Bảo Đảm với tài sản khác của Tổ Chức Phát Hành và các tài sản khác của Ngân Hàng Lưu Ký;
To retent the Depository Assets of the Issuer; manage the Depository Assets separately from other assets of the Issuer and other assets of the Depository Bank;

(c) Phong tỏa Tài Sản Bảo Đảm của Tổ Chức Phát Hành phù hợp với thỏa thuận tại Hợp Đồng Ký Quỹ này;
To block the Depository Assets of the Issuer as prescribed by this Depository Contract;

(d) Cho phép Tổ Chức Phát Hành thực hiện rút Tài Sản Bảo Đảm, thay thế Tài Sản Bảo Đảm theo thỏa thuận tại Điều 2.4 của Hợp Đồng Ký Quỹ này;
To allow the Issuer to withdraw the Depository Assets, replace the Depository Assets as agreed in Article 2.4 of this Depository Contract;

(e) Nhanh chóng hoàn trả Tài Sản Bảo Đảm cho Tổ Chức Phát Hành sau khi trừ Phí Dịch Vụ và số tiền mà Ngân Hàng Lưu Ký đã thanh toán hợp lệ cho Người Sở Hữu Chứng Quyền (nếu có).
To promptly return the Depository Assets to the Issuer after deducting the Service Fee and the amount duly paid by the Depository Bank to the Warrant Holders (if any);

(f) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền liên quan đến hoạt động của Tổ Chức Phát Hành theo yêu cầu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành, UBCKNN, sở giao dịch chứng khoán và VSDC;

To carry out collection, expenditure, payment and transfer activities related to the activities of the Issuer according to the lawful requests of the Issuer, the SSC, the stock exchange, and VSDC;

(g) Kịp thời thông báo cho Tổ Chức Phát Hành ngay khi phát sinh trường hợp Giá Trị Ký Quỹ, như được xác định theo quy định tại Điều 2.3 của Hợp Đồng Ký Quỹ này, thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu.
To promptly notify the Issuer of cases arising where the Depository Value, as determined in accordance with Article 2.3 of this Depository Contract, is lower than the Minimum Depository Value.

(h) Xác nhận báo cáo do Tổ Chức Phát Hành lập có liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm;
To confirm the report prepared by the Issuer related to the Depository Assets;

(i) Định kỳ đánh giá việc tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm và nhiệm vụ của Tổ Chức Phát Hành về việc duy trì Tài Sản Bảo Đảm.
To periodically appraise the Issuer's compliance with the obligations, responsibilities, and duties of maintaining the Depository Assets;

(j) Kịp thời thông báo cho Tổ Chức Phát Hành, báo cáo UBCKNN khi phát hiện Tổ Chức Phát Hành vi phạm quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến việc ký quỹ bảo đảm thanh toán cho Chứng Quyền; và
To promptly notice to the Issuer, report to SSC when detecting that the Issuer violates the provisions of Vietnamese laws related to depositing to ensure payment for Warrants; and

(k) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, Hợp Đồng Nguyên Tắc và quy định của pháp luật Việt Nam.
Other obligations as agreed in this Depository Contract, the Principal Contract, and the provisions of Vietnamese laws.

**4.2. Quyền hạn**
**Rights**

(a) Ngân Hàng Lưu Ký được thực hiện mọi quyền, quyền hạn, thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận số dư Tài Sản Bảo Đảm trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và Hợp Đồng Ký Quỹ này;
The Depository Bank is entitled to exercise all rights, powers, and authority to check and confirm the balance of the Depository Assets within the scope consistent with Vietnamese laws and this Depository Contract;

(b) Ngân Hàng Lưu Ký được định giá Giá Trị Ký Quỹ, hoặc bằng chi phí do Ngân Hàng Lưu Ký chịu để yêu cầu bên thứ ba định giá Giá Trị Ký Quỹ

với điều kiện đã được Tổ Chức Phát Hành đồng ý, theo quy định tại Điều 2.3 của Hợp Đồng Ký Quỹ này;
The Depository Bank is entitled to evaluate the Depository Value, or at the expense of the Depository Bank to request a third party to evaluate the Depository Value only after having the approval of the Issuer, as prescribed in Article 2.3 of this Depository Contract;

(c) Được thu Phí Dịch Vụ liên quan đến Chứng Quyền theo quy định pháp luật Việt Nam và theo quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này; và
To collect the Service Fee related to Warrants according to Vietnamese laws and as specified under this Depository Contract; and

(d) Các quyền khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, Hợp Đồng Nguyên Tắc và quy định của pháp luật Việt Nam.
Other rights as agreed in this Depository Contract, the Principal Contract, and the provisions of Vietnamese laws.

## 5. CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN
## REPRESENTATIONS AND WARRANTIES OF THE PARTIES

### 5.1. Cam đoan và bảo đảm của Các Bên
### Representations and warranties of the Parties

Mỗi Bên cam đoan và bảo đảm với Bên còn lại rằng các tuyên bố và khẳng định dưới đây là chính xác và không gây nhầm lẫn:
Each Party represents and warrants to the other Party that the following statements and assertions are accurate and not misleading:

(a) Mỗi Bên được thành lập hợp lệ và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam;
Each Party is duly established and legally operating under Vietnamese laws;

(b) Mỗi Bên đã được cấp mọi giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận phải có theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam để tiến hành hoạt động kinh doanh của mình. Mỗi Bên đã tuân thủ các giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận đó về mọi khía cạnh trọng yếu. Các giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận đó đều còn đầy đủ hiệu lực và Bên đó chưa nhận được bất kỳ thông báo nào về việc thu hồi hay sửa đổi bất kỳ giấy phép, đăng ký, phê chuẩn hay chấp thuận nào như vậy;
Each Party has been granted all licenses, registrations, approvals, and consents required under Vietnamese laws for conducting its business. Each Party has complied with such licenses, registrations, approvals, and consents in all material respects. Such licences, registrations, approvals, and consents are in full force and effect and such Party has not received

any notice of revocation or amendment of any licence, registration, approval, or consent;

(c) Mỗi Bên có quyền hạn và năng lực để ký kết Hợp Đồng Ký Quỹ này, tạo lập bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào và thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này; và
Each Party has the authority and capacity to enter into this Depository Contract, create any Guarantee Method and perform its obligations under the provisions of this Depository Contract; and

(d) Các nghĩa vụ của mỗi Bên theo quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này cấu thành nghĩa vụ hợp pháp, hợp lệ, ràng buộc và có khả năng thi hành đối với Bên đó theo các điều khoản của Hợp Đồng Ký Quỹ này. Mỗi Bên có đầy đủ quyền, quyền hạn, thẩm quyền và đã thực hiện các thủ tục và đạt được các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Bên đó để ký kết và thực hiện Hợp Đồng Ký Quỹ này.
Each Party's obligations under this Depository Contract shall constitute legal, valid, binding, and enforceable obligations for such Party under the provisions of this Depository Contract. Each Party has full rights, powers, authority and has carried out procedures and obtained necessary internal approvals in accordance with its effective charter and internal rules and regulations to sign and implement this Depository Contract.

**5.2. Cam đoan và bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành**
**Representations and warranties of the Issuer**

Tổ Chức Phát Hành cam đoan và bảo đảm với Ngân Hàng Lưu Ký rằng các tuyên bố và khẳng định dưới đây là chính xác và không gây nhầm lẫn:
The Issuer represents and warrants to the Depository Bank that the following statements and assertions are accurate and not misleading:

(a) **Tài Sản Bảo Đảm**
**Depository Assets**

(i) Theo hiểu biết tốt nhất của Tổ Chức Phát Hành, tại thời điểm ký kết Hợp Đồng Ký Quỹ này, việc tạo lập Biện Pháp Bảo Đảm theo Hợp Đồng Ký Quỹ này không bị cấm theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành;
To the best of the Issuer's knowledge, at the time of signing this Depository Contract, the creation of the Guarantee Method under this Depository Contract is not prohibited according to current regulations of Vietnamese laws;

(ii) Tài Sản Bảo Đảm thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành và đang không có bất kỳ tranh chấp về quyền sở hữu đối với Tài

Sản Bảo Đảm. Theo quy định của pháp luật, Tổ Chức Phát Hành có toàn quyền sử dụng Tài Sản Bảo Đảm để ký quỹ bảo đảm thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán tại Ngân Hàng Lưu Ký;
The Depository Assets are legally owned by the Issuer and there is no dispute over ownership of the Depository Assets. According to the provisions of law, the Issuer has full right to use the Depository Assets to secure the Payment Obligations at the Depository Bank;

(iii) Tổ Chức Phát Hành không ký bất kỳ thỏa thuận hoặc cam kết nào liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền cầm giữ bất kỳ Tài Sản Bảo Đảm nào theo bất kỳ hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nào hoặc theo bất kỳ thỏa thuận/hợp đồng nào có hiệu lực tương tự. Tại thời điểm ký kết Hợp Đồng Ký Quỹ này, các Tài Sản Bảo Đảm đang không bị niêm phong, phong tỏa, đóng băng hoặc kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác;
The Issuer has not entered into any agreement or undertaking with respect to the transfer of ownership of or encumbrance against any Depository Assets under any ownership transfer contract or under any agreement/contract having the same effect. At the time of signing this Depository Contract, the Depository Assets are not being sealed, blocked, frozen, or distrained to perform other obligations;

Trong phạm vi pháp luật Việt Nam cho phép và trong trường hợp một phần giá trị của Tài Sản Bảo Đảm đang được dùng bảo đảm cho nghĩa vụ ký quỹ bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền khác của Tổ Chức Phát Hành, thì Ngân Hàng Lưu Ký theo đây chấp nhận sử dụng phần giá trị còn lại của Tài Sản Bảo Đảm để thực hiện ký quỹ bảo đảm thanh toán cho Chứng Quyền này.
Within the limits permitted by Vietnamese laws, and in the event that a portion of the value of the Depository Assets is already allocated to the depository obligations for the payment secure of other warrants issued by the Issuer, the Depository Bank hereby agrees to utilize the remaining value of the Depository Assets to fulfill the depository obligations for the payment securing the Warrants.

(iv) Tài Sản Bảo Đảm hiện đang không sử dụng cầm cố, thế chấp, bảo lưu quyền sở hữu dưới bất kỳ hình thức nào để đảm bảo cho bất kỳ một nghĩa vụ tài chính nào khác của Tổ Chức Phát Hành hay bên thứ ba khác, ngoài việc ký quỹ bảo đảm thanh toán được quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này;
The Depository Assets are not currently in escrow, being held, or retaining ownership in any form to secure any other financial obligations of the Issuer or any third parties, other than those provided in this Depository Contract;

(v) Tài Sản Bảo Đảm không thuộc đối tượng bị trưng thu, trưng dụng, thu hồi hoặc bị kê biên để thi hành bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài nhằm thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành với bên thứ ba. Không có sự kiện nào ảnh hưởng đến hiệu lực và khả năng thi hành đối với các Tài Sản Bảo Đảm;

The Depository Assets are not subject to confiscation, requisition, recovery, or distraint to enforce judgments or decisions of Courts or Arbitrators to fulfill the Issuer's obligations to third parties. There are no events affecting the validity and enforceability of the Depository Assets;

(vi) Tài Sản Bảo Đảm sẽ vẫn được hưởng lãi và các quyền lợi khác phát sinh theo các nội dung quy định tại Hợp đồng tiền gửi/Chứng chỉ tiền gửi;

The Depository Assets shall still be entitled to interest and other benefits arising according to the contents specified in the Deposit contracts/Certificates of deposit;

(vii) Tổ Chức Phát Hành không có bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào đối với Nhà nước hoặc bên thứ ba liên quan đến việc sở hữu, sử dụng Tài Sản Bảo Đảm;

The Issuer does not have any financial obligations to the State or third parties related to the ownership and use of the Depository Assets;

(viii) Không có bất kỳ thủ tục tố tụng, thủ tục trọng tài hoặc thủ tục xử lý hành chính nào đang diễn ra, đang chờ giải quyết liên quan đến Tổ Chức Phát Hành và Tài Sản Bảo Đảm;

There are no ongoing or pending legal proceedings, arbitration proceedings or administrative proceedings relating to the Issuer and the Depository Assets;

(ix) Ngân Hàng Lưu Ký được toàn quyền phong toả toàn bộ số dư tiền gửi theo bảng liệt kê tại **Phụ Lục 2** của Hợp Đồng Ký Quỹ này để đảm bảo việc thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán của Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng Ký Quỹ này;

The Depository Bank has the full right to block the entire deposit balance according to the list in **Appendix 2** of this Depository Contract to guarantee the Payment Obligations of the Issuer under this Depository Contract;

(x) Trong suốt thời hạn có hiệu lực của Chứng Quyền, Tổ Chức Phát Hành không được:

During the validity term of the Warrants, the Issuer shall not:

(1) sử dụng Tài Sản Bảo Đảm làm tài sản cầm cố, thế chấp hoặc đặt cọc cho các khoản vay hoặc nghĩa vụ tài chính khác của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác phù hợp quy định pháp luật Việt Nam (nếu có);
use the Depository Assets as pledge, mortgage, or deposits for loans or other financial obligations of the Issuer or any other third parties, except otherwise agreed by the Parties in accordance with applicable provisions of Vietnamese laws (if any);

(2) bán, chuyển nhượng, chuyển giao hoặc định đoạt theo hình thức khác bất kỳ Tài Sản Bảo Đảm nào;
sell, assign, transfer, or dispose in other forms any of the Depository Assets;

(3) thực hiện, hoặc chấp thuận, bất kỳ công việc gì mà theo dự kiến hợp lý là có thể ảnh hưởng đến, toàn bộ hoặc một phần, hiệu lực của bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào theo quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này; và
do, or consent to, anything which it is reasonably expected to affect, in whole or in part, the validity of any Guarantee Method under this Depository Contract; and

(4) thực hiện hoặc cho phép một bên khác thực hiện bất kỳ công việc gì mà theo dự kiến hợp lý là có thể có ảnh hưởng bất lợi nghiêm trọng đến các quyền, quyền lợi và lợi ích của Ngân Hàng Lưu Ký đối với Tài Sản Bảo Đảm hoặc khả năng thi hành toàn bộ hoặc một phần của bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào theo quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, trừ khi có sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
do or permit another party to do anything which, as reasonably expected, may have a material adverse effect on the rights, interests, and benefits of the Depository Bank in respect of the Depository Assets or the ability to enforce all or part of any Guarantee Method as stipulated in this Depository Contract, unless approved by a competent State agency.

(b) **Tính chất của Biện Pháp Bảo Đảm**
**Nature of the Guarantee Method**

Hợp Đồng Ký Quỹ này tạo lập Biện Pháp Bảo Đảm và không thể bị sửa đổi, hủy bỏ hoặc bác bỏ vì Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý, giải thể hoặc trong mọi trường hợp khác, trừ trường hợp quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này.
This Depository Contract constitutes the Guarantee Method and may not be modified, canceled, or repudiated due to the dissolution or bankruptcy

of the Issuer or other cases, unless otherwise provided in this Depository Contract .

**5.3. Thời gian thực hiện cam đoan và bảo đảm**
**Timeframe for making representations and warranties**

(a) Các cam đoan và bảo đảm được quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này (bao gồm cả trong Điều này) được Các Bên đưa ra vào ngày ký Hợp Đồng Ký Quỹ này.
The representations and warranties set forth in this Depository Contract (including this Article) are made by the Parties on the date of signing this Depository Contract.

(b) Trừ trường hợp được quy định rõ ràng tại một cam đoan hoặc bảo đảm, các cam đoan và bảo đảm theo quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này được xem là được Các Bên đưa ra trong suốt Thời Hạn Ký Quỹ.
Except where a representation or warranty is expressly stated to be made on a particular date, each representation and warranty set forth in this Depository Contract is deemed to be given by the Parties during the Depository Term.

## 6. PHÍ VÀ CHI PHÍ
## FEES AND COSTS

**6.1.** Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán cho Ngân Hàng Lưu Ký khoản phí liên quan đến các công việc và nhiệm vụ mà Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện theo Hợp Đồng Ký Quỹ này (**"Phí Dịch Vụ"**) với mức phí cụ thể theo thỏa thuận riêng về phí giữa Tổ Chức Phát Hành và Ngân Hàng Lưu Ký.
The Issuer shall pay to the Depository Bank fee related to the tasks and responsibilities that the Depository Bank performs under this Depository Contract ("**Service Fee**") at the specific rates as separately agreed on fees between the Issuer and the Depository Bank.

**6.2.** Trừ trường hợp quy định tại Điều 4.2(b) bên trên, hoặc các khoản phí, chi phí khác phát sinh từ chính nhu cầu vận hành, cung cấp dịch vụ thông thường của Ngân Hàng Lưu Ký, hoặc chi phí khác theo thỏa thuận Các Bên (nếu có) là do Ngân Hàng Lưu Ký tự chịu; mọi khoản phí và chi phí khác mà Ngân Hàng Lưu Ký phải gánh chịu hoặc chi trả hợp lý cho bên thứ ba, với sự đồng ý trước bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành để thực hiện các nghĩa vụ hay công việc quy định trong Hợp Đồng Ký Quỹ này (nếu có) sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán (hoặc bồi hoàn) cho Ngân Hàng Lưu Ký. Việc thanh toán (hoặc bồi hoàn) nêu trên của Tổ Chức Phát Hành sẽ được thực hiện vào ngày 28 của tháng gần nhất (hoặc Ngày Làm Việc ngay sau đó nếu ngày 28 của tháng đó không phải là một Ngày Làm Việc) kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được các hóa đơn, bằng chứng hợp lệ từ Ngân Hàng Lưu Ký.

Except as provided in Article 4.2(b) above, or fees and expenses arising from the Depository Bank's regular purposes for its operation or service provisions, or those as agreed by the Parties (if any) shall be borne by the Depository Bank; all other fees and expenses reasonably incurred or paid by the Depository Bank to third parties with the prior written consent of the Issuer to perform the obligations or tasks specified in the Depository Contract (if any) shall be paid (or reimbursed) by the Issuer to the Depository Bank. The aforementioned payment (or reimbursement) of the Issuer shall be made on the 28th day of the most recent month (or the immediately following Business Day if the 28th day of that month is not a Business Day) from the date the Issuer receives valid invoices and evidence from the Depository Bank.

## 7. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN
## RESPONSIBILITY OF THE PARTIES

### 7.1. Trách nhiệm của Tổ Chức Phát Hành
### Responsibilities of the Issuer

Tổ Chức Phát Hành không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Ngân Hàng Lưu Ký; trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành sẽ bồi thường và/hoặc bồi hoàn cho Ngân Hàng Lưu Ký đối với mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, chi phí và phí tổn mà Ngân Hàng Lưu Ký phải gánh chịu trên thực tế và trực tiếp liên quan đến hoặc phát sinh từ việc Tổ Chức Phát Hành có hành vi lừa dối hoặc vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng Ký Quỹ này, với tổng mức bồi thường thiệt hại/bồi hoàn không quá mức Phí Dịch Vụ.

The Issuer shall bear no responsibility to the Depository Bank; except in cases where the Issuer shall indemnify and/or reimburse the Depository Bank for all losses, damages, liabilities, penalties, costs and expenses actually incurred by the Depository Bank directly arising from the Issuer's fraudulent conduct or violation of any provisions of this Depository Contract with the total compensation/reimbursement amount not exceeding the Service Fee.

### 7.2. Trách nhiệm của Ngân Hàng Lưu Ký
### Responsibilities of the Depository Bank

Ngân Hàng Lưu Ký không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Tổ Chức Phát Hành; trừ trường hợp Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện các công việc vi phạm bất kỳ quy định nào tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, Hợp Đồng Nguyên Tắc và/hoặc quy định pháp luật Việt Nam, khi đó Ngân Hàng Lưu Ký có nghĩa vụ bồi thường và/hoặc bồi hoàn mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, chi phí và phí tổn mà Tổ Chức Phát Hành phải gánh chịu trên thực tế và trực tiếp liên quan đến hoặc phát sinh từ hành vi vi phạm đó với tổng mức bồi thường thiệt hại/bồi hoàn không quá mức Phí Dịch Vụ. Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành công nhận và đồng ý rằng:

The Depository Bank shall bear no responsibility to the Issuer; except in cases where the Depository Bank violates any provisions of this Depository Contract, the Principal Contract, and/or Vietnamese laws, in such cases the the Depository Bank shall indemnify and/or, reimburse the Issuer for all losses, damages, liabilities, penalties, costs and expenses actually incurred by the Issuer directly arising from such such violation, with the total compensation/reimbursement amount not exceeding the Service Fee. In addition, the Issuer acknowledges and agrees that:

(a) Ngân Hàng Lưu Ký không có bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ hay nhiệm vụ nào ngoài các công việc và nghĩa vụ được quy định rõ ràng trong Hợp Đồng Ký Quỹ này, Hợp Đồng Nguyên Tắc và/hoặc quy định pháp luật Việt Nam áp dụng.
The Depository Bank shall not have any responsibilities, obligations, or duties other than the tasks and obligations clearly stipulated in this Depository Contract, the Principal Contract, and/or the applicable provisions of Vietnamese laws.

(b) Ngân Hàng Lưu Ký không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với bất kỳ quy định nào của pháp luật Việt Nam, quyết định, phán quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hay quy chế của VSDC hoặc sở giao dịch chứng khoán. Trong trường hợp này, Ngân Hàng Lưu Ký có trách nhiệm thông báo cho Tổ Chức Phát Hành trước ít nhất năm (05) Ngày Làm Việc khi không/dừng thực hiện các công việc theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, và phải bảo đảm phối hợp với Tổ Chức Phát Hành để cùng giải quyết các hệ quả phát sinh nhằm hạn chế tối đa thiệt hại cho Các Bên.
The Depository Bank is not required to perform any task or obligation that is contrary to any provisions of Vietnamese laws, decisions or rulings of competent State agencies, or regulations of the VSDC or stock exchange. In this case, the Depository Bank is responsible for notifying the Issuer at least five (05) Business Days in advance of not/stopping performing the tasks as agreed in this Depository Contract, and shall ensure coordination with the Issuer to resolve any arising consequences in order to minimize the damage to the Parties.

## 8. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT
## VALIDATION AND TERMINATION

**8.1.** Việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký sẽ chấm dứt khi:
The appointment of the Depository Bank shall terminate when:

(a) giao dịch phát hành Chứng Quyền của Tổ Chức Phát Hành bị hủy bỏ theo pháp luật Việt Nam hoặc không có Chứng Quyền nào được Tổ Chức Phát Hành phát hành trong tối đa 15 ngày kể từ ngày Giấy Chứng Nhận Chào Bán Chứng Quyền có hiệu lực và Ngân Hàng Lưu Ký đã hoàn thành việc

giải tỏa Tài Sản Bảo Đảm theo Điều 9 của Hợp Đồng Ký Quỹ này. Trường hợp này, việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký sẽ tự động bị chấm dứt; hoặc
the Issuer's Warrant issuance transaction is canceled in accordance with Vietnamese laws or no Warrants are issued by the Issuer within a maximum of 15 days from the effective date of the Certificate of Warrant Offering and the Depository Bank has completed the release of Depository Assets in accordance with Article 9 hereof. In this case, the appointment of the Depository Bank shall be automatically terminated; or

(b) có lý do khách quan vượt quá tầm kiểm soát của Ngân Hàng Lưu Ký dẫn đến Ngân Hàng Lưu Ký không thể tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng Ký Quỹ này và Ngân Hàng Lưu Ký có đề nghị chấm dứt Hợp Đồng Ký Quỹ bằng văn bản gửi Tổ Chức Phát Hành. Ngân Hàng Lưu Ký chỉ chấm dứt Hợp Đồng Ký Quỹ này khi Tổ Chức Phát Hành chỉ định được một ngân hàng khác để làm ngân hàng lưu ký (sau đây gọi là "**Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế**"). Trường hợp này, Ngân Hàng Lưu Ký sẽ nhanh chóng hoàn trả cho Tổ Chức Phát Hành số Phí Dịch Vụ mà Ngân Hàng Lưu Ký đã nhận *(tính trên số tiền mà Ngân Hàng Lưu Ký nhận được theo Hợp Đồng Ký Quỹ này)* tương ứng với khoảng thời gian mà Ngân Hàng Lưu Ký không phải thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng Ký Quỹ này tính từ ngày chấm dứt cho đến Ngày Đáo Hạn. Để rõ ràng, Ngân Hàng Lưu Ký phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Ký Quỹ này cho đến khi Tổ Chức Phát Hành chỉ định được Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế.
there are objective reasons beyond the control of the Depository Bank that result in the Depository Bank not being able to continue exercising its rights and obligations under this Depository Contract and the Depository Bank send written request to the Issuer to terminate the Depository Contract. The Depository Bank shall only terminate this Depository Contract when the Issuer appoints another bank to be the depository bank (hereinafter referred to as the "**Alternate Depository Bank**"). In this case, the Depository Bank shall promptly refund the Issuer the amount of the Service Fee received by the Depository Bank *(calculated based on the amount received by the Depository Bank under this Depository Contract)* corresponding to the period during which the Depository Bank is not required to perform its obligations under this Depository Contract, starting from the termination date until the Expiry Date. For the avoidance of doubt, the Depository Bank shall continue to perform its obligation under this Depository Contract until the Issuer's appointment of the Alternate Depository Bank.

Khi Tổ Chức Phát Hành chỉ định được Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế, Tổ Chức Phát Hành gửi văn bản thông báo đến Ngân Hàng Lưu Ký, và Ngân Hàng Lưu Ký hoàn trả Phí Dịch Vụ theo Điều 8.1(b) trên đây, giải tỏa

Tài Sản Bảo Đảm và thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết khác để chuyển giao lại quyền, nghĩa vụ cho Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế.
When the Issuer appoints the Alternate Depository Bank, the Issuer sends a written notice to the Depository Bank, and the Depository Bank shall refund the Service Fee in accordance with Article 8.1(b) above, release the Depository Assets and carry out all other necessary procedures to transfer rights and obligations to the Alternate Depository Bank.

**8.2.** Hợp Đồng Ký Quỹ này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
This Depository Contract shall take effect from the signing date and shall be terminated upon the occurrence of any of the following events:

(a) Chấm dứt trong trường hợp việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký chấm dứt theo quy định tại Điều 8.1 Hợp Đồng Ký Quỹ này;
The appointment of the Depository Bank terminates in accordance with the provisions of Article 8.1 of this Depository Contract;

(b) Khi các Chứng Quyền được mua lại toàn bộ theo Bản Cáo Bạch để hủy niêm yết theo quy định hoặc mọi Nghĩa Vụ Thanh Toán theo Chứng Quyền đã được thực hiện đầy đủ tại Ngày Đáo Hạn;
When the Warrants are fully redeemed according to the Prospectus for delisting as prescribed or when all Payment Obligations under the Warrants have been fully performed at the Expiry Date;

(c) Theo thỏa thuận của Các Bên; hoặc
As agreed by the Parties; or

(d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam, Hợp Đồng Nguyên Tắc và/hoặc Hợp Đồng Ký Quỹ này (nếu có).
Other cases as prescribed by Vietnamese laws, the Principal Contract and/or this Depository Contract (if any).

Để tránh hiểu nhầm, nếu Hợp Đồng Ký Quỹ chấm dứt trong thời hạn của Chứng Quyền, Các Bên có trách nhiệm phối hợp và nhanh chóng chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế tương tự như quy định tại Điều 8.1(b) nêu trên. Ngân Hàng Lưu Ký sẽ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Ký Quỹ này cho đến khi Tổ Chức Phát Hành hoàn thành thủ tục chỉ định được Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế.
For the avoidance of doubt, if this Depository Contract is terminated during the validity term of the Warrants, the Parties shall be responsible for coordinating and promptly appointing the Alternate Depository Bank in a manner similar to Article 8.1(b) above. The Depository Bank shall continue to perform its obligations under this Depository Contract until the Issuer completes the procedures for appointing the Alternate Depository Bank.

## 9. GIẢI TỎA TÀI SẢN BẢO ĐẢM
## RELEASE OF THE DEPOSITORY ASSETS

**9.1.** Theo đề nghị bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để nhanh chóng giải tỏa các Tài Sản Bảo Đảm trong các trường hợp sau:
Upon written request of the Issuer, the Depository Bank shall carry out the necessary procedures to promptly release the Depository Assets in the following cases:

(a) Đợt chào bán Chứng Quyền của Tổ Chức Phát Hành bị hủy bỏ;
The Issuer's Warrants offering is canceled;

(b) Không có Chứng Quyền nào được Tổ Chức Phát Hành tạo lập và phát hành sau 15 ngày kể từ ngày Giấy Chứng Nhận Chào Bán Chứng Quyền cấp bởi UBCKNN có hiệu lực;
No Warrants will be created and issued by the Issuer after 15 days from the effective date of the Certificate of Warrant Offering issued by the SSC;

(c) Chứng Quyền liên quan bị hủy niêm yết;
The relevant Warrants were delisted;

(d) Vào một ngày sau Ngày Đáo Hạn, trường hợp Chứng Quyền không có lãi, Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ phải thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền;
On the day after the Expiry Date, if the Warrants are not profitable, the Issuer has no payment obligation to the Warrant Holders;

(e) Vào một ngày sau Ngày Đáo Hạn, trường hợp Chứng Quyền Có Lãi,
On the day after the Expiry Date, if the Warrants are In-the-money Warrants,

(i) Ngân Hàng Lưu Ký nhận được văn bản xác nhận của UBCKNN hoặc VSDC hoặc sở giao dịch chứng khoán việc Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện đầy đủ các Nghĩa Vụ Thanh Toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền; hoặc
the Depository Bank receives written confirmation from the SSC or the VSDC or the stock Exchange that the Issuer has fully fulfilled its Payment Obligations to the Warrants Holders; or

(ii) Tổ Chức Phát Hành cung cấp cho Ngân Hàng Lưu Ký hồ sơ chứng minh được việc Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện đầy đủ các Nghĩa Vụ Thanh Toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền và được Ngân Hàng Lưu Ký chấp thuận.

the Issuer provides the Depository Bank with documents proving that the Issuer has fully fulfilled its Payment Obligations to the Warrant Holders and is approved by the Depository Bank

(f) Tổ Chức Phát Hành sử dụng Tài Sản Bảo Đảm tại Ngân Hàng Lưu Ký theo Hợp Đồng Ký Quỹ này để thực hiện quyền cho Người Sở Hữu Chứng Quyền;
The Issuer uses the Depository Assets at the Depository Bank under this Depository Contract to exercise the rights of the Warrant Holders;

(g) Một phần Tài Sản Bảo Đảm bị rút bớt theo các Điều 2.4(b) và (e), hoặc Tài Sản Bảo Đảm được thay thế theo Điều 2.4(c) Hợp Đồng Ký Quỹ này; hoặc
Part of the Depository Assets is withdrawn according to Articles 2.4(b) and (e), or the Depository Assets are replaced according to Article 2.4(c) hereof; or

(h) Hợp Đồng Ký Quỹ chấm dứt theo Điều 8.2 Hợp Đồng Ký Quỹ;
The Depository Contract is terminated under Article 8.2 hereof;

(i) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam, Hợp Đồng Nguyên Tắc và/hoặc Hợp Đồng Ký Quỹ này.
Other cases as prescribed by Vietnamese laws, the Principal Contract, and/or this Depository Contract.

**9.2. Thủ tục giải tỏa**
**Release procedures**

Tổ Chức Phát Hành gửi Ngân Hàng Lưu Ký đề nghị giải toả Tài Sản Bảo Đảm và các tài liệu, hồ sơ cần thiết và hợp lý liên quan đến thủ tục giải tỏa, đảm bảo tuân thủ các quy định của UBCKNN và/hoặc VSDC.
The Issuer sends to the Depository Bank a request for the release of the Depository Assets, and necessary and reasonable documents and records related to the release procedures in accordance with regulations of the SSC and/or the VSDC.

## 10. THÔNG BÁO
## NOTICE

**10.1.** Bất kỳ thông báo và trao đổi thực hiện theo Hợp Đồng Ký Quỹ này được một Bên gửi cho Bên kia phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và sẽ được gửi bởi người đưa thư/giao tận tay, thư bảo đảm, chuyển phát nhanh, fax hoặc thư điện tử (email) đến địa chỉ người nhận dự kiến.
Any notices and communication made under this Depository Contract by one Party to the other Party shall be in writing in Vietnamese and shall be

delivered by the mailman/hand delivery, registered mail, courier, fax or electronic mail (email) addressed to the intended recipient address.

**10.2.** Chi tiết thông tin liên lạc của Các Bên để nhận tất cả các thông báo và trao đổi liên quan đến Hợp Đồng Ký Quỹ này như sau:
Contact details of the Parties to receive all notices and communication in connection with this Depository Contract are as follows:

| | | |
|---|---|---|
| Gửi tới Tổ Chức Phát Hành<br>Send to the Issuer | : | **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank**<br>**Maybank Securities Limited**<br>Địa chỉ: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, Số 05 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam<br>Address: VP-10-01, Floor 10, Pearl 5 Tower, 05 Le Quy Don Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam<br>Người nhận: **Bà Hoàng Ngọc Trâm** và/hoặc **Ông Nguyễn Thành Trung**<br>Recipient: **Ms. Hoang Ngoc Tram** and/or **Mr. Nguyen Thanh Trung**<br>Email: tram.hoang@maybank.com, trung.nguyen@maybank.com và (and) ECD.MSVN@maybank.com<br>Điện thoại (Phone): **(84) 28 44 555 888 (ext 8028)** |
| Gửi tới Ngân Hàng Lưu Ký<br>Send to the Depository Bank | : | **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa**<br>**Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Nam Ky Khoi Nghia Branch**<br>Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCO số 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam<br>Address: No. 56 (rear), 58, 60, 62, 64 and Ground floor, 10th floor, 11th floor, TASCO building No. 66, 68 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam<br>Người nhận: **Bà Nguyễn Thị Song Hoanh**<br>Recipient: **Ms. Nguyen Thi Song Hoanh**<br>Email: hoanhnts@bidv.com.vn<br>Điện thoại (Phone): **0909940055** |

**10.3.** Trừ khi được quy định tại Điều 10.4 dưới đây, mọi thông báo và thông tin liên lạc được thực hiện theo Hợp Đồng Ký Quỹ này từ một Bên sẽ được coi là đã được Bên kia nhận như sau:
Except as provided in Article 10.4 below, any notices and communication in connection with this Depository Contract from one Party shall be deemed to be received by the other Party as follows:

(a) tại thời điểm nhận nếu được giao bởi người đưa thư theo hình thức báo phát/giao tận tay có biên nhận;
at the time of delivery if they are delivered by mailman/hand delivery with return receipt;

(b) nếu gửi qua đường bưu điện/chuyển phát nhanh có bảo đảm, tại thời điểm Bên nhận ký vào biên nhận giao thư;
if delivered by post/courier, at the time the receiving Party signs the delivery receipt;

(c) nếu gửi bằng thư điện tử (email), khi thư điện tử (email) xác nhận "Đã gửi" và không có phản hồi "Tin nhắn chưa được gửi"; hoặc
if delivered by electronic mail (email), by the time that the electronic mail (email) confirms "Sent" and there is no response of "Undelivered message"; or

(d) nếu gửi bằng fax, khi gửi đến số fax của Bên nhận, với điều kiện máy fax của Bên gửi đã báo cáo rằng thông báo đã được gửi thành công.
if delivered via facsimile, when delivered to the fax number of the receiving Party, provided that the delivering fax machine of the sending Party has reported that the notification has been sent successfully.

**10.4.** Tất cả các thông báo và thông tin liên lạc được đưa ra theo Điều 10.3 nêu trên nhưng được nhận vào một ngày không phải Ngày Làm Việc hoặc sau giờ làm việc (sau 05:00 chiều) tại nơi nhận sẽ chỉ được xem như được gửi vào Ngày Làm Việc tiếp theo tại nơi đó.
All notices and communication made under Article 10.3 above but received on a day other than a Business Day or after business hours (after 5.00pm) at the place of destination shall be deemed to have been given only on the next Business Day at that place.

**10.5.** Bất kỳ Bên nào cũng có thể thay đổi hoặc bổ sung chi tiết liên hệ nêu trên hoặc chỉ định địa chỉ bổ sung cho mục đích của điều khoản này bằng cách gửi cho Bên kia thông báo bằng văn bản trước ba (03) Ngày Làm Việc về chi tiết liên hệ mới theo cách nêu trên.
Any Party may change or supplement the contact details set forth above, or designate additional addresses for the purposes of this Article by giving the other Party three (03) Business Days prior written notice of the new contact details in the manner set forth above.

## 11. SỬA ĐỔI
## REVISION

Hợp Đồng Ký Quỹ này chỉ có thể được sửa đổi nếu việc sửa đổi đó được lập thành văn bản có chữ ký của người đại diện hợp pháp và con dấu của Tổ Chức Phát Hành và Ngân Hàng Lưu Ký.
This Depository Contract may only be amended if such amendment is made in writing and signed by the duly representatives and the seal of the Issuer and the Depository Bank.

## 12. CHUYỂN GIAO VÀ KẾ THỪA
## ASSIGNMENT AND SUCCESSOR

**12.1.** Không Bên nào được chuyển giao hoặc chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng Ký Quỹ này cho bất kỳ bên thứ ba nào khi chưa được Bên còn lại chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ việc chuyển giao hoặc chuyển nhượng hoặc kế nhiệm được cho phép cụ thể theo Hợp Đồng Ký Quỹ này.
Neither Party may assign or transfer any of its rights or obligations hereunder in whole or in part to any third party without the prior written consent of the other Party, except for such transfer, or assignment, or succession as specifically permitted under this Depository Contract.

**12.2.** Hợp Đồng Ký Quỹ này sẽ mở rộng và có hiệu lực ràng buộc đối với các bên thừa kế, bên kế nhiệm, và bên nhận chuyển nhượng/chuyển giao tương ứng của Các Bên mà Các Bên có quyền chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Ký Quỹ này. Theo đó, các bên thừa kế, bên kế nghiệm, và bên nhận chuyển nhượng/chuyển giao nêu trên được quyền hưởng các lợi ích và có các nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng Ký Quỹ này.
This Depository Contract shall extend to and be binding upon the Parties's respective heirs, successors, and assignees/transferees to whom the Parties are entitled to assign or transfer their rights or obligations under this Depository Contract. Accordingly, the aforementioned heirs, successors, and assignees/transferees are entitled to enjoy the benefits and have obligations under the provisions of this Depository Contract.

## 13. BẤT KHẢ KHÁNG
## FORCE MAJEURE

**13.1.** **"Sự Kiện Bất Khả Kháng"** có nghĩa là bất kỳ sự kiện khách quan nào nằm ngoài khả năng kiểm soát hợp lý, không thể lường trước được của Bên bị ảnh hưởng làm cho Bên bị ảnh hưởng hoặc hai Bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Ký Quỹ này, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp như: (i) sự hư hỏng đường truyền, hư hỏng phương tiện

máy tính, hư hỏng thiết bị/phương tiện kết nối, lỗi hệ thống, các sự cố liên quan đến tấn công mạng, tấn công hệ thống, tấn công lấy cắp/xóa dữ liệu, mất kết nối đường truyền internet hay đường truyền cáp quang có tính hệ thống; (ii) sở giao dịch chứng khoán, VSDC, hoặc bên có liên quan gặp sự cố (bao gồm cả sự cố của hệ thống giao dịch) trong khi thực hiện nghĩa vụ của bên đó; (iii) bạo loạn, chiến tranh, chiến sự, bạo động, đình công, tranh chấp lao động và các ngưng trệ công việc khác, các tiện ích công cộng bị ngừng hoạt động hoặc bị cản trở, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, dịch bệnh hoặc thiên tai khác; (iv) sự ngăn cấm hay hành động của Chính phủ hoặc cơ quan Nhà nước; (v) bản án, sự thay đổi chỉ thị, quy định, luật, sắc lệnh của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, sở giao dịch chứng khoán, VSDC. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi trường hợp nghĩa vụ thanh toán của một Bên cho Bên còn lại không được miễn trừ bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng.

"**Force Majeure Event**" means any objective event beyond the reasonable control and unforeseen ability of the affected Party that makes it impossible for the affected Party or both Parties to perform their obligations under this Depository Contract, including but not limited to: (i) damage to transmission lines, damage to computer instrument, damage to connection equipment/instrument, system errors, incidents related to network attacks, system attacks, data theft/deletion attacks, systematic loss of internet connection or fiber optic cable connection; (ii) the stock exchange, VSDC, or a related party encounters technical problems (including problems with the trading system) while performing that its obligations; (iii) riots, wars, hostilities, strikes, labor disputes and other work stoppages, public utilities being stopped or obstructed, fires, floods, earthquake, tsunami, epidemic or other natural disasters; (iv) prohibitions or actions of the Government or State agencies; (v) judgments, changes in directives, regulations, laws, or decrees of competent State agencies, the stock exchange, the VSDC. For the avoidance of doubt, in all cases, a Party's payment obligations to the other Party shall not be waived by a Force Majeure Event.

**13.2.** Ngân Hàng Lưu Ký sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành về bất kỳ hành động phải thực hiện mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, cản trở hoặc chậm trễ trong việc cung cấp dịch vụ theo Hợp Đồng Ký Quỹ này hoặc việc thực hiện toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Ký Quỹ này, nếu vi phạm đó là do Sự Kiện Bất Khả Kháng, với điều kiện là Ngân Hàng Lưu Ký đã áp dụng các biện pháp cần thiết cũng như đã sử dụng các khả năng được phép mà vẫn không khắc phục được Sự Kiện Bất Khả Kháng.

The Depository Bank shall not be liable to the Issuer for any if such breach is due to, for hindrance or delay in the provision of services under this Depository Contract or the performance of all or part of its obligations under this Depository Contract, if such breach is due to the Force Majeure Event provided that the Depository Bank had applied the necessary measures and used the permitted capabilities but still could not overcome the Force Majeure Event.

**13.3.** Khi xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, Ngân Hàng Lưu Ký phải nhanh chóng thông báo cho Tổ Chức Phát Hành về Sự Kiện Bất Khả Kháng và phải có nghĩa vụ áp dụng các biện pháp hợp lý để có thể giảm thiểu tổn thất mà Tổ Chức Phát Hành phải chịu do Sự Kiện Bất Khả Kháng đó gây ra. Sau khi Sự Kiện Bất Khả Kháng chấm dứt, với điều kiện là Hợp Đồng Ký Quỹ này vẫn còn hiệu lực, thì Ngân Hàng Lưu Ký vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Hợp Đồng Ký Quỹ này.
When a Force Majeure Event occurs, the Depository Bank must promptly notice the Issuer of the Force Majeure Event and is obliged to apply reasonable measures to minimize the loss suffered by the Issuer caused by the Force Majeure Event. After the Force Majeure Event has ended, as long as this Depository Contract is still valid, the Depository Bank must continue to perform its obligations in accordance with the provisions of this Depository Contract.

**13.4.** Tổ Chức Phát Hành sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với Ngân Hàng Lưu Ký về bất kỳ hành động phải thực hiện mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, cản trở hoặc chậm trễ trong việc thực hiện các công việc như được nêu tại Hợp Đồng Ký Quỹ này hoặc việc không thực hiện toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình nếu việc vi phạm đó là do Sự Kiện Bất Khả Kháng.
The Issuer shall not be liable to the Depository Bank for any action required to be performed is not performed or is improperly performed, for hindrance or delay in carrying out the tasks as set out in this Depository Contract or the failure to perform all or part of its obligations if such breach is due to Force Majeure Event.

## 14. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
## GOVERNING LAW AND DISPUTE RESOLUTION

**14.1.** Hợp Đồng Ký Quỹ này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.
This Depository Contract shall be governed and interpreted according to Vietnamese laws.

**14.2.** Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng Ký Quỹ này ("**Tranh Chấp**") phải được giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng giữa Các Bên. Trong trường hợp Tranh Chấp không thể giải quyết được trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Tranh Chấp đó phát sinh, Tranh Chấp sẽ được đưa ra và giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ("**VIAC**") theo Quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC có hiệu lực tại thời điểm đó.
Any dispute arising out of or in connection with this Depository Contract ("**Dispute**") shall be resolved on the basis of equal negotiation between the Parties. In case the Dispute cannot be settled within thirty (30) days from the

date on which such Dispute arises, such Dispute shall be referred to and finally settled by arbitration at the Vietnam International Arbitration Center beside the Vietnam Chamber of Commerce and Industry ("**VIAC**") according to its Rules of Arbitration for the time being in force.

(a) Hội đồng trọng tài bao gồm ba (03) trọng tài viên được chỉ định theo Quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC;
The arbitral tribunal shall comprise of three (03) arbitrators who are appointed in accordance with VIAC's Rules of Arbitration;

(b) Địa điểm tố tụng là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
The place of arbitration shall be Ho Chi Minh City, Vietnam;

(c) Ngôn ngữ tố tụng trọng tài là tiếng Việt; và
The language for arbitration proceedings shall be Vietnamese; and

(d) Phán quyết của trọng tài sẽ là quyết định cuối cùng và ràng buộc đối với các Bên.
The arbitration award shall be final and binding on the Parties.

**14.3.** Trong quá trình giải quyết tranh chấp, Hợp Đồng Ký Quỹ này phải tiếp tục được thực hiện trên mọi phương diện ngoại trừ nội dung tranh chấp đang được trọng tài phân xử.
During the dispute settlement process, this Depository Contract shall continue being performed in all aspects except for the disputed part which is under arbitration.

**14.4.** Phí trọng tài sẽ được thanh toán theo quyết định của hội đồng trọng tài.
Arbitration fees shall be borne as determined by the arbitral tribunal.

## 15. NGÔN NGỮ
## LANGUAGE

Hợp Đồng Ký Quỹ này được lập thành ba (03) bản gốc song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị pháp lý như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ một (01) bản gốc, Ngân Hàng Lưu Ký giữ một (01) bản gốc, và Tổ Chức Phát Hành nộp một (01) bản gốc đến UBCKNN. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung tiếng Anh và nội dung tiếng Việt của Hợp Đồng Ký Quỹ này thì nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
This Depository Contract is made into three (03) bilingual originals in Vietnamese and English, with equal validity. The Issuer keeps one (01) original, the Depository Bank keeps one (01) original, and the Issuer submits one (01) original to the SSC. In case of any discrepancy between the English language and the Vietnamese language of this Depository Contract, the Vietnamese language shall prevail.

**ĐỂ LÀM CHỨNG,** Các Bên đã ký kết Hợp Đồng Ký Quỹ này vào ngày được nêu ở đầu Hợp Đồng Ký Quỹ này.
**IN WITNESS WHEREOF,** the Parties have entered into this Depository Contract on the date stated at the beginning of this Depository Contract.

**CÁC BÊN KÝ KẾT**
**SIGNING PARTIES**

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**
**ISSUER**

S.G.P: 117 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK
P. XUÂN HÒA - T.P HỒ CHÍ MINH

**Nguyễn Võ Vân Hà**
Giám đốc Tài chính

**NGÂN HÀNG LƯU KÝ**
**DEPOSITORY BANK**

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA
TP. HỒ CHÍ MINH

**PHÓ GIÁM ĐỐC**
*Hoàng Chí Sơn*

# PHỤ LỤC 1
## APPENDIX 1

*(Đính kèm Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán số 220926/2026–HĐKQ.MSVN ngày 22 tháng 09 năm 2026)*
*(Attached to Payment Guarantee Depository Contract no. 220926/2026–HDKQ.MSVN dated ... 22/09/2026....)*

## THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM
## WARRANTS INFORMATION

| Tên chứng quyền Warrant name | Mã chứng khoán cơ sở Code of the underlying securities | Loại chứng quyền Warrant type | Phương thức thực hiện chứng quyền Exercise method | Kiểu thực hiện Exercise style | Thời hạn Tenure | Tỷ lệ chuyển đổi Conversion ratio | Số lượng chứng quyền phát hành Number of warrants offered | Khoảng giá chào bán (VND/Chứng quyền) Expected offering price (VND/Warrant) | Số tài khoản nhận tiền đặt mua IPO account | Số tiền ký quỹ ban đầu (VND) Initial Depository value |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Chứng quyền ACB/MSVN/7M/0126 | ACB | Chứng quyền mua Call warrant | Thanh toán bằng tiền Cash-settled | Chứng quyền mà Người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại Ngày đáo hạn A covered warrant in which the warrant holder can only exercise | 7 tháng 7 months | 2:1 | 6.000.000 | 1.000 – 3.000 | 8650042462 | 9.000.000.000 |
| Chứng quyền FPT/MSVN/7M/0226 | FPT | | | | 7 tháng 7 months | 6:1 | 10.000.000 | 1.000 – 3.000 | 8600042464 | 15.000.000.000 |
| Chứng quyền FPT/MSVN/10M/0326 | FPT | | | | 10 tháng 10 months | 6:1 | 10.000.000 | 1.000 – 3.000 | 8670042467 | 15.000.000.000 |
| Chứng quyền HDB/MSVN/7M/0126 | HDB | | | | 7 tháng 7 months | 2:1 | 6.000.000 | 1.000 – 3.000 | 8640042466 | 9.000.000.000 |
| Chứng quyền HPG/MSVN/7M/0326 | HPG | | | | 7 tháng 7 months | 2:1 | 10.000.000 | 1.000 – 3.000 | 8620042465 | 15.000.000.000 |
| Chứng quyền HPG/MSVN/10M/0426 | HPG | | | | 10 tháng 10 months | 2:1 | 10.000.000 | 1.000 – 3.000 | 8670042463 | 15.000.000.000 |
| Chứng quyền MSN/MSVN/7M/0326 | MSN | | | | 7 tháng 7 months | 6:1 | 6.000.000 | 1.000 – 3.000 | 8690042468 | 9.000.000.000 |
| Chứng quyền SHB/MSVN/7M/0126 | SHB | | | | 7 tháng 7 months | 2:1 | 6.000.000 | 1.000 – 3.000 | 8620059533 | 9.000.000.000 |
| Chứng quyền STB/MSVN/7M/0326 | STB | | | | 7 tháng 7 months | 5:1 | 10.000.000 | 1.000 – 3.000 | 8620059537 | 15.000.000.000 |
| Chứng quyền VNM/MSVN/7M/0126 | VNM | | | | 7 tháng 7 months | 5:1 | 6.000.000 | 1.000 – 3.000 | 8640059540 | 9.000.000.000 |

| Tên chứng quyền<br>Warrant name | Mã chứng khoán cơ sở<br>Code of the underlying securities | Loại chứng quyền<br>Warrant type | Phương thức thực hiện chứng quyền<br>Exercise method | Kiểu thực hiện<br>Exercise style | Thời hạn<br>Tenure | Tỷ lệ chuyển đổi<br>Conversion ratio | Số lượng chứng quyền phát hành<br>Number of warrants offered | Khoảng giá chào bán (VND/Chứng quyền)<br>Expected offering price (VND/Warrant) | Số tài khoản nhận tiền đặt mua IPO<br>account | Số tiền ký quỹ ban đầu (VND)<br>Initial Depository value |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Chứng quyền VNM/MSVN/10M/0226 | VNM | | | the right only on the expiry date | 10 tháng<br>10 months | 5:1 | 6.000.000 | 1.000 – 3.000 | 8650059534 | 9.000.000.000 |
| Chứng quyền VPB/MSVN/7M/0226 | VPB | | | | 7 tháng<br>7 months | 2:1 | 10.000.000 | 1.000 – 3.000 | 8660059539 | 15.000.000.000 |
| Chứng quyền VPB/MSVN/10M/0326 | VPB | | | | 10 tháng<br>10 months | 2:1 | 10.000.000 | 1.000 – 3.000 | 8670059535 | 15.000.000.000 |
| Chứng quyền VRE/MSVN/7M/0126 | VRE | | | | 7 tháng<br>7 months | 3:1 | 6.000.000 | 1.000 – 3.000 | 8690059536 | 9.000.000.000 |

**PHỤ LỤC 2**
**APPENDIX 2**

*(Đính kèm Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán số 220926/2026–HĐKQ.MSVN ngày 22 tháng 09 năm 2026)*
*(Attached to Payment Guarantee Depository Contract no. /2026 – HDKQ.MSVN dated ..22/09/2026)*

## TÀI SẢN BẢO ĐẢM VÀ THỜI HẠN KÝ QUỸ
## DEPOSITORY ASSETS AND DEPOSITORY TERM

| TT<br>No. | Số hợp đồng/<br>Số FDR<br>Contract No./<br>FDR No. | Số tiền<br>(VND)<br>Value (VND) | Kỳ hạn<br>Period | Lãi suất<br>(%/năm)<br>Interest Rate<br>(%/year) | Ngày ký hợp đồng<br>Contract signing date | Ngày Đáo Hạn<br>Expiry Date | Giá Trị Ký Quỹ<br>(VND)<br>Depository Value (VND) | Tên chứng quyền được bảo đảm<br>Warrant name |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 201/2026/HĐTG-ĐCTC /<br>FDR: 816020388133 | 114.000.000.000 | 9 tháng | 8,0%/năm | 21/09/2026 | 21/06/2027 | 114.000.000.000 | Bảo đảm cho các chứng quyền bao gồm:<br>• Chứng quyền ACB/MSVN/7M/0126<br>• Chứng quyền FPT/MSVN/7M/0226<br>• Chứng quyền HDB/MSVN/7M/0126<br>• Chứng quyền HPG/MSVN/7M/0326<br>• Chứng quyền MSN/MSVN/7M/0326<br>• Chứng quyền SHB/MSVN/7M/0126<br>• Chứng quyền STB/MSVN/7M/0326<br>• Chứngquyền VNM/MSVN/7M/0126<br>• Chứng quyền VPB/MSVN/7M/0226<br>• Chứng quyền VRE/MSVN/7M/0126<br>(Chi tiết từng chứng quyền theo Danh sách tại Phụ lục 1 Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán số 220926/2026–HĐKQ.MSVN ngày 22 tháng 09 năm 2026)<br>Collateral for the covered warrants includes:<br>• Covered warrant ACB/MSVN/7M/0126<br>• Covered warrant FPT/MSVN/7M/0226<br>• Covered warrant HDB/MSVN/7M/0126<br>• Covered warrant HPG/MSVN/7M/0326<br>• Covered warrant MSN/MSVN/7M/0326<br>• Covered warrant SHB/MSVN/7M/0126 |

| TT<br>No. | Số hợp đồng/<br>Số FDR<br>Contract No./<br>FDR No. | Số tiền<br>(VND)<br>Value (VND) | Kỳ<br>hạn<br>Period | Lãi suất<br>(%/năm)<br>Interest<br>Rate<br>(%/year) | Ngày ký hợp<br>đồng<br>Contract<br>signing date | Ngày Đáo<br>Hạn<br>Expiry<br>Date | Giá Trị Ký Quỹ<br>(VND)<br>Depository Value<br>(VND) | Tên chứng quyền được bảo đảm<br>Warrant name |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | • Covered warrant STB/MSVN/7M/0326<br>• Covered warrant VNM/MSVN/7M/0126<br>• Covered warrant VPB/MSVN/7M/0226<br>• Covered warrant VRE/MSVN/7M/0126<br>(Details of each covered warrant are provided in the List in Appendix 1 of the Payment Guarantee Depository Contract No. 220926/2026–HĐKQ.MSVN dated 22/09/2026.) |
| 2 | 200/2026/HĐTG-ĐCTC /<br>FDR: 814020323333 | 54.000.000.000 | 368<br>ngày | 8,0%/năm | 17/09/2026 | 20/09/2027 | 54.000.000.000 | Bảo đảm cho các chứng quyền bao gồm:<br>• Chứng quyền FPT/MSVN/10M/0326<br>• Chứng quyền HPG/MSVN/10M/0426<br>• Chứng quyền VNM/MSVN/10M/0226<br>• Chứng quyền VPB/MSVN/10M/0326<br>(Chi tiết từng chứng quyền theo Danh sách tại Phụ lục 1 Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán số 220926/2026–HĐKQ.MSVN ngày 22 tháng 09 năm 2026<br>Collateral for the covered warrants includes:<br>• Covered warrant FPT/MSVN/10M/0326<br>• Covered warrant HPG/MSVN/10M/0426<br>• Covered warrant VNM/MSVN/10M/0226<br>• Covered warrant VPB/MSVN/10M/0326<br>(Details of each covered warrant are provided in the List in Appendix 1 of the Payment Guarantee Depository Contract No. 220926/2026–HĐKQ.MSVN dated 22/09/2026.) |

| TT<br>No. | Số hợp đồng/<br>Số FDR<br>Contract No./<br>FDR No. | Số tiền<br>(VND)<br>Value (VND) | Kỳ<br>hạn<br>Period | Lãi suất<br>(%/năm)<br>Interest<br>Rate<br>(%/year) | Ngày ký hợp<br>đồng<br>Contract<br>signing date | Ngày Đáo<br>Hạn<br>Expiry<br>Date | Giá Trị Ký Quỹ<br>(VND)<br>Depository Value<br>(VND) | Tên chứng quyền được bảo đảm<br>Warrant name |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **TỔNG/TOTAL** | | | | | | 168.000.000.000 | |

Tổng Giá Trị Ký Quỹ bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám tỷ đồng
Total Depository Value in words: One hundred sixty eight billion Vietnamese Dong.

**PHỤ LỤC 3**
**APPENDIX 3**

*(Đính kèm Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán số 2209.26/2026 – HĐKQ.MSVN ngày 22 tháng 09 năm 2026.)*

*(Attached to Payment Guarantee Depository Contract no. 2209.26/2026 – HDKQ.MSVN dated 22/09/2026*

**MẪU THỎA THUẬN SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG KÝ QUỸ BẢO ĐẢM THANH TOÁN**
**FORM OF AGREEMENT TO AMEND THE PAYMENT GUARANTEE DEPOSITORY CONTRACT**

**THỎA THUẬN SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG KÝ QUỸ BẢO ĐẢM THANH TOÁN** (sau đây gọi là "**Thỏa Thuận Sửa Đổi**") được lập vào ngày [□] bởi và giữa:
**AGREEMENT TO AMEND THE PAYMENT GUARANTEE DEPOSITORY CONTRACT** (hereinafter referred to as the "**Amendment Agreement**") is entered into on [date] by and between:

**A. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK**

| | | |
|---|---|---|
| Địa chỉ | : | VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, Số 05 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | : | Giấy chứng nhận đăng doanh nghiệp số 0305367563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2007 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) |
| Giấy phép thành lập và hoạt động | : | Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 01 năm 2014 và các giấy phép sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm |
| Điện thoại | : | (84) 28 44 555 888 |
| Fax | : | (84) 28 38 271 030 |
| Người đại diện | : | Nguyễn Võ Vân Hà Chức vụ: Giám đốc Tài chính |
| Văn bản ủy quyền | : | Quyết định ủy quyền số /QĐ-MSVN ngày của Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank |

*(Sau đây gọi là "**Bên A**" hoặc "**Tổ Chức Phát Hành**")*

**A. MAYBANK SECURITIES LIMITED**

| | | |
|---|---|---|
| Address | : | VP-10-01, Floor 10, Pearl 5 Tower, 05 Le Quy Don Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam |
| Enterprise Registration Certificate | : | Enterprise Registration Certificate no. 0305367563 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the first time on 14 December 2007 (amended and supplemented from time to time) |
| Establishment and operation license | : | License for establishment and operation no. 117/GP-UBCK issued by the State Securities Commission of Vietnam on 03 January 2014 and its amendments from time to time |
| Phone | : | (84) 28 44 555 888 |
| Fax | : | (84) 28 38 271 030 |

| | | |
|---|---|---|
| Representative | : | Nguyen Vo Van Ha Position: Chief Financial Offier |
| Authorization documents | : | Authorization decision No. /QĐ-MSVN dated by the Chief Executive Officer – Legal representative of Maybank Securities Limited |

*và*
*and*

**B. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA**

| | | |
|---|---|---|
| Địa chỉ | : | 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCO số 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | : | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) |
| Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán | : | Quyết định số 16/GPHĐLK do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003 cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Quyết định số 106/QĐ-UBCK do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa) |
| Điện thoại | : | (84) 28 38 218 812 |
| Fax | : | (84) 28 39 144 714 |
| Người đại diện | : | [□] Chức vụ: Phó Giám đốc |
| Văn bản ủy quyền | : | Quyết định ủy quyền số /QĐ-BIDV ngày tháng năm của Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam |

*(Sau đây gọi là "**Bên B**" hoặc "**Ngân Hàng Lưu Ký**")*

**B. JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM – NAM KY KHOI NGHIA BRANCH**

| | | |
|---|---|---|
| Address | : | No. 56 (rear), 58, 60, 62, 64 and Ground floor, 10th floor, 11th floor, TASCO building No. 66, 68 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam |
| Enterprise Registration Certificate | : | Enterpise Registration Certificate no. 0100150619-079 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the first time on 29 November 2004 (amended and supplemented from time to time) |
| Certificate of securities depository registration | : | Decision No. 16/GPHĐLK issued by the State Securities Commission of Vietnam on 14 May 2003 for Joint Stock Commercial Bank For Investment And Development Of Vietnam and Decision No. 106/QĐ-UBCK issued by the State Securities Commission of Vietnam on 14 May |

| | | |
|---|---|---|
| | | 2003 for Joint Stock Commercial Bank For Investment And Development Of Vietnam (Nam Ky Khoi Nghia Branch) |
| Phone | : | (84) 28 38 218 812 |
| Fax | : | (84) 28 39 144 714 |
| Representative | : | Position: Deputy Director |
| Authorization documents | : | Authorization decision No. /QD-BIDV dated by the General Director – Legal representative of Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam |

*(Tổ Chức Phát Hành và Ngân Hàng Lưu Ký sau đây gọi riêng là mỗi "**Bên**" và gọi chung là "**Các Bên**".)*
*(The Issuer and the Depository Bank are hereinafter referred to individually as each "**Party**" and collectively as the "**Parties**".)*

**CƠ SỞ XÁC LẬP THỎA THUẬN SỬA ĐỔI:**
**BASIS FOR ESTABLISHING THE AMENDMENT AGREEMENT:**

(A) Các Bên đã ký kết Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán số [•] vào ngày [•] tháng [•] năm [•] ("**Hợp Đồng Ký Quỹ**") quy định về việc Tổ Chức Phát Hành ký quỹ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán đối với các Chứng Quyền (thông tin chi tiết nêu tại Phụ lục 1 của Hợp Đồng Ký Quỹ).
The Parties have entered into the Payment Guarantee Depository Contract no. [•] dated [date] [month] [year] ("**Depository Contract**") stipulating the deposit of the Issuer to secure its payment obligations related to the Warrants (details specified in Appendix 1 of the Depository Contract).

(B) Hiện nay, Các Bên thỏa thuận và chấp thuận những nội dung sửa đổi, bổ sung đối với Hợp Đồng Ký Quỹ như được quy định cụ thể tại Thỏa Thuận Sửa Đổi này.
Now, the Parties discuss and agree on the amendments and supplements to the Depository Contract as specifically outlined in this Amendment Agreement.

**DO ĐÓ, CÁC BÊN THỎA THUẬN như sau:**
**THEREFORE, THE PARTIES AGREE as follows:**

## 1. GIẢI THÍCH
## INTERPRETATION

**1.1.** Trừ trường hợp được định nghĩa khác một cách rõ ràng trong Thỏa Thuận Sửa Đổi này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Thỏa Thuận Sửa Đổi này có nghĩa tương tự như được quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ.
Unless otherwise explicitly defined in this Amendment Agreement, the capitalized terms used in this Amendment Agreement shall have the same meaning as defined in the Depository Contract.

1.2. Các quy định tại Điều 1.2 (Giải thích) của Hợp Đồng Ký Quỹ được áp dụng cho Thỏa Thuận Sửa Đổi này như thể đã được quy định đầy đủ trong Thỏa Thuận Sửa Đổi này, ngoại trừ các dẫn chiếu trong Thỏa thuận Sửa Đổi đến "Hợp Đồng Ký Quỹ này" sẽ được hiểu là các dẫn chiếu đến Hợp Đồng Ký Quỹ mà đã bao gồm các sửa đổi của Thỏa Thuận Sửa Đổi này.
The provisions of Article 1.2 (Explanation) of the Depository Contract shall apply to this Amendment Agreement as if fully incorporated herein, except that any references in this Amendment Agreement to "this Depository Contract" shall be understood as references to the Depository Contract which has been amended by this Amendment Agreement.

## 2. NỘI DUNG SỬA ĐỔI
## AMENDMENTS

2.1. Sửa đổi Điều …
Amendments to Article…
(a) …

(i) …

2.2. Sửa đổi Phụ lục …
Amendments to Appendix…

## 3. CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM
## REPRESENTATIONS AND WARRANTIES

Các Bên xác nhận rằng, vào ngày ký Thỏa Thuận Sửa Đổi này, các cam đoan và bảo đảm của Các Bên như quy định tại Điều 5.1 và Điều 5.2 của Hợp Đồng Ký Quỹ:
The Parties confirm that, as of the date of signing this Amendment Agreement, the representations and warranties of the Parties as stipulated in Articles 5.1 and 5.2 of the Depository Contract:

3.1. là đúng sự thật; và
are true; and

3.2. cũng sẽ vẫn đúng nếu dẫn chiếu đến "Thỏa Thuận Sửa Đổi này" được hiểu là các dẫn chiếu đến Hợp Đồng Ký Quỹ được sửa đổi bằng Thỏa Thuận Sửa Đổi này.
shall remain true if references to "this Amendment Agreement" are interpreted as references to the Depository Contract which has been amended by this Amendment Agreement.

## 4. QUY ĐỊNH KHÁC
## OTHER PROVISIONS

4.1. Ngoại trừ các điều khoản được điều chỉnh tại Thỏa Thuận Sửa Đổi này, các điều khoản khác của Hợp Đồng Ký Quỹ sẽ vẫn giữ nguyên đầy đủ hiệu lực. Kể từ ngày ký Thỏa Thuận Sửa Đổi này, Thỏa Thuận Sửa Đổi này là một

phần không tách rời của Hợp Đồng Ký Quỹ, theo đó Hợp Đồng Ký Quỹ và Thỏa Thuận Sửa Đổi này sẽ được hiểu và diễn giải như là một văn bản duy nhất.
Except for the articles amended by this Amendment Agreement, other articles of the Depository Contract shall remain in full force and effect. From the signing date of this Amendment Agreement, this Amendment Agreement shall form an integral part of the Depository Contract, accordingly the Depository Contract together with this Amendment Agreement shall be construed and interpreted as a single document.

**4.2.** Thỏa Thuận Sửa Đổi này được lập thành ba (03) bản gốc song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ một (01) bản gốc, Ngân Hàng Lưu Ký giữ một (01) bản gốc, và Tổ Chức Phát Hành nộp một (01) bản gốc đến UBCKNN. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung tiếng Anh và nội dung tiếng Việt của Thỏa Thuận Sửa Đổi này thì nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
This Amendment Agreement is made into three (03) bilingual originals in Vietnamese and English, with equal validity. The Issuer keeps one (01) original, the Depository Bank keeps one (01) original, and the Issuer submits one (01) original to the SSC. In case of any discrepancy between the English language and the Vietnamese language of this Amendment Agreement, the Vietnamese language shall prevail.

**4.3.** Thỏa Thuận Sửa Đổi này đã được ký và có hiệu lực vào ngày ký được nêu tại phần đầu của Thỏa Thuận Sửa Đổi này.
This Amendment Agreement is duly signed and becomes effective on the signing date stated at the beginning of this Amendment Agreement.

**CÁC BÊN KÝ KẾT**
**SIGNING PARTIES**

| **TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**<br>**ISSUER** | **NGÂN HÀNG LƯU KÝ**<br>**DEPOSITORY BANK** |
|---|---|
| Họ và tên (Full Name):.....<br>Chức vụ (Position): ..... | Họ và tên (Full Name):....<br>Chức vụ (Position):.... |

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính
Ngày: 23-09-2026
055153 2026
Số chứng thực:.....Quyển số.9/.....-SCT/BS
Công Chứng Viên

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG CHÂU Á
S.Đ.K.H.Đ:79201202034-C.T.T.H.D
P. XUÂN HÒA - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hữu Đạt